

CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Địa điểm thực hiện: F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

----o0o----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Địa điểm thực hiện: F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM**



ĐẶNG VĂN CHUNG

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	v
DANH MỤC CÁC BẢNG	vi
DANH MỤC HÌNH ẢNH	vii
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.1. Tên chủ cơ sở	1
1.2. Tên Cơ sở	2
1.2.1. Địa điểm Cơ sở	2
1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt Dự án	3
1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy phép môi trường thành phần	6
1.2.4. Quy mô của Cơ sở	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở	7
1.3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở	8
1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở	10
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở	12
1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của Cơ sở	12
1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước	20
1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở	22
1.5.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở	22
1.5.2. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện Dự án	31
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	33
2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	33
2.2. Sự phù hợp ngành nghề của Cơ sở đối với Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh	33
2.2.1. Khả năng đáp ứng về hạ tầng kỹ thuật	34

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	40
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	40
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	40
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	41
3.1.3. Xử lý nước thải	44
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	48
3.2.1. Giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở	49
3.2.2. Giảm thiểu bụi từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu	49
3.2.3. Giảm thiểu hơi dung môi	49
3.2.4. Giảm thiểu tác động của hơi keo và cải thiện điều kiện lao động trong khu vực sản xuất	50
3.2.5. Giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động của khu vực chứa hóa chất	50
3.2.6. Giảm thiểu khí thải từ công đoạn hàn	51
3.2.7. Giảm thiểu khí thải phát sinh từ bơm PCCC	53
3.2.8. Giảm thiểu tác động của mùi hôi từ khu chứa rác tập trung	54
3.2.9. Biện pháp quản lý bảo đảm an toàn kho chứa	54
3.2.10. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng	56
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	57
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	57
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	59
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	61
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	63
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	63
3.6.1. Biện pháp phòng chống cháy nổ	63
3.6.2. Biện pháp sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất	67
3.6.3. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động	76
3.6.4. Biện pháp phòng chống sự cố môi trường	79
3.6.5. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước	82
3.6.6. Biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường xã hội	82
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	82

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	83
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	85
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	85
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	85
4.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa	85
4.1.3. Dòng nước thải	85
4.1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	86
4.1.5. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải.....	86
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước mưa	86
4.2.1. Mạng lưới thu gom	86
4.2.2. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận.....	87
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	87
4.3.1. Nguồn phát sinh khí thải.....	87
4.3.2. Lưu lượng xả thải tối đa	87
4.3.3. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.....	87
4.3.4. Phương thức xả thải.....	87
4.3.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	87
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	88
4.4.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	88
4.4.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	88
4.4.3. Giá trị, giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung	88
4.5. Nội dung quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	89
4.5.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh.....	89
4.5.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	90
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	92
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	92
5.1.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022	92
5.1.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023	93
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải	94

5.2.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2022.....	94
5.2.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2023.....	97
CHƯƠNG 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	100
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	100
6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	100
6.2.1. Chương trình giám sát nước thải.....	100
6.2.2. Chương trình giám sát khí thải.....	100
6.2.3. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:.....	100
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	100
CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ.....	102
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	104

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên và Môi Trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
BYT	: Bộ y tế
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTR	: Chất thải rắn
CTNH	: Chất thải nguy hại
KCNC	: Khu Công nghệ cao
NTSH	: Nước thải sinh hoạt
NTXD	: Nước thải xây dựng
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
UBND	: Ủy ban nhân dân
VN	: Việt Nam
VHTN	: Vận hành thử nghiệm

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Bảng tọa độ địa lý giới hạn của Cơ sở.....	2
Bảng 1.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến cơ sở	4
Bảng 1.3. Sản phẩm và công suất sản xuất của cơ sở.....	11
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hóa chất trong sản xuất.....	13
Bảng 1.5. Tính chất hóa lý một số nguyên, nhiên vật liệu, hóa chất sử dụng	15
Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị trong giai đoạn hoạt động của Cơ sở	17
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng điện tại Cơ sở	20
Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở.....	20
Bảng 1.9. Nhu cầu dùng nước năm 2023 tại Cơ sở	21
Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.....	21
Bảng 1.11 Bảng cơ cấu sử dụng đất tại Cơ sở	23
Bảng 1.12. Hạng mục công trình xây dựng chính	25
Bảng 1.13. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở	27
Bảng 1.14 Tiến độ thực hiện	31
Bảng 2.1. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung của Khu Công nghệ cao TP.HCM theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24/12/2020	38
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	85
Bảng 4.2. Dòng khí thải và vị trí xả thải.....	87
Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	88
Bảng 4.4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	89
Bảng 4.5. Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở	90
Bảng 4.6. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở	90
Bảng 5.1. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2022	92
Bảng 5.2. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2023	93
Bảng 5.3. Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2022	95
Bảng 5.4. Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2023	98

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Vị trí và các đối tượng xung quanh cơ sở.....	3
Hình 1.2. Quy trình sản xuất thiết bị đọc mã vạch.....	8
Hình 1.3. Dây chuyền sản xuất tại Cơ sở	10
Hình 1.4 Các sản phẩm sản xuất tại Cơ sở.....	11
Hình 1.5 Sơ đồ tổ chức quản lý cơ sở	31
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa hiện hữu	40
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải.....	41
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	43
Hình 3.4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải	45
Hình 3.5. Khu vực hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m ³ / giờ.....	48
Hình 3.6. Quy trình xử lý khí thải từ công đoạn hàn.....	52
Hình 3.7. Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn hàn	53
Hình 3.8 Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại cơ sở.....	54
Hình 3.9. Kho chứa hóa chất dạng lỏng	55
Hình 3.10. Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải rắn	57
Hình 3.11. Khu vực tập trung chất thải sinh hoạt.....	58
Hình 3.12. Nhà rác nguy hại.....	63
Hình 3.13. Những nguyên nhân và sự cố do cháy nổ gây ra.....	64
Hình 3.14. Sơ đồ ứng cứu sự cố khi cháy nổ của Nhà máy	67
Hình 3.15. Những nguyên nhân và hậu quả do sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất gây ra ...	70
Hình 3.16. Quy trình thực hiện khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất.....	75

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

- Địa chỉ văn phòng: F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông ĐẶNG VĂN CHUNG

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: +84-8 3730 8481

Fax: +84-8 3730 8482

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306686509 cấp lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 04 năm 2022 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427 cấp lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 4 năm 2021 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Tóm tắt dự án:

Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 416043000028 ngày 08 tháng 01 năm 2009.

Cơ sở được Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30 tháng 04 năm 2009 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam với tổng công suất giai đoạn 1 là 840.000 sản phẩm/năm và giai đoạn 2 là 1.740.000 sản phẩm/năm. Diện tích Cơ sở là 21.429 m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866422 ngày 08 tháng 01 năm 2011 của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự án tiếp tục triển khai mở rộng, bổ sung các hạng mục công trình xây dựng tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Các công trình cổng, hàng rào, nhà bảo vệ theo Giấy phép xây dựng số 04/GPXD-KCNC ngày 09 tháng 9 năm 2013 của BQL Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2015, do nhu cầu thị trường mở rộng, Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy xác nhận số 3683 ngày 05 tháng 06 năm 2015 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic

Việt Nam” tại Khu Công nghệ cao, quận 9 và điều chỉnh nâng công suất giai đoạn 1 – khu A từ 840.000 sản phẩm/năm lên 1.300.000 sản phẩm/năm.

Năm 2018, với mục đích nâng cao chất lượng đời sống của công nhân viên trong Công ty, Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 8282/STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 8 năm 2018 về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xây dựng số 09/GPXD ngày 11 tháng 10 năm 2018.

Năm 2021, Công ty TNHH Datalogic Việt Nam được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp văn bản số 9205/STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc thông báo kết quả vận kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam”.

1.2. Tên Cơ sở

CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

1.2.1. Địa điểm Cơ sở

Cơ sở “Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam được xây dựng tại Địa chỉ văn phòng: F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 21.429 m². Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã được cấp giấy chứng nhận đất số BD866422 ngày 08 tháng 01 năm 2011 Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vị trí tiếp giáp của Cơ sở như sau:

- Phía Bắc: giáp Công Ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies (Allied Technologies (Saigon) Co., Ltd);
- Phía Nam: giáp đất trống của KCNC TP. Hồ Chí Minh;
- Phía Đông: giáp đường nội bộ của Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh;
- Phía Tây: giáp đất trống của KCNC TP. Hồ Chí Minh.

Tọa độ vị trí thực hiện dự án theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực thành phố Hồ Chí Minh 105⁰45', múi chiếu 3⁰: như sau:

Bảng 1.1. Bảng tọa độ địa lý giới hạn của Cơ sở

Điểm	X (m)	Y (m)
1	1199620,00	615603,27

Điểm	X (m)	Y (m)
2	1199573,49	615417,12
3	1199681,82	615389,86
4	1199728,22	615576,24
5	1199620,00	615603,27

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)



Hình 1.1. Vị trí và các đối tượng xung quanh cơ sở

1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt Dự án

Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã được cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở “Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” như sau:

Bảng 1.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến cơ sở

STT	Văn bản
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306686509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 04 năm 2022.
2	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 4 năm 2021.
3	Giấy chứng nhận đất số BD 866422 ngày 08 tháng 01 năm 2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam.
4	Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30 tháng 07 năm 2009 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam.
5	Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVM ngày 05 tháng 06 năm 2015 việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” tại Khu công nghệ cao, quận 9.
6	Công văn số 8282/STNMT-CCBVM ngày 28 tháng 08 năm 2018 về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.
7	Công văn số 2085/STNMT-CCBVM ngày 26 tháng 3 năm 2021 Về việc phúc đáp Công văn số DLVN-2020026 ngày 02/11/2022 và Công văn số DLVM-2020028 ngày 24/11/2020 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.
8	Công văn số 9205/STNMT-CCBVM ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam”.
9	Giấy phép xây dựng số 04/GPXD/QHXD-KCNC ngày 20 tháng 10 năm 2004 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp cho Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies.
10	Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy số 50/PCCC/NT ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Phòng Cảnh sát PCCC – Công an TP. Hồ Chí Minh cho Công ty TNHH Sài Gòn ALLIED TECHNOLOGIES.

STT	Văn bản
11	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 604/TD-PCCC (HDPC) ngày 05 tháng 05 năm 2009 do Sở CS PC&CC TP.HCM cấp cho Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam.
12	Văn bản nghiệm thu PCCC số 675/CS PCCC TP – HDPC ngày 26 tháng 06 năm 2009 của Sở CS PC&CC TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH - Datalogic Scanning Việt Nam.
13	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 850/TD-PCCC (P2....) ngày 15 tháng 06 năm 2011 do Sở CS PC&CC TP.HCM cấp cho Công ty TNHH Datalogic Scanning VIET NAM.
14	Văn bản nghiệm thu PCCC số 138/NT-PCCC-P2 ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Sở CS PC&CC TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Datalogic Scanning VIET NAM.
15	Giấy phép xây dựng số 04/GPXD-KCNC ngày 09 tháng 09 năm 2013 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam.
16	Giấy phép xây dựng số 09/GPXD ngày 11 tháng 10 năm 2018 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.
17	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 718/TD-PCCC ngày 23 tháng 05 năm 2018 do Sở CS PC&CC TP.HCM cấp cho Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam.
18	Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1293/TD-PCCC ngày 19 tháng 11 năm 2020 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Năng lượng Aurora.
19	Văn bản nghiệm thu PCCC số 66/PC07-Đ2 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam.
20	Văn bản số 335/TD-PCCC&CNCH về việc thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cải tạo ngày 05 tháng 04 năm 2021 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

STT	Văn bản
21	Văn bản số 1709/PC07-Đ2 về việc điều chỉnh địa chỉ công trình trên giấy chứng nhận thẩm duyệt và công văn nghiệm thu về PCCC đối với công trình Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy Datalogic Việt Nam ngày 07 tháng 04 năm 2021 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Năng lượng Aurora.
22	Văn bản số 102/TD-PCCC&CNCH về việc thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cải tạo ngày 03 tháng 03 năm 2022 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.
23	Văn bản số 336/PC07-Đ2 về việc nghiệm thu về PCCC ngày 21 tháng 06 năm 2022 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.
24	Hợp đồng kinh tế số 210/2024/HĐKT/VX-DT ngày 12/03/2024 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
25	Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.001337.T (Cấp lần 5) do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 9 năm 2016.

1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy phép môi trường thành phần

Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30 tháng 07 năm 2009 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam.

Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVMТ ngày 05 tháng 06 năm 2015 việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” tại Khu công nghệ cao, quận 9.

Công văn số 8282/STNMT-CCBVMТ ngày 28 tháng 08 năm 2018 về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Công văn số 2085/STNMT-CCBVMТ ngày 26 tháng 3 năm 2021 Về việc phúc đáp Công văn số DLVN-2020026 ngày 02/11/2022 và Công văn số DLVM-2020028 ngày 24/11/2020 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Công văn số 9205/STNMT-CCBVMТ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam”.

Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.001337.T cấp lần 05 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/09/2016.

1.2.4. Quy mô của Cơ sở

- Về vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư của Cơ sở 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đôla Mỹ, tương đương 782.000.000.000 (bảy trăm tám mươi hai tỷ), đồng Việt Nam.

→ Dự án thuộc nhóm B - thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 có tổng mức đầu tư từ 80 tỷ đồng đến dưới 1.500 tỷ đồng.

- Về loại hình Cơ sở: Sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay, thiết bị đọc mã vạch gắn cố định và máy tính di động công suất 1.300.000 sản phẩm/năm.

→ Căn cứ theo mục số 17 Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường công suất lớn.

→ Dự án đầu tư thuộc nhóm I, mục số 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam nay là Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30 tháng 07 năm 2009. Hiện nay, Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã đi vào hoạt động.

→ Căn cứ theo khoản 1 Điều 39 và khoản 4 điều 41 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Cơ sở “Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cấp tỉnh.

→ Tuy nhiên, căn cứ theo khoản 7 Điều 9 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh Cơ sở “Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở

- Mục tiêu: Thiết kế và sản xuất các thiết bị thu thập dữ liệu tự động ngoại vi và phần mềm do doanh nghiệp sản xuất (sản phẩm, phụ kiện, linh kiện và các linh kiện được lắp ráp) bao gồm thiết bị đọc mã vạch cầm tay, thiết bị đọc mã vạch gắn cố định và máy tính di động.

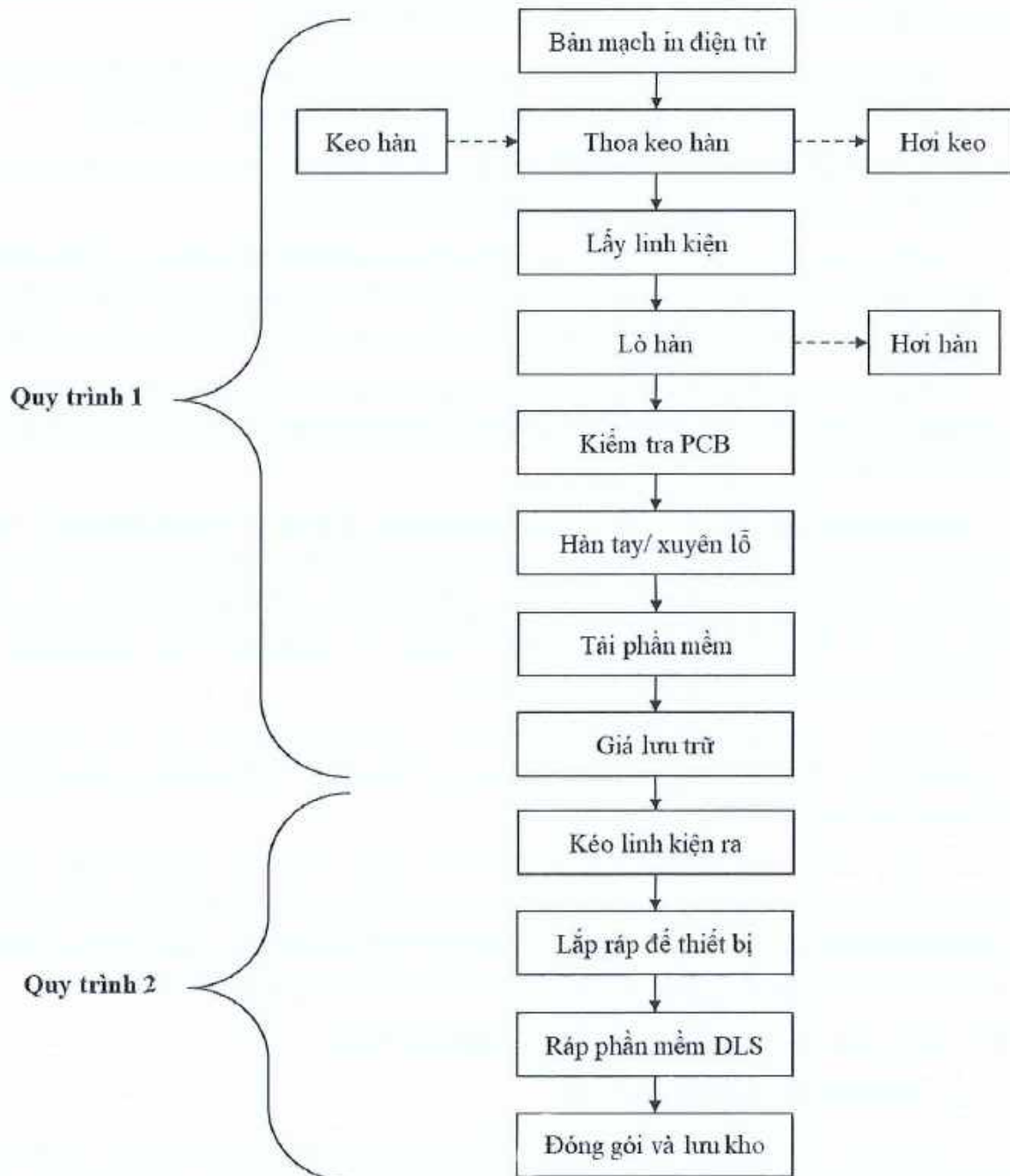
- Công suất: 1.300.000 sản phẩm/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở

Quy trình sản xuất thiết bị đọc mã vạch của công ty gồm 2 quy trình chính:

- Quy trình 1: Tiến hành hàn linh kiện trên bản mạch điện tử.
- Quy trình 2: Lắp ráp hoàn chỉnh thiết bị đọc mã vạch trên dây chuyền sản xuất.

Quy trình sản xuất thiết bị đọc mã vạch



Hình 1.2. Quy trình sản xuất thiết bị đọc mã vạch

✦Thuyết minh quy trình:

Nguyên vật liệu: Nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất được Cơ sở nhập khẩu từ các nhà cung cấp.

Thoa keo hàn: Cơ sở sử dụng các bảng mạch in điện tử có khoan lỗ để tiến hành thoa chất hàn trên bề mặt bảng mạch điện tử. Tại đây, sử dụng máy in kem hàn để tự động thoa chất hàn lên bản mạch. Sau đó, bảng mạch sẽ đi qua máy kiểm kem hàn (SPI) để kiểm tra.

Tại công đoạn này, phát sinh hơi kem hàn, Cơ sở đã lắp đặt hệ thống thu gom hơi hóa chất, đảm bảo chất lượng không khí tại nơi làm việc cho công nhân cũng như môi trường. Bên cạnh đó, quy trình được thực hiện tự động nên sẽ giảm thiểu tối đa việc công nhân tiếp xúc trực tiếp với hơi keo hàn này.

Lắp linh kiện: Bảng mạch điện tử sau khi được thoa keo hàn sẽ được chuyển qua máy lắp linh kiện bằng băng chuyền tự động. Tại đây, các linh kiện sẽ được công nhân đưa vào bộ phận nạp linh kiện của máy gắn linh kiện tự động với tốc độ cao để lắp linh kiện trên bề mặt bảng mạch điện tử. Máy tự động lắp đặt linh kiện khi chạy chương trình.

Hàn linh kiện: Bảng mạch sau khi lắp linh kiện sẽ được đưa qua máy hàn đối lưu để làm khô cứng keo hàn. Máy móc sản xuất tự động sử dụng bộ sung Nitơ lỏng để gia nhiệt theo chương trình cài đặt tùy theo yêu cầu và chất lượng của từng bảng mạch điện tử.

Tại đây, phát sinh khói hàn và nhiệt dư từ quá trình hàn. Cơ sở đã lắp đặt hệ thống thu gom xử lý khói hàn cho từng máy hàn đối lưu và thực hiện các biện pháp nội vi nhằm đảm bảo chất lượng không khí trong nhà xưởng.

Kiểm tra PCB: Sau khi linh kiện đã hàn xong, tiến hành kiểm tra ngoại quan bằng máy kiểm tra ngoại quan linh kiện (AOI) và máy kiểm tra bo mạch điện tử (X-ray). Sau đó, công nhân tiến hành kiểm tra ngoại quan để loại bỏ các bảng mạch không đạt yêu cầu trước khi chuyển qua công đoạn tiếp theo.

Các bảng mạch không đạt yêu cầu được Cơ sở thu gom và xử lý theo quy định. Tại các công đoạn trước, Cơ sở sử dụng quy trình tự động nên sẽ hạn chế tối đa lượng phế phẩm hình thành tại các công đoạn sau.

Hàn tay/ xuyên lỗ: Tùy vào từng loại bảng mạch, công nhân sẽ dùng máy hàn điểm hoặc thực hiện hàn thủ công các thiết bị đấu nối và các thiết bị bị xuyên lỗ khác trên bảng mạch. Cơ sở bố trí chụp hút tại từng máy hàn tại từng bàn làm việc trong dây chuyền, đảm bảo thu gom và xử lý khói hàn theo đúng quy định.

Tải phần mềm: Công nhân tiến hành kiểm tra hoạt động của bảng mạch và tải phần mềm ứng dụng tự động vào bảng mạch.

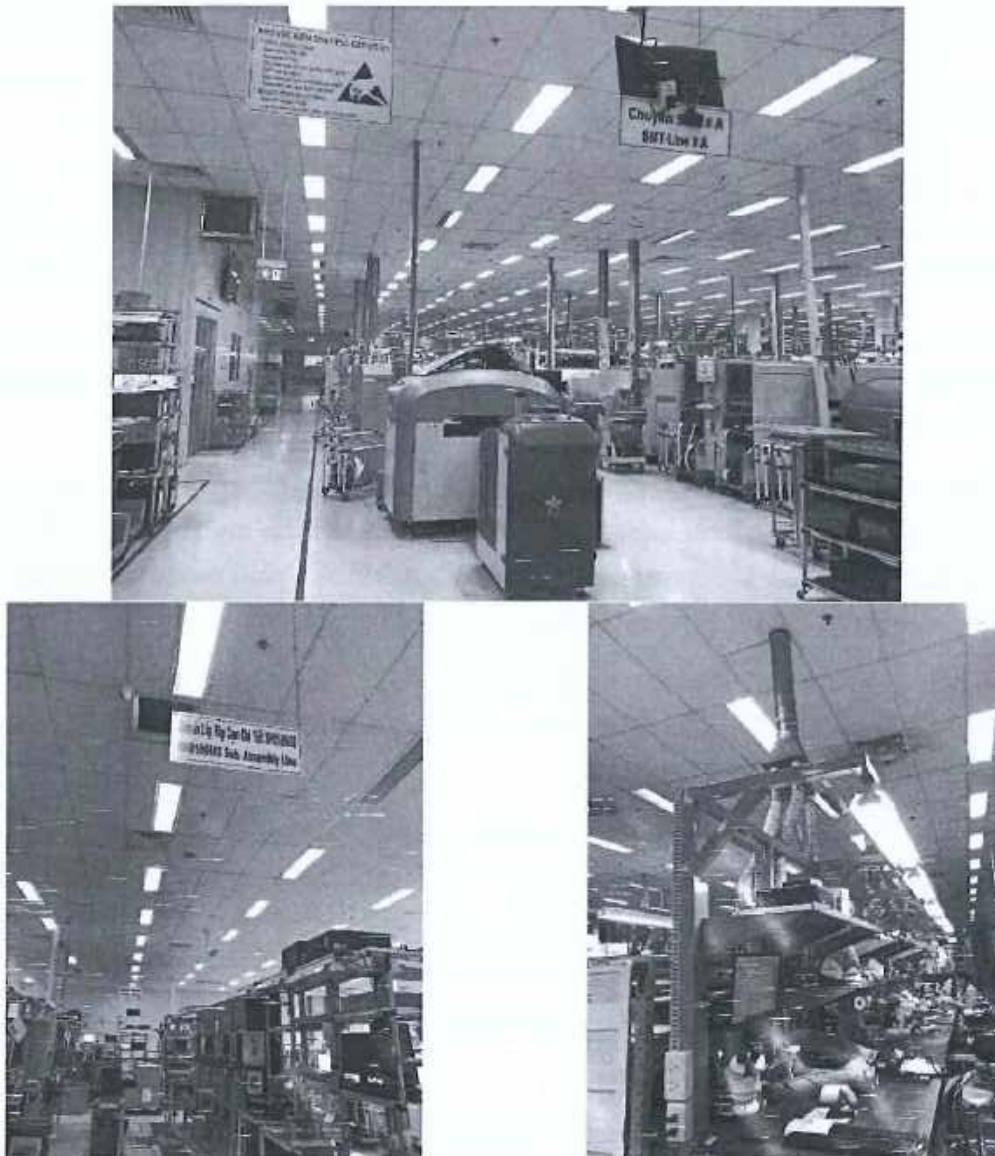
Lưu trữ: Các bảng mạch hoàn chỉnh được chuyển đến các giá lưu trữ để chuẩn bị cho quy trình sản xuất tiếp theo.

Kéo linh kiện ra: Linh kiện và bảng mạch điện tử từ giá lưu trữ theo yêu cầu của quá trình sản xuất được công nhân lấy ra để tiến hành các bước lắp ráp tiếp theo.

Lắp ráp để thiết bị: Lắp ráp để của thiết bị đọc mã vạch, kéo những phụ kiện gia công lắp ráp từ những trạm phụ kiện. Quy trình này được công nhân thực hiện bán tự động, sử dụng máy cân chỉnh thấu kính, máy bắt ốc tự động và kiểm tra độ hở.

Ráp phần mềm DLS: Đưa phần mềm DLS vào thiết bị đọc mã vạch (scanner) và kiểm tra chức năng của thiết bị đọc mã vạch tại trạm kiểm tra. Bên cạnh đó, trang bị phụ kiện ngoại vi cho thiết bị mã vạch với cáp, nhân, nguồn cung cấp điện,.... Công nhân tiến hành ráp thêm cáp bằng thủ công, sau đó tải phần mềm tự động từ máy tính và kiểm tra cấu hình bằng máy kiểm tra cân nặng, máy kiểm tra chức năng và máy .

Đóng gói và lưu kho: Đóng gói, lưu kho và vận chuyển đến nơi tiêu thụ. Hoạt động thủ công, sử dụng xe nâng hàng để vận chuyển pallet.



Hình 1.3. Dây chuyền sản xuất tại Cơ sở

1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở

- Sản phẩm: Sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay và thiết bị đọc mã vạch cố định.

- Công suất: 1.300.000 sản phẩm/năm.

Bảng 1.3. Sản phẩm và công suất sản xuất của cơ sở

STT	Sản phẩm	Công suất sản xuất (sản phẩm/năm)		
		Theo xác nhận hoàn thành	Năm 2023	Đề xuất cấp GPMT
1	Thiết bị đọc mã vạch cầm tay, thiết bị đọc mã vạch gắn cố định và máy tính di động	1.300.000	892.016	1.300.000
Tổng cộng		1.300.000	892.016	1.300.000

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

Một số hình ảnh về các sản phẩm của Cơ sở



Hình 1.4 Các sản phẩm sản xuất tại Cơ sở

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của Cơ sở

1.4.1.1. Danh mục và khối lượng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất của Cơ sở

Nguyên liệu phục vụ cho giai đoạn hoạt động sản xuất của Cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hóa chất trong sản xuất

STT	Tên nguyên vật liệu	Khối lượng (kg/năm)	Xuất xứ	Tỷ lệ hao hụt (%)	Khối lượng chất thải phát sinh (kg/năm)
1	Nguyên, vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất				
1.1	Phụ tùng đúc nhựa và cao su	457.943	Trung Quốc, Ý, Việt Nam	1,0	4.579,43
1.2	Phụ tùng kim loại	300.324	Trung Quốc, Ý, Thái Lan, Việt Nam	1,0	3.003,24
1.3	Bao bì đóng gói và nhãn dán	177.567	Slovakia, Việt Nam	1,0	1.775,67
1.4	Linh kiện điện tử	99.813	Ý, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản	0,5	499,07
1.5	Phụ tùng bằng cao su	62.944	Trung Quốc, Ý, Việt Nam	1,0	629,44
1.6	Nitơ lỏng	58.020	Việt Nam		0,00
1.7	Phụ tùng thủy tinh và phụ tùng quang	59.110	Ý, Trung Quốc, Singapore, Việt Nam	1,0	591,10
1.8	Dây cable điện	32.271	Trung Quốc, Việt Nam	1,0	322,71
1.9	Bảng mạch in điện tử chưa lắp linh kiện và có lắp linh kiện (PCB & PCBA)	16.372	Trung Quốc, Việt Nam	0,5	81,86
1.10	Chất hàn (Dạng kem, thanh, dây)	7.976	Singapore	-	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên nguyên vật liệu	Khối lượng (kg/năm)	Xuất xứ	Tỷ lệ hao hụt (%)	Khối lượng chất thải phát sinh (kg/năm)
1.11	Pin, Bộ nguồn và Adapter	5.126	Trung Quốc, Mỹ, Ý	0,5	25,63
1.12	Màn hình điện tử	1.295	Trung Quốc	1,0	12,95
1.13	Phụ tùng khác	1.146	Ý, Mỹ, Trung Quốc, Việt Nam	1,0	11,46
	Tổng	1.279.907	-	-	11.532,56
2	Hóa chất sử dụng trong sản xuất				
2.1	Hóa chất tẩy rửa IPA	984	Việt Nam	-	-
2.2	Keo dán (Lòng)	393	Việt Nam	3	11,79
	Tổng	1.377	-	-	11,79
3	Nhiên liệu sử dụng				
3.1	Dầu DO	638	Việt Nam	-	-
3.2	LPG	8.006	Việt Nam	-	-
	Tổng	8.644	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

1.4.1.2. Hóa chất và nhiên liệu sử dụng của cơ sở

⚡ Đặc tính của một số loại nhiên liệu, hóa chất sử dụng tại Cơ sở

Tính chất hóa lý một số nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng tại Cơ sở

Bảng 1.5. Tính chất hóa lý một số nguyên, nhiên vật liệu, hóa chất sử dụng

STT	Nguyên nhiên vật liệu, hóa chất	Thành phần/ tính chất
1	Hóa chất tẩy rửa IPA	- Công thức hóa học: C_3H_8O - Tính chất: chất không màu với mùi hắc và hơi ngọt, có nồng độ bay hơi cao, tan vô hạn trong nước và nhiều dung môi hữu cơ. Khối lượng phân tử 60,1 g/mol.
2	Keo dán (Lỏng)	- Thành phần chính: Ethyl 2 – cyanoacrylate (60 – 100%) - Tính chất: chất lỏng, không màu, có độ nhớt thấp.
3	Chất hàn	- Thành phần: Glycol ether (20 – 30%); Propietary rosin (20 – 30%); Rosin (20 – 30%); Acid hữu cơ (1 – 10%); Amide (1 – 10%) - Độc tính: Gây kích ứng dự án nhẹ, gây nguy hiểm cho mắt.
4	Dầu DO	- Thành phần: + Dầu diesel: 100% + Lưu huỳnh: 0,001 – 0,05% - Tính chất: chất lỏng, dễ cháy nổ khi tiếp xúc với ngọn lửa trần ở điều kiện nhiệt độ thường.
5	LPG	- Thành phần chính: Propane, propene, iso – butane, n – butane - Thành phần phụ: Metan, ethane, neo – pentane, iso – pentane, n – pentane, 1,3 – butadiene, ethyl mercaptan - Tính chất: chất khí, không màu, không mùi, không độc nhưng được pha phụ gia (tạo mùi đặc trưng) để dễ phân biệt.

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

Ghi chú: Thành phần tính chất hóa lý của các hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất của cơ sở được trình bày trong MSDS (đính kèm Phụ lục III).

1.4.1.3. Danh mục máy móc, thiết bị của

⚡Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của Cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của Cơ sở được nêu trong bảng sau:

Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị trong giai đoạn hoạt động của Cơ sở

STT	Tên máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất Kw.h	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
I	Máy móc, thiết bị phục vụ dây chuyền công nghệ sản xuất các chi tiết nhựa - MOLD						
I.1	Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất máy đọc mã vạch						
1.1	Máy cân chỉnh thấu kính	Cái	43	0,62 0,75 0,425	Việt Nam, Đức	2023	Mới (Thay thế máy cũ)
1.2	Máy kiểm tra chức năng (Guntester)	Cái	34	0,514 3,25	Việt Nam	2023	Mới (Thay thế máy cũ)
1.3	Máy bắt ốc tự động và kiểm tra độ hở (Load stop)	Cái	2	0,97	Mỹ	2023	Mới (Thay thế máy cũ)
1.4	Máy kiểm tra cân nặng (Scale calibration)	Cái	2	0,45	Việt Nam	2023	Mới (Thay thế máy cũ)
1.5	Máy kiểm tra chức năng (USSTester)	Cái	9	2,3	Ý	2023	Mới (Thay thế máy cũ)
I.2	Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất PCBA						

SIT	Tên máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất Kw.h	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
2.1	Máy in kem hàn (Printer)	Cái	6	1,4 2,2	Thụy Sĩ Anh Trung Quốc	2004, 2005, 2006, 2011, 2014, 2015	Hoạt động tốt
2.2	Máy kiểm kem hàn (SPI)	Cái	2	3,0	Đài Loan	2015, 2018	Hoạt động tốt
2.3	Máy gắn linh kiện SMD	Cái	16	2,2 1,4 1,2 2,9 2,8 2,0 4,4	Singapore, Đức, Malaysia, Nhật Bản	2003, 2004, 2006, 2006, 2011, 2014, 2015, 2018	Hoạt động tốt
2.4	Máy hàn đối lưu (Reflow)	Cái	6	40 60	Trung Quốc Hàn Quốc	2004, 2006, 2011, 2015, 2018, 2020	Hoạt động tốt
2.5	Máy kiểm tra ngoại quan linh kiện (AOI)	Cái	3	2,2	Hàn Quốc	2017, 2020	Hoạt động tốt
2.6	Máy hàn điểm (Selective Soldering)	Cái	2	10 22	Đức	2006, 2019	Hoạt động tốt

STT	Tên máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất Kw.h	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
2.7	Tủ sấy linh kiện	Cái	1	2,0	Đức	2004	Hoạt động tốt
2.8	Máy sửa bo mạch, SMD	Cái	1	1,6	Nhật Bản	2011	Hoạt động tốt
2.9	Máy sửa bo mạch, IMD	Cái	1	1,4	Mỹ	2018	Hoạt động tốt
2.10	Máy kiểm tra bo mạch điện tử (X-ray)	Cái	1	2,0	Đức	2004	Hoạt động tốt
II	Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất						
1	Máy phát điện	Cái	2	32 52	Anh	2008, 2011	Hoạt động tốt

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước

1.4.2.1. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện

Nguồn điện cung cấp cho các hoạt động của Cơ sở được lấy thuộc mạng lưới điện quốc gia từ Công ty điện lực Thủ thiêm và hệ thống điện mặt trời được kết nối đến các trạm cung cấp khác nhau, đảm bảo cung cấp đến nhà xưởng của Cơ sở.

Nhu cầu sử dụng: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện thực tế năm 2023, ước tính trung bình nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở là 384.429 kWh/tháng.

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng điện tại Cơ sở

STT	Tháng	Nhu cầu sử dụng điện
		Công suất (kWh)
1	Tháng 01/2023	263.580
2	Tháng 02/2023	396.994
3	Tháng 03/2023	441.487
4	Tháng 04/2023	409.558
5	Tháng 05/2023	427.575
6	Tháng 06/2023	438.294
7	Tháng 07/2023	372.868
8	Tháng 08/2023	419.110
9	Tháng 09/2023	357.797
10	Tháng 10/2023	376.446
11	Tháng 11/2023	360.084
12	Tháng 12/2023	349.360
	Trung bình	384.429

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

Căn cứ nhu cầu tại Nhà máy hiện hữu và kinh nghiệm sản xuất của Chủ đầu tư, tổng công suất tối đa cấp điện cho cơ sở ước tính như sau:

Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

	Năm 2023	Cơ sở
Nhu cầu sử dụng điện (kWh/tháng)	384.429	560.256

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

1.4.2.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

Nguồn nước sử dụng được cấp từ nhà máy nước Thủ Đức thông qua hệ thống hạ tầng của Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh. Sử dụng đường ống nhựa PVC và được thiết kế theo dạng mạch vòng.

Nhu cầu sử dụng: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước thực tế từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023, ước tính trung bình nhu cầu sử dụng nước tại Cơ sở là 57,95 m³/ngày.

Bảng 1.9. Nhu cầu dùng nước năm 2023 tại Cơ sở

STT	Tháng	Nhu cầu dùng nước (m ³ /tháng)
1	Tháng 01/2023	1.996
2	Tháng 02/2023	2.360
3	Tháng 03/2023	1.733
4	Tháng 04/2023	1.684
5	Tháng 05/2023	1.487
6	Tháng 06/2023	1.526
7	Tháng 07/2023	1.406
8	Tháng 08/2023	1.424
9	Tháng 09/2023	1.181
10	Tháng 10/2023	1.338
11	Tháng 11/2023	930
12	Tháng 12/2023	1.014
	Trung bình	1.506,58 m³/tháng Tương đương 57,95 m³/ngày

Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

TT	Nhu cầu sử dụng	Quy mô	Định mức	Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho các hoạt động của người lao động tại cơ sở	700 người	45 lít/người	31,5	Thu gom, xử lý qua HTXLNT
2	Nước cấp cho hoạt động nấu ăn	700 người	25 lít/người	17,5	Thu gom, xử lý qua HTXLNT
3	Nước tưới cây	S= 4.285,8 m ²	2 lít/m ² /lần tưới	8,57	Thấm đất

TT	Nhu cầu sử dụng	Quy mô	Định mức	Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày)	Ghi chú
4	Nước rửa đường	S= 6.351,2 m ²	0,4 lít/m ² / lần tưới	2,54	Thấm đất
Tổng cộng				60,11	

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở

Cơ sở “Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” được thực hiện tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng diện tích đất sử dụng là 21.429 m². Công ty TNHH Datalogic Việt Nam cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866422; Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xây dựng số 04/GPXD/QHXD-KCNC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Giấy phép xây dựng số 04/GPXD-KCNC ngày 09 tháng 09 năm 2013, Giấy phép xây dựng số 09/GPXD ngày 11 tháng 10 năm 2018.

Công ty đã xây dựng hoàn thiện các công trình chính và phụ trợ như nhà xưởng, văn phòng, bảo vệ,... Các hạng mục công trình, hạ tầng đảm bảo đáp ứng hoạt động ổn định công suất 1.300.000 sản phẩm/năm. Chi tiết cơ cấu sử dụng đất được trình bày như sau:

Bảng 1.11 Bảng cơ cấu sử dụng đất tại Cơ sở

STT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)	Hồ sơ pháp lý	Ghi chú
A	Đất xây dựng công trình					
I	Các hạng mục công trình chính		10.272,00	47,94		
1	Nhà văn phòng	2	1.632,00	7,62	Giấy phép xây dựng số 04/GPXD/QHXD-KCNC ngày 10 tháng 10 năm 2004	Hiện hữu
2	Nhà xưởng	1	8.640,00	40,32		Hiện hữu
II	Các hạng mục công trình phụ trợ		412,00	1,92		
1	Nhà ăn công nhân	3	400,00	1,87	Giấy phép xây dựng số 09/GPXD ngày 11 tháng 10 năm 2018	Hiện hữu
2	Nhà bảo vệ	1	12,00	0,06	Giấy phép xây dựng số 09/GPXD ngày 11 tháng 10 năm 2018	Hiện hữu
III	Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường		108,00	0,50		
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	-	-	-		Hiện hữu
2	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	-	-	-		Hiện hữu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)	Hồ sơ pháp lý	Ghi chú
3	Bể tự hoại	Ngầm	-	-	Giấy phép xây dựng số 04/GPXD - KCNC ngày 09 tháng 09 năm 2013	Hiện hữu
4	Hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m ³ /ngày đêm	-	48,00	0,22	Giấy phép xây dựng số 09/GPXD ngày 11 tháng 10 năm 2018	Hiện hữu
5	Nhà rác	1	12,00	0,06		Hiện hữu
6	Kho CTNH	1	18,00	0,08		Hiện hữu
7	Kho chất thải rắn thông thường	1	30,00	0,14		Hiện hữu
B	Đất giao thông, sân bãi	-	6.351,20	29,64		
C	Đất cây xanh	-	4.285,80	20,00		
Tổng diện tích khu đất (A + B + C)			21.492,00	100,00		

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

1.5.1.1. Các hạng mục công trình chính

Cơ sở được thực hiện tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng diện tích đất sử dụng là 21.429 m². Trong đó, quy mô diện tích đất và bố trí sàn sử dụng cho các hạng mục công trình chính của cơ sở như sau:

Bảng 1.12. Hạng mục công trình xây dựng chính

STT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nhà xưởng	1	8.640	40,32	Không thay đổi
2	Nhà văn phòng	2	1.632	7,62	Không thay đổi
	Tổng cộng		10.272	47,94	

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

a. Nhà xưởng

Diện tích xây dựng: 8.640 m².

Tầng cao công trình: 1 tầng.

Chiều cao: 11 ~ 17,5 m.

Kết cấu: Khung cột bằng bê tông cốt thép (BTCT), tường gạch kết hợp lợp tole có lớp cách nhiệt, mái lợp tole có lớp cách nhiệt, vì kèo thép, sàn nền BTCT trên bệ móng cọc BTCT.

Nhà xưởng, kho chứa đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Kho chứa nguyên liệu đảm bảo được thiết kế, xây dựng theo QCVN 05A:2020/BCT và tuân thủ theo quy định của Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017.

Theo QCVN 05A:2020/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển quy định về tiêu chuẩn kho chứa đối với các loại hóa chất:

- Kho chứa được vệ sinh khô ráo, thông thoáng, có hệ thống thông gió tự nhiên. Đối với các chất dễ bị oxy hóa, bay hơi, chất nổ bất lửa ở nhiệt độ thấp phải thường xuyên theo dõi độ ẩm và nhiệt độ.

- Kho chứa các hóa chất ăn mòn được làm bằng các vật liệu không bị ăn mòn phá hủy. Nền kho được xây dựng bằng phẳng, Công ty bố trí phao vây, trường hợp có sự cố sẽ vây cô lập không để lan ra xung quanh và thấm xuống nền.

- Nhà xưởng, kho chứa hóa chất nguy hiểm dạng lỏng phải có hệ thống bờ, rãnh thu gom để đảm bảo; hóa chất không thoát ra môi trường; hóa chất không tiếp xúc với các loại

hóa chất có khả năng phản ứng trong trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất nguy hiểm khác.

- Các hóa chất có đặc tính không tương thích phải được bảo quản bằng cách phân lập khu vực theo khoảng cách an toàn hoặc cách ly trong các khu vực riêng biệt bằng tường chắn để đảm bảo không tiếp xúc với nhau kể cả khi xảy ra sự cố.

- Đối với hóa chất dễ cháy, nổ không dễ cùng với ôxy, các chất có khả năng sinh ra ôxy, các hóa chất nguy hiểm có đặc tính không tương thích, các chất có yêu cầu về phương pháp chữa cháy khác nhau hoặc có khả năng tạo phản ứng nguy hiểm khi tiếp xúc hoặc cháy.

Ngoài ra, tiêu chuẩn kho chứa cần đảm bảo theo đúng Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất như sau:

- Nhà xưởng được xây dựng đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất.

- Công ty đã bố trí sơ đồ có hướng dẫn lối, cửa thoát hiểm. Lối thoát hiểm được chỉ dẫn rõ ràng bằng bảng hiệu, đèn báo và được thiết kế thuận lợi cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

- Hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy định để đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu trữ hóa chất. Thiết bị điện trong nhà xưởng, kho chứa có hóa chất dễ cháy, nổ đáp ứng các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ.

- Nhà xưởng, kho chứa hóa chất có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất, treo ở nơi dễ thấy.

- Nhà xưởng, kho chứa đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung về quản lý hóa chất nguy hiểm tại Luật số 06/2007/QĐ12: Luật hóa chất ngày 21/11/2007 của Quốc hội, Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương về hướng dẫn Luật hóa chất.

- Báo cáo hóa chất định kỳ qua hệ thống dữ liệu hóa chất Quốc gia theo Điều 9 Thông tư 32/2017/TT-BCT.

- Huấn luyện an toàn hóa chất theo Chương VI Nghị định 113/2017/NĐ-CP.

- Diễn tập định kỳ, lập biện pháp và kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo Điều 21 Nghị định 113/2017/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư 32/2017/TT-BCT.

b. Nhà văn phòng

Diện tích xây dựng: 1.632 m².

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Tầng cao công trình: 2 tầng.

Chiều cao: 16,92 m.

Kết cấu: Khung cột bằng bê tông cốt thép (BTCT), tường gạch, mái bằng BTCT.

1.5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 1.13. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở

STT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Nhà ăn công nhân	3	400,00	Không thay đổi
2	Nhà bảo vệ	1	12,00	Không thay đổi
3	Hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m ³ /ngày đêm	-	48,00	Không thay đổi
4	Nhà rác	1	12,00	Không thay đổi
5	Kho CTNH	1	18,00	Không thay đổi
	Tổng cộng		490	

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

🏠 Nhà ăn công nhân

Diện tích xây dựng: 400 m².

Tầng cao công trình: 3 tầng.

Chiều cao: 16,75 m.

Kết cấu: Khung cột bằng bê tông cốt thép (BTCT), dầm sàn BTCT đúc sẵn lắp ghép dạng nhà công nghiệp có dầm cầu chạy treo cầu trục. Tường vách bằng gạch, mái lợp tole màu, khung kèo, giằng thép, sàn nền BTCT trên hệ móng cọc BTCT.

🏠 Nhà bảo vệ

Diện tích xây dựng: 12 m².

Tầng cao công trình: 1 tầng.

Chiều cao: 3,6 m.

Kết cấu: BTCT, tường xây gạch, mái bằng BTCT. Nền nhà BTCT.

🚰 Hệ thống cấp nước

Nguồn nước cung cấp cho Khu CNC lấy từ hệ thống nước máy của thành phố HCM cung cấp nước cho các nhà đầu tư thứ cấp thông qua hệ thống đường ống trong khi. Công suất thiết kế hệ thống cung cấp nước là 9.500 m³/ngày với mạng lưới đường ống phân phối nước dài khoảng 21km. Hệ thống này thích hợp với mọi yêu cầu nhà đầu tư. Nguồn cung

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

cấp nước cho Khu CNC được lấy từ mạng lưới cấp nước của Thành phố cụ thể là từ hai nhà máy Thủ Đức và Bình An. Nếu một nhà máy ngừng hoạt động, nhà máy kia sẽ thay thế. Ngoài ra, Khu CNC cũng có bồn chứa dự phòng với trữ lượng 3.500m³.

Ổng cấp nước ngầm có đường kính D120, đầu nối vào vị trí tuyến ống cấp trên lề đường N3 của Khu CNC TP.HCM.

⚡Hệ thống cấp điện

Nguồn điện cấp lấy từ hệ thống cáp ngầm 15/22 KV dọc lề đường N3 của Khu CNC TP.HCM.

⚡Hệ thống phòng cháy, chữa cháy

Các thiết bị phòng cháy ban đầu bao gồm bình bột, bột theo các quy định PCCC.

Trang bị đầy đủ hệ thống cứu hỏa bao gồm: hệ thống lấy nước, van cứu hỏa, bình hơi, bình bột chống cháy cá nhân, Hộp, dụng cụ cứu hỏa cho tất cả kho chứa nguyên liệu, Nguồn nước chống cháy bao hồ nước cùng máy bơm chữa cháy.

Công ty bố trí 01 nhà bơm chữa cháy với 3 máy bơm: 1 bơm điện công suất 10HP cho khu vực nhà ăn, 01 bơm điện công suất 30HP cho khu vực xưởng sản xuất, 1 bơm Diesel công suất 50HP.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam số 604/TD-PCCC(HDPC) của Sở cảnh sát PC&CC TP.HCM ngày 05 tháng 05 năm 2009; Văn bản nghiệm thu PCCC của Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam số 675/CS PCCC TP – HDPC của Sở cảnh sát PC&CC TP.HCM ngày 26 tháng 06 năm 2009.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam số 850/TD-PCCC(P2) của Sở cảnh sát PC&CC TP.HCM ngày 15 tháng 06 năm 2011; Văn bản nghiệm thu PCCC của Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam số 138/NT-PCCC-P2 của Sở cảnh sát PC&CC TP.HCM ngày 13 tháng 01 năm 2012.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam số 718/TD-PCCC của Sở cảnh sát PC&CC TP.HCM ngày 23 tháng 05 năm 2018.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà nhà máy Datalogic Việt Nam số 1293/TD/PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP. HCM ngày 19 tháng 11 năm 2020.

- Văn bản nghiệm thu PCCC của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam số 66/PC07-Đ2 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP.HCM ngày 19 tháng 01 năm 2021.

⚡Đường giao thông, sân bãi

Đường giao thông, sân bãi nội bộ chủ yếu là khoảng sân phía trước và các đường chạy dọc theo các nhà xưởng nhằm thuận lợi cho việc vận chuyển nội bộ của cơ sở.

Đường có kết cấu bê tông, khả năng chịu tải trọng đến 40 tấn, mặt đường rộng 6m.

4. Cây xanh, thảm cỏ

Diện tích cây xanh, thảm cỏ của Công ty là 4.285,8 m², khoảng 20% tổng diện tích đất thực hiện cơ sở đảm bảo đạt tỷ lệ diện tích cây xanh tối thiểu theo QCVN 01:2021/BXD.

Hiện nay cây xanh của cơ sở đang được trồng xung quanh nhà xưởng, dọc theo hàng rào nhà xưởng và khu xử lý nước thải).

1.5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở sẽ được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải. Hệ thống đảm bảo cho khả năng tiêu thoát nước mưa tốt tại Cơ sở.

Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCNC TP. Hồ Chí Minh bằng cống bê tông cốt thép D400mm thông qua 02 điểm đầu nối (01 điểm đầu nối trên đường N3 và 01 điểm đầu nối vào hố ga thu gom trước khi đổ ra cửa xả Suối Gò Cát).

Tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục thành phố Hồ Chí Minh 105°45', múi chiếu 3°:

Tọa độ vị trí xả nước mưa tại điểm cửa xả Suối Cái (điểm xả 1): X: 1.161.746; Y: 580.015.

Tọa độ vị trí xả nước mưa tại điểm đường N3 (điểm xả 2): X: 1.161.769; Y: 580.004.

b. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa để thu gom và xử lý nước thải theo nguyên tắc tự chảy.

Nước thải sau hệ thống xử lý được dẫn bằng ống nhựa PVC Ø 220 vào hố thu nước thải bằng bê tông có kích thước D x R x C = 1 x 1 x 1,5 (m). Từ hố thu nước thải sau xử lý nước được dẫn xả ra nguồn tiếp nhận bằng cống bê tông đường kính 1m để xả vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCNC.

Vị trí xả nước thải: X = 1.199.558; Y = 615.428 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục thành phố Hồ Chí Minh 105°45', múi chiếu 3°).

c. Hệ thống XLNT 70 m³/ngày

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại + nước vệ sinh nhà xưởng + nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu

khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí Biofor MBBR → Bể lắng II → Đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCNC TP. Hồ Chí Minh, nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCNC TP. Hồ Chí Minh.

Công suất thiết kế: 70 m³/ngày.đêm.

Số lượng: 01 hệ thống.

Diện tích: 34,92 m².

Vị trí xả nước thải: X = 1.199.558; Y= 615.427 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực thành phố Hồ Chí Minh 105⁰45', múi chiều 3⁰).

d. Công trình xử lý bụi, khí thải

⇓ Hệ thống xử lý khói hàn

Hệ thống tháp hấp phụ than hoạt tính để xử lý khói thải phát sinh do quá trình hàn với công suất 4.000 m³/giờ. Quy trình xử lý khí thải như sau: Hơi khói hàn C Hệ thống chụp hút → Quạt hút → Thiết bị hấp thụ bằng than hoạt tính → Ống thải, khí thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=1,0; Kv=1); QCVN 20:2009/BTNMT.

Vị trí hệ thống xử lý khí thải: Bên trên nhà xưởng – phần thông tầng.

Diện tích khu vực bố trí hệ thống: 3 m².

Tọa độ ống thải: X=1.199.692; Y=615.476 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực thành phố Hồ Chí Minh 105⁰45', múi chiều 3⁰).

e. Công trình lưu trữ, xử lý chất thải rắn

⇓ Chất thải rắn sinh hoạt

Vị trí: bố trí ở phía Nam của nhà xưởng.

Diện tích: 12m².

Thiết kế, cấu tạo: Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt có nền bê tông.

⇓ Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Vị trí: kho lưu chứa được bố trí ở phía Đông của nhà xưởng.

Diện tích: 30 m².

Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường được bố trí có nền bê tông chống thấm, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

⇓ Chất thải nguy hại

Vị trí: kho lưu chứa được bố trí ở phía Đông của nhà xưởng.

Diện tích: 18 m².

Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại được bố trí có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong kho chứa, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo; trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.5.2. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện Dự án

1.5.2.1. Tiến độ thực hiện Dự án

Thời gian thực hiện các công việc trong quá trình triển khai dự án bao gồm các nội dung cần thực hiện cụ thể như sau:

Bảng 1.14 Tiến độ thực hiện

STT	Các giai đoạn thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Giai đoạn 1	2009 – 2019
2	Giai đoạn 2	2020 – 2023

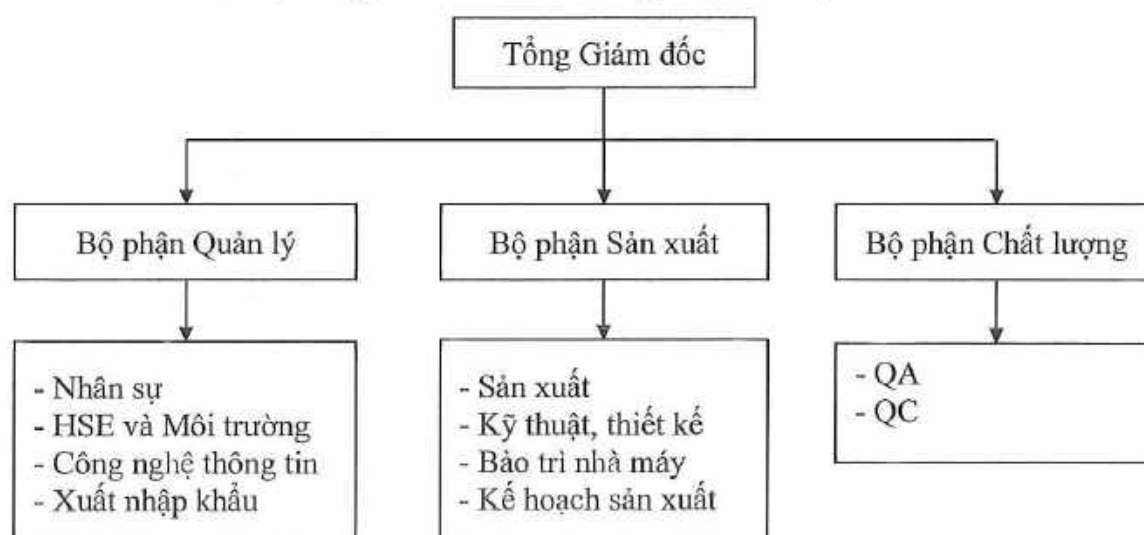
(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

1.5.2.2. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của Cơ sở là 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đô la Mỹ, tương đương 782.000.000.000 (bảy trăm tám mươi hai tỷ) đồng Việt Nam.

1.5.2.3. Tổ chức quản lý và thực hiện

Cơ cấu tổ chức quản lý, sản xuất của nhà máy được thể hiện như sau:



Hình 1.5 Sơ đồ tổ chức quản lý cơ sở

1.5.2.4. Nguồn nhân lực

Nhu cầu lao động tại Cơ sở: 700 người

Chế độ làm việc:

- Lao động gián tiếp: Số ca làm việc 1 ca/ngày, 8 giờ/ca, 5 ngày/tuần, 248 ngày/năm.
- Lao động trực tiếp: Số ca làm việc 2 ca/ngày, 12 giờ/ca, 6 ngày/tuần, 300 ngày/năm.

Các quy định về giờ giấc và chế độ làm việc (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phân công làm việc theo ca,...) sẽ được công ty thực hiện đúng theo Luật lao động.

CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở “Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam được xây dựng tại Địa chỉ văn phòng: F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với tổng diện tích là diện tích đất là 21.492 m². Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866422 được ngày 08/01/2011.

Cơ sở nằm trong Khu Công Nghệ Cao được thành lập ngày 24/10/2002 theo Quyết định 145/2002/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Khu Công Nghệ Cao và Khu Công Nghệ Cao giai đoạn 2 đã được phê duyệt báo cáo ĐTM theo Quyết định số 333/QĐ-BTNMT ngày 23/3/2004 của Bộ Tài Nguyên Môi trường về Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghệ Cao TP.HCM” và Quyết định số 2305/QĐ-BTNMT ngày 12/12/2011 của Bộ Tài nguyên Môi trường về Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghệ Cao TP.HCM - giai đoạn II, diện tích 587,07ha”.

Theo quy hoạch, cơ sở của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam thuộc phân khu thu hút đầu tư các ngành Cơ khí chính xác – Tự động hóa với các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề sau: sản xuất linh kiện điện tử; vi mạch bán dẫn, cơ khí chính xác; công nghiệp hỗ trợ nên cơ sở phù hợp với các lãnh vực thu hút nhà đầu tư vào KCNC theo Quyết định 66/2014/QĐ-TTg và được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 13/2017/QĐ-TTg của Chính phủ. Như vậy, sự hình thành của cơ sở phù hợp với mục tiêu phát triển của KCNC.

2.2. Sự phù hợp ngành nghề của Cơ sở đối với Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh

Khu Công nghệ cao được thành lập theo Quyết định số 145/2002/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ là một khu công nghiệp tập trung các công ty hoạt động trong lĩnh vực phát triển công nghệ cao. Căn cứ vào quyết định số 49/2010/QĐ-TT ngày 19/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ, các ngành nghề công nghệ cao ưu tiên phát triển tại Khu Công nghệ cao là các ngành nghề công nghệ tạo ra sản phẩm có giá trị cao ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sinh học, y tế, nông nghiệp, công nghiệp và bảo vệ môi trường.

Một số ngành nghề công nghệ cao cụ thể như: công nghệ vi sinh trong xử lý ô nhiễm môi trường, công nghệ nhận dạng chữ viết, tiếng nói, hình ảnh, cử chỉ, chuyển động và ý nghĩ; công nghệ chế tạo và điều hành cho máy tính và các thiết bị di động; công nghệ ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị và thay thế các mô, cơ quan; công nghệ chế tạo các thiết bị

phục vụ chẩn đoán bằng hình ảnh dùng trong y tế; thiết bị y tế sử dụng công nghệ hạt nhân,... và các ngành nghề công nghệ cao khác.

Khu Công nghệ cao đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCNC Thành phố Hồ Chí Minh” tại Quyết định số 333/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2004 và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC Thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn II, diện tích 587,07 ha” tại Quyết định số 2305/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2011.

→ Vậy, cơ sở đầu tư “Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam được xây dựng tại Địa chỉ văn phòng: F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 21.492 m² hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phân vùng môi trường.

2.2.1. Khả năng đáp ứng về hạ tầng kỹ thuật

2.2.1.1. Mối tương quan với môi trường xung quanh

Khu Công nghệ cao nằm ở phía Đông Bắc TP.HCM cách trung tâm thành phố 12km. KCNC nằm bên xa lộ Hà Nội, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM.

- Đến các KCN trên địa bàn tỉnh:

- + Cách KCN Linh Trung 1 khoảng 6 km.
- + Cách KCN Linh Trung 2 khoảng 13 km.
- + Cách KCN Bình Chiểu khoảng 12 km.
- + Cách KCN Cát Lái khoảng 14 km.

- Đến các trung tâm đô thị:

- + Cách Ủy Ban Nhân Dân phường Tăng Nhơn Phú B khoảng 5 km.
- + Cách Trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 15 km.

- Đến các cảng và sân bay:

- + Cách cảng Sài Gòn khoảng 17 km.
- + Cách ga Sài Gòn khoảng 19 km.
- + Cách cảng Đồng Nai khoảng 11 km.
- + Cách Cảng Cát Lái khoảng 13 km.
- + Cách sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất khoảng 19 km.

- Mối tương quan đối với các đối tượng tự nhiên: Xung quanh khu vực cơ sở có hệ thống mạng lưới sông, kênh rạch như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- + Tiếp giáp 3 mặt của cơ sở là Sông Vàm Xuông;
- + Cách rạch Trau Trầu khoảng 300m phía Nam;
- + Cách rạch Gò Công khoảng 500m về phía Bắc;
- + Cách sông Tắc khoảng 2,3km và sông Đông Nai khoảng 5,0km về phía Đông;
- Mối tương quan với các cơ sở đối với các đối tượng xung quanh:
 - + Phía Bắc: giáp Công Ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies (Allied Technologies (Saigon) Co., Ltd);
 - + Phía Nam: giáp đất trống của KCNC TP. Hồ Chí Minh;
 - + Phía Đông: giáp đường nội bộ của Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh;
 - + Phía Tây: giáp đất trống của KCNC TP. Hồ Chí Minh.

Khu Công nghệ cao có vị trí địa lý thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh do nằm tại giao lộ của các xa lộ lớn: Xa lộ Hà Nội (Quốc lộ 1) kết nối Bắc - Nam, và Đường Xuyên Á kết nối TP.HCM với Phnom Penh (Campuchia) và Bangkok (Thái Lan).

Cách Đại học Quốc gia 2km, nơi cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao TP.HCM và TP.HCM.

Bao quanh bởi hơn 40 Khu Công nghiệp và Khu Chế xuất, tạo thành mạng lưới nhà cung ứng và khách hàng cho các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao TP.HCM.

Tuyến Metro đầu tiên của Việt Nam (từ Chợ Bến Thành đến Công viên Suối Tiên) với một trạm dừng ngay trước cổng Khu Công nghệ cao giúp việc di chuyển từ nội thành đến Khu Công nghệ cao ngày càng thuận tiện và nhanh chóng,...

Hệ thống đồi núi, khu di tích lịch sử: Địa hình khu vực xung quanh cơ sở tương đối bằng phẳng, không có các đồi núi, xung quanh khu vực cơ sở không có khu bảo tồn thiên nhiên.

Tổng diện tích của Khu Công nghệ cao là 913,6ha, chia làm 2 giai đoạn phát triển: giai đoạn 1 đầu tư 326,0933ha, giai đoạn 2 đầu tư 587,07ha.

Khu Công nghệ cao đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCNC Thành phố Hồ Chí Minh” tại Quyết định số 333/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2004 và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC Thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn II, diện tích 587,07 ha” tại Quyết định số 2305/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2011.

2.2.1.2. Hệ thống giao thông

Tại Khu Công nghệ cao hiện đã hoàn thành 10 tuyến đường D1, D3, N1, N2, N3, N6, N7, N10, đường vành đai – giai đoạn 1, đường vào Trung tâm Đào tạo, cầu vượt D1 – Lê Văn Việt.

Trong 6 tháng đầu năm 2014 tiếp tục triển khai thực hiện 14 Dự án giai đoạn I (trong đó có 07 Dự án thi công chuyên tiếp, 4 Dự án chuẩn bị thực hiện đầu tư và 3 Dự án chuẩn bị đầu tư); thi công chuyên tiếp đối với 4 Dự án quan trọng, cấp bách của giai đoạn II: đường D1, D2, lô I10a và I10b.

2.2.1.3. Hệ thống cấp điện

Hệ thống nguồn thiết kế tự động với nguồn điện ổn định do 2 trạm cung cấp, công suất tối đa $63\text{MVA} \times 2$ từ 2 nguồn độc lập là Thủ Đức Bắc và Thủ Đức Đông. Và hai trạm 110KV gồm Trạm Công nghệ cao và Trạm Tăng Nhơn Phú;

01 nhà máy điện turbine khí làm hệ thống dự phòng 24/7, dự kiến xây dựng trong Giai đoạn II.

2.2.1.4. Hệ thống thông tin liên lạc

Hạ tầng băng thông rộng (MAN) theo mô hình “một hệ thống - đa dịch vụ”. Hệ thống truyền dữ liệu có dây và không dây, khả năng thao tác giữa mạng lưới của quốc gia và quốc tế;

Độ rộng dải tần theo yêu cầu, truy cập internet tốc độ cao (băng thông theo yêu cầu, truy cập internet tốc độ cao: ISDN, xDSL, FE/GE 100M/1000M. Internet không dây 11/22Mbps).

2.2.1.5. Hệ thống cấp nước

Nguồn cung cấp nước của Khu Công nghệ cao là từ nhà máy nước Thủ Đức.

Ngoài ra, Khu Công nghệ cao TP.HCM cũng có bồn chứa dự phòng với trữ lượng 3.500 m³ cho Giai đoạn I. Hiện nay công suất thiết kế hệ thống cung cấp nước là 24.300 m³/ngày.

2.2.1.6. Hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao được xây dựng riêng biệt.

Hệ thống thu gom nước mưa: bố trí mạng lưới thu nước mưa dọc theo các tuyến đường nội bộ trong khuôn viên Khu Công nghệ cao, đảm bảo thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực.

2.2.1.7. Hệ thống thoát nước thải

Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt so với hệ thống thoát nước mưa.

Giai pháp xử lý nước thải: Nước thải được xử lý qua 2 cấp:

- Xử lý cấp 1: xử lý cục bộ tại từng nhà máy thành viên.
- Xử lý cấp 2: xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung.

Hiện nay, KCNC đã được đầu tư xây dựng các công trình xử lý thuộc NMXLNT KCNC với tổng công suất 9.000m³/ngày đêm bao gồm: NMXLNT Giai đoạn I với công suất

5.000m³/ngày.đêm và Module 1 thuộc NMXLNT Giai đoạn II với công suất 4.000m³/ngày.đêm, được xây dựng trên khu đất có diện tích 3 ha (thuộc KCNC - giai đoạn 2). HTXLNT tập trung có nhiệm vụ thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ các nhà máy trong KCNC (bao gồm giai đoạn 1 và 2) và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra sông Gò Công, thuộc địa bàn Thành phố Thủ Đức, TP.HCM.

2.2.1.8. Hệ thống thu gom nước thải

Nước thải của các nhà máy phải được xử lý sơ bộ đạt yêu cầu trước khi đưa vào nhà máy xử lý tập trung của Khu Công nghệ cao TP.HCM để xử lý tiếp đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2015/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài môi trường.

➤ Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao TP.HCM

Nước thải từ các doanh nghiệp trong KCNC: Các doanh nghiệp đều thu gom và được xử lý sơ bộ nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn quy định của KCNC theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý KCNC, sau đó, toàn bộ nước thải được dẫn nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCNC.

Xử lý nước thải tập trung: Toàn bộ nước thải từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC được thu gom và xử lý tại NMXLNT tập trung đạt quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Hiện nay, KCNC đã được đầu tư xây dựng các công trình xử lý thuộc NMXLNT KCNC với tổng công suất 9.000m³/ngày.đêm bao gồm: NMXLNT Giai đoạn I với công suất 5.000m³/ngày.đêm và Module 1 thuộc NMXLNT Giai đoạn II với công suất 4.000m³/ngày.đêm. Các module còn lại của nhà máy xử lý nước thải KCNC sẽ được tiếp tục đầu tư trong tương lai để đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của tất cả các nhà đầu tư trong KCNC.

➤ Thông tin của NMXLNT tập trung

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh xử lý trong năm 2022 ước tính là: 1.934.075 m³, trung bình khoảng 5.298,8 m³/ngày.đêm.

- Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt (chủ yếu) và nước thải công nghiệp

- Nguồn tiếp nhận: Sông Gò Công

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, k_q = 0,9 và k_f = 0,9 và QCVN 14:2008/BTNMT cột A với hệ số k = 1.

- Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào NMXLNT tập trung KCNC được ban hành theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý KCN.

- Lượng điện tiêu thụ cho việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung (KWh/tháng) năm 2022: Trung bình lượng điện tiêu thụ ước tính là 69.638 KWh/tháng.

- Lượng bùn thải phát sinh, biện pháp xử lý: Lượng bùn phát sinh mới năm 2022 ước tính khoảng 175,967 tấn. Hiện tại, lượng bùn thải này đang được tạm chứa tại Bể Phân hủy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

bùn của Nhà máy XLNT. Trong năm 2023, NMXLNT tập trung sẽ lập kế hoạch ép và chuyển bùn thải cho đơn vị có chức năng xử lý.

Kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục NMXLNT KCNC đã được Sở TNMT đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước thải sau xử lý tại NMXLNT KCNC với các thông số quan trắc: Nhiệt độ, Lưu lượng, pH, TSS, COD, DO, Tổng Nitơ, Tổng Phospho.

Nước thải phát sinh từ hoạt động cơ sở “Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” sau khi xử lý qua hệ thống xử lý của cơ sở phải đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào KCNC ban hành kèm theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24/12/2020 của Ban Quản lý KCNC.

Bảng 2.1. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung của Khu Công nghệ cao TP.HCM theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24/12/2020

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc nước thải tháng 12/2023 của cơ sở	Nước thải đầu vào của trạm XLNTTT của Khu Công nghệ cao TP.HCM
1	pH	-	7,56	5 – 9
2	TSS	mg/L	62	300
3	COD	mg/L	75	600
4	BOD5	mg/L	32	250
5	Amoni (N _{NH4+})	mg/L	16,8	29
6	Tổng Nitơ	mg/L	31,9	60
7	Tổng Phospho	mg/L	3,38	14
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<1	100
9	Tổng Coliform	MPN/100mL	2,4×10 ³	37×10 ⁷

Nhận xét:

Theo số liệu ghi nhận tại “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022” của Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh lưu lượng xả thải của các nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao thì lưu lượng xử lý cao nhất hiện đạt khoảng 5.298,8 m³/ngày.đêm. Như vậy với lượng nước thải xin cấp phép tối đa phát sinh tại cơ sở “Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” là 70 m³/ngày.đêm khi đầu nối vào nhà máy xử lý

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

nước thải tập trung Khu Công nghệ cao không ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận và xử lý cũng như khả năng tiếp nhận của môi trường nước mặt trong khu vực khi tiếp nhận xả thải.

Từ các kết quả phân tích chất lượng không khí, đất, nước mặt, nước thải tại khu vực thực hiện cơ sở (cụ thể tham báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh) cho thấy các thông số đều đạt ngưỡng giá trị cho phép của QCVN 03-MT:2015/BTNMT; QCVN 08-MT:2015/BTNMT; QCVN 26 : 2010/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT. Điều đó cho thấy, khu vực cơ sở chưa có dấu hiệu ô nhiễm, HTXL nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao đang vận hành hiệu quả, đảm bảo tiếp nhận nước thải phát sinh từ cơ sở.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Các công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thành tại Công ty TNHH Datalogic Việt Nam được thể hiện trong bảng sau:

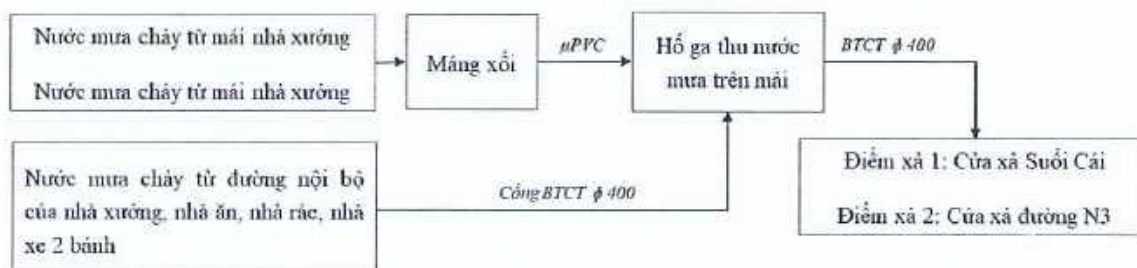
Bảng 3.1. Các công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thành tại Cơ sở

STT	Công trình BVMT	Số lượng	Quy mô/ công suất	Đơn vị thi công	Thời gian nghiệm thu đưa vào sử dụng
1	HTXL nước thải tập trung	01	70 m ³ /ngày.đêm	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Lập Thành	2019
2	HTXL khối hàn bằng thép hấp thụ than hoạt tính	01	4.000 m ³ /giờ	Thành Long	2012

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tổng thể tại Cơ sở được thể hiện như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa hiện hữu

Thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng: Nước mưa trên mái được thu gom vào các ống xối nhựa PVC D114mm. Các ống xối này thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng, dẫn thẳng xuống các hố ga trên mặt đất. Các hố ga này được nối với nhau bằng các ống dẫn nước mưa BTCT dưới mặt đất, hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất.

Thu gom nước mưa chảy tràn: Nước mưa trên bề mặt được thoát vào cống BTCT D200mm – D300mm – D400mm chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ, tổng chiều dài tuyến ống thu gom nước mưa khoảng 800m.

Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCNC TP. Hồ Chí Minh bằng cống bê tông cốt thép D400mm thông qua 02 điểm đầu nối (01 điểm đầu nối trên đường D1 và 01 điểm đầu nối vào hố ga thu gom trước khi đổ ra cửa xả Suối Gò Cát).

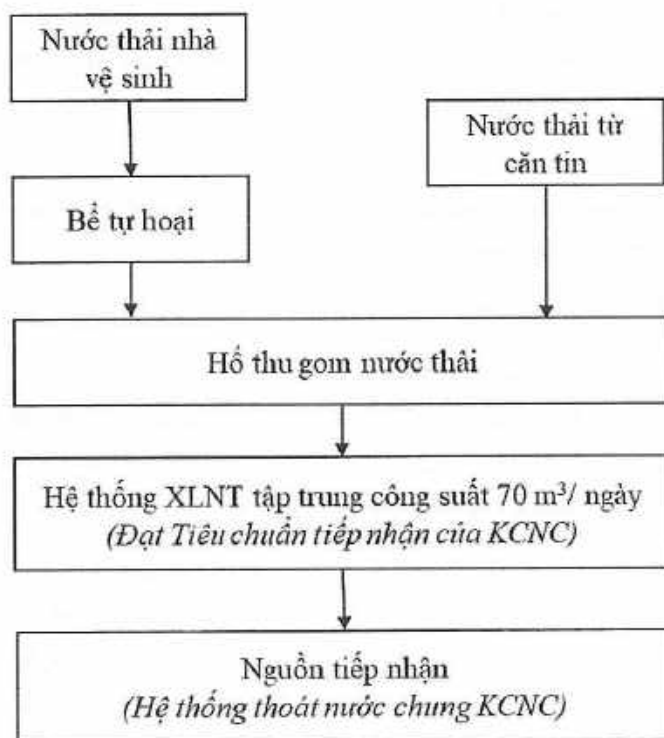
Tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực thành phố Hồ Chí Minh $105^{\circ}45'$, múi chiều 3° :

Tọa độ tại điểm cửa xả Suối Cái (điểm xả 1): $X = 1.161.746$; $Y = 580.015$.

Tọa độ tại đường N3 (điểm xả 2): $X = 1.161.769$; $Y = 580.004$.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom nước thải tại cơ sở được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa. Nước thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nước thải từ nhà ăn và nước thải từ quá trình sản xuất. Tuy nhiên toàn bộ lượng nước thải sản xuất tại cơ sở sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom như CTNH.



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải

Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở khi đi vào hoạt động ổn định được thống kê trong bảng sau:

Bảng 3.2. Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở

STT	Nguồn phát sinh	Lưu lượng (m ³ /ngày)	Biện pháp xử lý	Ghi chú
1	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh	31,5	Nước thải → Bể tự hoại → HTXLNT, công suất 70 m ³ /ngày	Nước thải phát sinh = 100% nước cấp
2	Nước thải phát sinh từ nhà ăn	17,5	Nước thải → HTXLNT, công suất 70 m ³ /ngày	Nước thải phát sinh = 100% nước cấp

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

⚡Đối với nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước thực tế từ tháng 01/2023 – 12/2023, ước tính trung bình lưu lượng nước thải tại Cơ sở là 57,95 m³/ngày (lưu lượng nước thải bằng 100% nước cấp). Tuy nhiên sau khi cơ sở đi vào hoạt động ổn định tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên và nhà ăn là 60,11 m³/ngày.đêm được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 70 m³/ngày.đêm của nhà máy. Bao gồm:

- Nguồn thải 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên được xử lý qua bể tự hoại là 31,5 m³/ngày đêm.

- Nguồn thải 02: Nước thải phát sinh từ nhà ăn là 17,5 m³/ngày đêm.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và nước thải nhà ăn sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ sẽ dẫn về HTXL nước thải tập trung bằng đường ống BTCT D114, D168 và D220 mm công suất thiết kế là 70 m³/ngày.đêm để xử lý đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCNC TP. Hồ Chí Minh.

Nước thải sau hệ thống xử lý được dẫn bằng ống nhựa PVC Ø 220 vào hố thu nước thải bằng bê tông có kích thước D x R x C = 1 x 1 x 1,5 (m). Từ hố thu nước thải sau xử lý nước được dẫn xả ra nguồn tiếp nhận bằng cống bê tông đường kính 1m để xả vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCNC.

Vị trí xả nước thải: X = 1.199.558; Y= 615.427 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực thành phố Hồ Chí Minh 105⁰45', múi chiều 3⁰).

⚡Thuyết minh quy trình bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại 3 ngăn có dạng hình chữ nhật, được xây bằng bê tông cốt thép, đáy bằng tấm đan. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị

phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và BOD₅ là 60 - 65%.

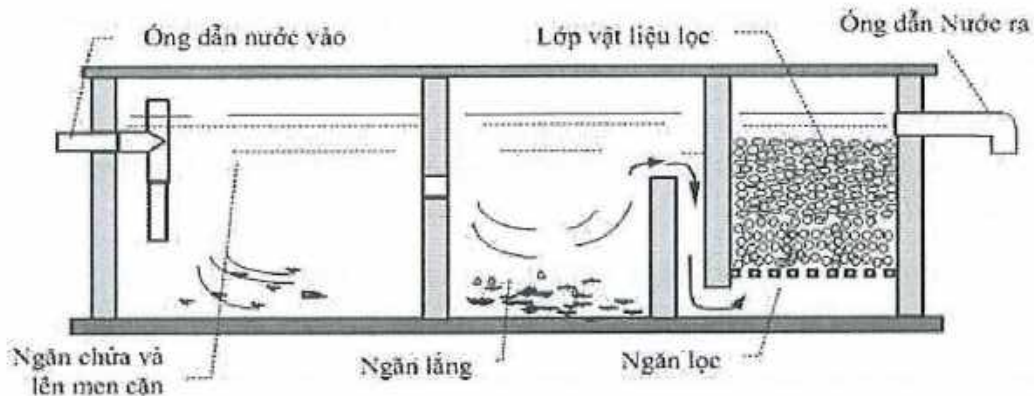
Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 6 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước.

Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba và thoát ra hệ thống đường ống thoát nước thải của cơ sở dẫn về HTXL nước thải tập trung của nhà máy tiếp tục xử lý.

Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.

Bùn từ bể tự hoại được chủ Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi xử lý đúng quy định.



Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Tính toán bể tự hoại (Nguồn: Trần Đức Hạ (2006) – Xử Lý Nước Thải Đô Thị. Nhà Xuất bản Khoa Học và Kỹ Thuật).

Thể tích phần nước:

$$W_1 = Q_{sh} = 31,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Trong đó:

Q_{sh}: lưu lượng nước thải sinh tại cơ sở, Q = 31,5 m³/ngày đêm.

Thể tích phần bùn:

$$W_2 = \frac{a \times b \times c \times (100 - p_1) \times N \times T_2}{(100 - P_2) \times 1.000} = \frac{0,5 \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 95) \times 700 \times 60}{(100 - 90) \times 1.000} = 8,82 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$$

Tổng thể tích bể tự hoại (W):

$$W = W_1 + W_2 = 31,5 + 8,82 = 40,32 \text{ m}^3$$

Trong đó:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

a: Tiêu chuẩn cần lắng cho 1 người, $a = 0,4 - 0,5$ lít/người.ngày đêm, chọn $a=0,5$ lít/người.ngày đêm

b: Hệ số kể đến độ giảm thể tích bể do bùn cặn nén, lấy bằng 0,7

c: Hệ số kể đến việc giữ lại một phần bùn cặn đã lên men sau mỗi lần hút và lấy bằng 1,2.

P_1 : Độ ẩm cặn tươi, $P_1 = 95\%$

P_2 : Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, $P_2 = 90\%$

T_1 : Thời gian lưu nước trong bể tự hoại, $T_1 = 1$ ngày.

T_2 : Thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men, chọn $T_2 = 60$ ngày (2 tháng)

N : Số công nhân viên, $N = 700$ người

Khu vực nhà vệ sinh trong nhà xưởng sẽ được thu gom về 02 bể tự hoại với tổng thể tích 40 m^3 , mỗi bể tự hoại có thể tích 20 m^3 .

Khu vực nhà vệ sinh trong nhà văn phòng sẽ được thu gom về 02 bể tự hoại với tổng thể tích 40 m^3 , thể tích bể tự hoại là $20 \text{ m}^3/\text{bể}$.

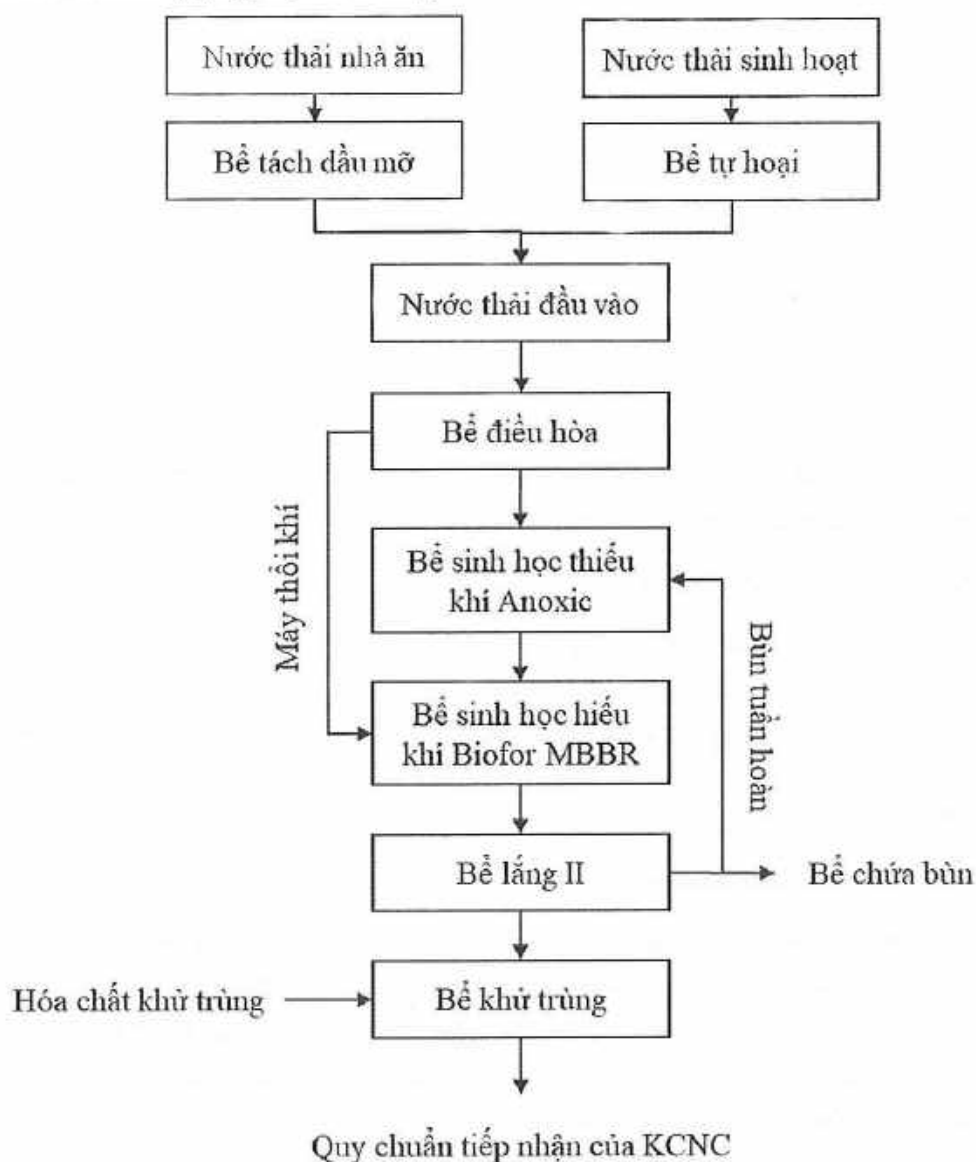
Tại Cơ sở bố trí 4 bể tự hoại với tổng thể tích 80 m^3 hoàn toàn đáp ứng khả năng xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở để tiếp tục xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu Công nghệ cao.

Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó nước thải sẽ theo ống dẫn PCV D168 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Bùn từ bể tự hoại được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi nơi khác xử lý với tần suất 1 năm/lần.

3.1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn phát sinh tại Cơ sở với tổng lưu lượng là $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, Công ty đã đầu tư 01 HTXL nước thải với công suất thiết kế $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Quy trình công nghệ HTXL nước thải tại Cơ sở như sau:



Hình 3.4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải

✚Thuyết minh quy trình:

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy gồm 02 nguồn chính như sau:

+ Nguồn 01: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt gồm nước từ bồn rửa mặt, rửa tay, nước sau bể tự hoại.

+ Nguồn 02: Nước thải phát sinh từ nhà ăn.

Nước thải từ nguồn 02 được tập trung tại hố ga thu gom nước thải nhà ăn và được bơm nhúng chìm bơm nước về bể tách dầu. Thời gian lưu nước trong bể này ngắn khoảng 20 – 60 phút (theo Metcalf & Eddy) để dầu mỡ có thể nổi hoàn toàn lên bề mặt. Sau đó, lượng nước này được bơm sang bể tách bỏ dầu nhằm hạn chế tối đa lượng mỡ còn sót lại gây ảnh

hướng đến đường ống, làm nghẹt bơm và giảm hiệu quả xử lý của các công trình sinh học phía sau.

Nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, nước thải từ nhà ăn được thu gom dẫn về hệ thống xử lý. Trước khi vào hệ thống xử lý, nước thải được dẫn qua lọc rác nhằm loại bỏ rác thải (chai nhựa, túi nilong,...) tránh gây tắc bơm làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý của hệ thống. Nước thải sau tập trung ở bể điều hòa để bắt đầu chu trình xử lý. Nhiệm vụ của từng bể được mô tả như sau:

Bể điều hòa:

Bể điều hòa có nhiệm vụ tiếp nhận, điều hòa lưu lượng và ổn định cân bằng lượng nước thải phát sinh. Sau quá trình điều hòa nước thải, nước thải được 2 bơm điều hòa hoạt động luân phiên bơm sang bể sinh học thiếu khí Anoxic.

Bể sinh học thiếu khí Anoxic:

Đối với nước thải sinh hoạt, nitơ, photpho trong nước thường rất cao nên quá trình xử lý thiếu khí là cần thiết diễn ra nhằm chuyển hóa, loại bỏ nitơ, photpho trong nước thải. Quá trình chuyển hóa được diễn ra nhờ hoạt động của nhóm vi sinh vật thiếu khí trong nước thải. Sau quá trình xử lý thiếu khí, nước thải được dẫn chảy tràn về bể sinh học hiếu khí để tiếp tục quá trình xử lý.

Bể sinh học hiếu khí Biofor:

Tại bể sinh học hiếu khí, hoạt động của nhóm vi sinh vật hiếu khí bám dính trên bề mặt giá thể lưu động trong bể, các vi sinh vật sử dụng khí oxy (cung cấp qua hệ thống phân phối khí) và chuyển hóa các chất ô nhiễm thành chất dinh dưỡng để phát triển, tăng sinh khối và giảm hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải. Sau quá trình xử lý hiếu khí, nước thải được dẫn chảy tràn về bể lắng II.

Bể lắng II:

Dưới tác động của trọng lực, nước thải được tách thành 2 phần riêng biệt. Phần bùn hoạt tính nặng hơn được tách ra khỏi nước và chìm dần về đáy bể. Tại đáy bể, có 2 bơm lắng hoạt động luân phiên nhằm vận chuyển lượng bùn hoạt tính về bể sinh học thiếu khí Anoxic để tiếp tục quá trình xử lý tiếp theo. Phần nước sau bên trên sau khi được tách ra bùn hoạt tính được chảy tràn qua máng răng cưa để sang bước xử lý tiếp theo.

Bể chứa bùn:

Bùn sinh học ở Bể lắng II được bơm tuần hoàn một phần về Bể sinh học thiếu khí nhờ bơm tuần hoàn (hoạt động theo thời gian quy định, 2 bơm chạy luân phiên). Một phần bùn dư định kỳ sẽ được thải bỏ về bể chứa bùn.

Bùn thải được dẫn về chứa tại bể chứa bùn và được thu gom xử lý định kỳ theo quy định.

Bể khử trùng:

Nước thải sau quá trình lắng được dẫn chảy tràn sang bể khử trùng. Tại đây, hóa chất khử trùng được bơm vào bể thông qua bơm định lượng nhằm loại bỏ các vi sinh vật gây hại tồn tại trong nước trước khi theo hệ thống thoát nước về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

✚ Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải sinh hoạt

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên công trình đơn vị	Số lượng	Kích thước (L x W x H (m))	Tổng thể tích hiệu dụng (m ³)
1	Bể tách dầu	1	3,0 × 1,0 × 1,5	4,5
2	Bể điều hòa	1	3,2 × 2,5 × 3,0	11
3	Bể sinh học thiếu khí	1	3,2 × 1,5 × 3,0	7,8
4	Bể sinh học hiếu khí	1	3,2 × 2,5 × 3,0	11
5	Bể lắng II	1	2,2 × 2,3 × 3,0	15,18
6	Bể khử trùng	1	0,7 × 1,0 × 3,0	2,1
7	Bể chứa bùn	1	0,7 × 1,0 × 3,0	2,1

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

✚ Quy trình vận hành HTXL nước thải

Nhân viên vận hành phải có đầy đủ trang bị bảo hộ lao động: dụng cụ phục vụ cho công tác vận hành, pha hóa chất, quần áo phải gọn gàng.

Kiểm tra bơm hút nước sạch có hoạt động hay không nếu có mà không lên nước là do hút nước, tiến hành kiểm tra các đường ống và các mối nối có bị hở hay không rồi mới nước.

Kiểm tra lượng vi sinh có trong bể , lấy ca nhựa có vạch ml (1000ml) 1 lít mức nước ở bể sinh học MBBR để khoảng 15 phút bùn lắng xuống chiếm từ 150 - 250 ml là được, còn dưới 150ml thì bổ sung lượng vi sinh vào bể.

Kiểm tra tủ điện có báo lỗi không, đang ở chế độ bằng tay hay tự động (tất cả ở chế độ Auto). Nếu tủ điện báo lỗi phải báo ngay cho nhân viên kỹ thuật để xử lý kịp thời.

Kiểm tra nước thải bể điều hòa và nước thải bể khử trùng hàng ngày xác định tính chất hiệu quả của hệ thống trước xử lý và sau xử lý.

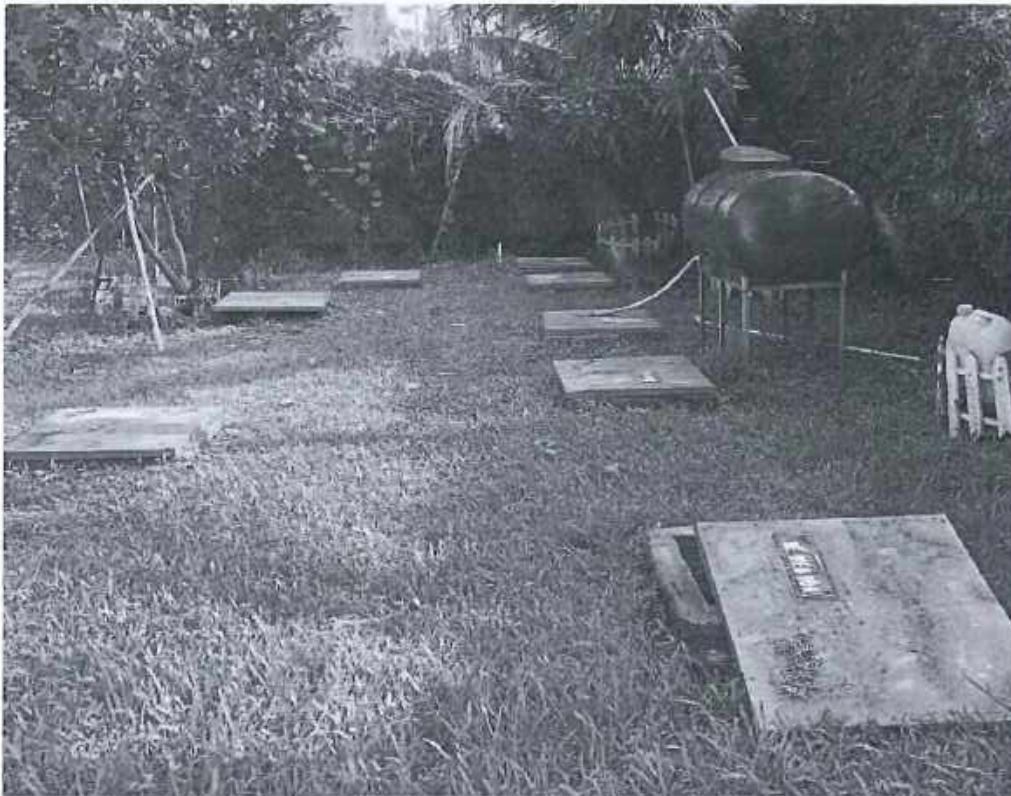
Kiểm tra và Pha hóa chất chlorine (2kg) trong bồn nhựa 300 lít khi hóa chất trong bồn hết.

Kết thúc vận hành: nhân viên vận hành tiến hành kiểm tra xác nhận tình trạng hoạt động của hệ thống và các thiết bị liên quan, ghi vào nhật ký vận hành.

± Tình hình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày.đêm

- Qua kết quả phân tích nước thải năm 2022, 2023 các thông số trong nước thải đều đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận Khu CNC TP.HCM. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 70m³/ngày.đêm vẫn duy trì các biện pháp sau:

- Công ty chấp hành nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường và các quy định theo đúng pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại nhà máy sản xuất.



Hình 3.5. Khu vực hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ giờ

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Các nguồn phát sinh khí thải giảm thiểu bằng hệ thống thống xử lý:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn (khói hàn).

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở phát sinh thêm bụi như sau:

- Hơi dung môi trong quá trình thoa keo hàn;
- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở;
- Bụi từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu;
- Mùi phát sinh từ kho dầu;

- Bụi, khí thải từ máy phát điện.

→ Công ty đã đề xuất các biện pháp nội vi để giảm thiểu ảnh hưởng tác động đến sức khỏe của công nhân làm việc tại nhà máy.

3.2.1. Giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở

Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là các nguồn không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên để giảm thiểu tác động do hoạt động này, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm như sau:

- Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong Cơ sở cùng thời điểm.

- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng, đăng kiểm định kỳ cho các phương tiện vận tải phục vụ vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.

- Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào ngày nắng để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào Cơ sở.

- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên Cơ sở, đảm bảo diện tích hơn 20%.

Các biện pháp trên sẽ được tiến hành trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Áp dụng các biện pháp trên, tác động của tiếng ồn và khí thải có thể được giảm thiểu khoảng 70 – 90%.

3.2.2. Giảm thiểu bụi từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu

Đối với bụi từ quá trình bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm tại sân bãi, kho chứa, để hạn chế tối đa những ảnh hưởng có thể xảy ra đến sức khỏe của công nhân trực tiếp vận hành cũng như đối với khu vực xung quanh, Công ty sẽ thực hiện việc thu dọn vệ sinh hàng ngày, thường xuyên phun nước làm mát và tạo ẩm nhằm hạn chế bụi phát tán vào không khí. Đồng thời, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau để ngăn bụi phát tán ra môi trường xung quanh:

- Việc nhập các nguyên vật liệu sẽ được bố trí hợp lý về thời gian và không gian như: không nhập kho vào thời tiết xấu, gió mạnh, chỉ nhập kho các nguyên liệu đã chọn vào vị trí chứa thích hợp;

- Không nhập và xuất nguyên vật liệu quá nhiều: dự kiến các loại nguyên vật liệu cần thiết sẽ được xuất và nhập kho đủ dùng trong 1 tuần sản xuất;

- Thiết kế nhà kho và nhà chứa phải hợp lý;

- Trang bị khẩu trang, bảo hộ lao động, nút tai chống ồn cho những nhân viên trực tiếp làm việc tại khu vực.

3.2.3. Giảm thiểu hơi dung môi

Nguồn phát sinh: Hơi dung môi trong công đoạn thoa keo hàn, vệ sinh mạch in

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Quy trình sản xuất tại cơ sở, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn thoa keo hàn và vệ sinh mạch in. Hơi dung môi nhanh chóng bay hơi và ít phát tán đi xa nên chỉ tồn tại xung quanh nguồn phát sinh.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của công nhân, công ty sẽ thực hiện một số biện pháp như sau:

+ Vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài xưởng sản xuất đặc biệt tại các khu vực có phát sinh hơi dung môi thường xuyên sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế bụi phát tán gây ảnh hưởng đến môi trường làm việc của công nhân.

+ Trang bị khẩu trang, nón, mắt kính,... cho người lao động hoạt động trong khu vực sản xuất.

+ Bố trí khu vực sử dụng dung môi để lau bản mạch in ở khu vực riêng biệt, trong các phòng kín và có hệ thống thông hơi để hạn chế ảnh hưởng ra khu vực xung quanh.

+ Công ty vẫn duy trì công tác quan trắc tại khu vực này định kỳ theo đúng quy định.

3.2.4. Giảm thiểu tác động của hơi keo và cải thiện điều kiện lao động trong khu vực sản xuất

- Thông thoáng nhà xưởng và các công trình bằng hệ thống cửa sổ, cửa ra vào và hệ thống quạt công nghiệp (quạt đứng) cục bộ và các quạt thông gió tại các tường nhà xưởng nhằm tăng cường khả năng thông gió nhằm phát tán nhanh bụi, khí thải.

- Thực hiện các giải pháp trồng thêm cây xanh và bố trí thêm chậu, bồn hoa để cải thiện môi trường không khí trong khu vực.

- Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.

- Vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài xưởng sản xuất đặc biệt tại các khu vực có phát sinh bụi nhựa thường xuyên sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế bụi phát tán gây ảnh hưởng đến môi trường làm việc của công nhân.

- Đảm bảo dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín, các máy hàn có bộ phận thu bụi và kiểm tra, bảo dưỡng máy móc định kỳ.

- Nguyên vật liệu, hóa chất được lưu chứa tại kho riêng đúng quy định, tránh rơi vãi phát sinh mùi hôi.

3.2.5. Giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động của khu vực chứa hóa chất

Để giảm ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm cao tới sức khỏe của công nhân lao động trong quá trình sản xuất chủ Cơ sở áp dụng các biện pháp như sau:

- Bố trí quạt hút công nghiệp và tận dụng thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái, giúp không khí trong nhà xưởng được trao đổi liên tục.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Thường xuyên hút bụi hoặc quét dọn vệ sinh khu vực kho và khu vực xung quanh nhà xưởng để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

- Cung cấp đầy đủ thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho công nhân Kho chứa. Dán các bảng nội quy, thông tin cần thiết về các biện pháp ứng phó cần thiết ... để công nhân dễ dàng xử lý khi có sự cố xảy ra.

- Phun nước giải nhiệt sân đường nội bộ vào thời gian cao điểm, nắng nóng.

- Công nhân sản xuất trực tiếp được trang bị khẩu trang bảo hộ lao động.

3.2.6. Giảm thiểu khí thải từ công đoạn hàn

Để giảm thiểu lượng khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, Công ty lắp đặt 01 hệ thống thu gom xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn (khói hàn) bằng công nghệ hấp phụ than hoạt tính.

- Nguồn phát sinh: Nguồn 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn (khói hàn).

- Thành phần và tính chất khí thải: Lưu lượng, bụi tổng, Ethyl cyanoacrylate.

- Vị trí hệ thống xử lý khí thải: Bên trên phần thông tầng của sản lừng.

- Diện tích khu vực bố trí hệ thống: 3 m².

- Quy trình công nghệ xử lý: Hơi khói hàn → Hệ thống chụp hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống khói

- Thông số kỹ thuật:

+ Quạt hút:

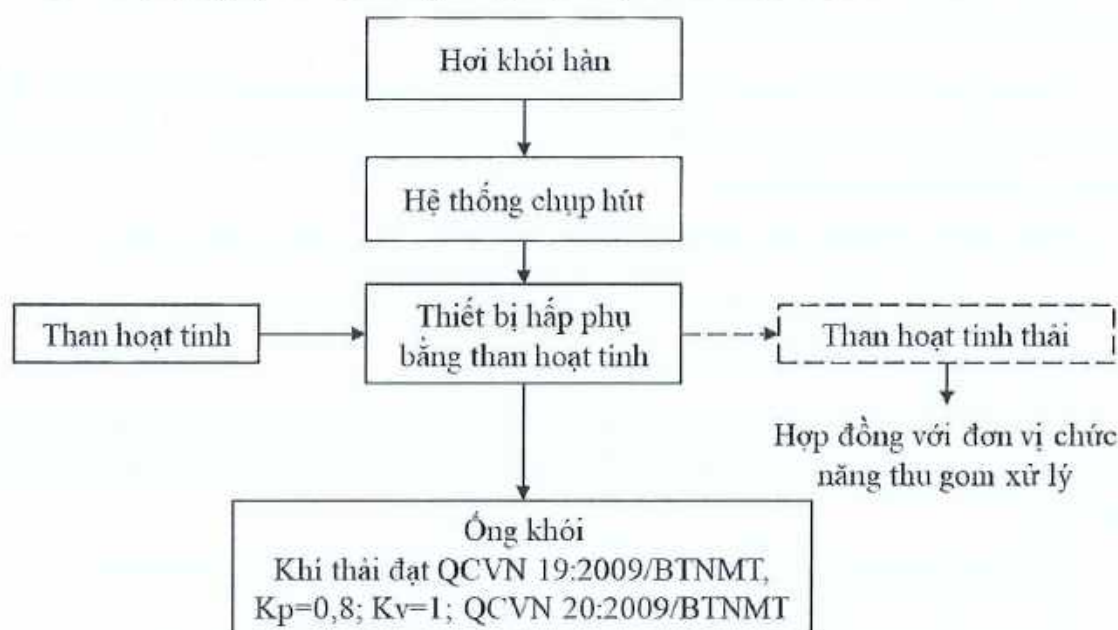
- Lưu lượng: 4.000 m³/ giờ
- Số lượng: 02 quạt hút

+ Ống thoát khí thải: Đường kính 0,3m; chiều cao 3 m (tính từ mái nhà xưởng).

+ Vật liệu lọc: : Than hoạt tính mịn/ sợi tổng hợp tẩm than hoạt tính

- Kích thước: L x H x D (mm) = 287 x 592 x 21 (mm)
- Hiệu suất lọc: 70 – 80%
- Tần suất thải bỏ: 1 lần/ năm
- Khối lượng sử dụng: 28 kg/ năm

Sơ đồ công nghệ của hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại cơ sở:



Hình 3.6. Quy trình xử lý khí thải từ công đoạn hàn

✦Thuyết minh quy trình

Khí thải phát sinh từ công đoạn công đoạn phủ hàn được thu gom bằng đường ống dẫn khí thải đến tháp hấp phụ than hoạt tính. Tại đây khí thải sẽ được qua các khay chứa than hoạt tính trong tháp, các chất ô nhiễm sẽ được tiếp xúc với các lớp vật liệu hấp phụ (than hoạt tính). Sau đó, khí thải sau xử lý sẽ được quạt ly tâm hút theo đường ống thải có đường kính 0,3m; chiều cao 3m (tính từ mái nhà xưởng) thoát ra ngoài môi trường, ống thải được thiết kế theo đúng quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021. Khí thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, $K_p=1,0$; $K_v=1$.

✦ Quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải bằng công nghệ hấp phụ than hoạt tính.

- Kiểm tra hệ thống chuẩn bị khởi động:

- + Kiểm tra toàn bộ hệ thống.
- + Kiểm tra than hoạt tính
- + Vệ sinh xung quanh khu vực thao tác xung quanh hệ thống xử lý.
- + Kiểm tra nguồn điện cấp đã đạt đủ pha và điện áp không.
- + Kiểm tra tình trạng các van, thiết bị phụ trợ và dụng cụ hỗ trợ.
- + Bật công tắc điện quạt hút cho hệ thống hoạt động.

- Ngừng hệ thống:

- + Lần lượt tắt quạt hút và motor.

+ Cảnh báo bằng còi trước khi thực hiện dừng hệ thống.

Biện pháp bảo trì hệ thống

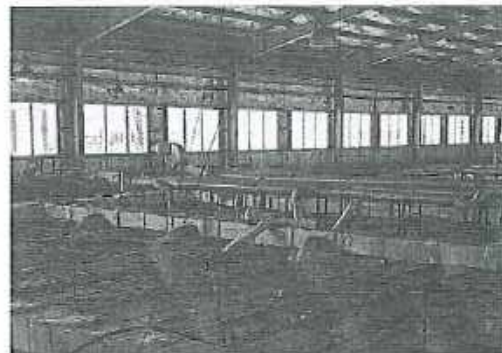
Mỗi ngày, Công ty sẽ cử người kiểm tra chế độ hoạt động của hệ thống xử lý. Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, hệ thống các đường ống, quạt hút, các chi tiết của thiết bị để đảm bảo không xảy ra trường hợp hư hỏng đột xuất gây ảnh hưởng đến quá trình xử lý môi trường. Cụ thể kế hoạch kiểm tra, bảo trì như sau:

+ Phần cơ khí và điện: Kiểm tra điện áp; kiểm tra thiết bị điện điều khiển trong hệ thống; kiểm tra và xiết lại các mối nối cáp điện bảo đảm sự tiếp xúc của nguồn điện; đo dòng Ampe các thiết bị; kiểm tra cách điện; kiểm tra dây dẫn điện trong hệ thống.

+ Phần hệ thống xử lý: Kiểm tra hệ thống đường ống tránh sự cố tắc nghẽn ống, bể ống, ăn mòn ống, các van, mối nối,...; kiểm tra chế độ vận hành của quạt hút, các chi tiết bên trong của tháp và ống thổi.

+ Các chi tiết hư hỏng sẽ kiểm tra nếu hư hỏng sẽ được thay mới ngay, tránh tình trạng đang sản xuất mà hệ thống bị hư hỏng không xử lý được.

+ Lập ra kế hoạch báo cáo hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng cụ thể như sau: Báo cáo vận hành; báo cáo sửa chữa, thay thế; báo cáo định kỳ các thiết bị chủ yếu; báo cáo kết quả phân tích chất lượng khí thải sau xử lý của hệ thống.



Hình 3.7. Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn hàn

3.2.7. Giảm thiểu khí thải phát sinh từ bơm PCCC

Để giảm thiểu khí thải phát sinh từ máy bơm xăng PCCC cơ sở đã đề xuất các biện pháp sau:

- Sử dụng bơm xăng PCCC đặt đúng nơi quy định để tránh phát tán hơi xăng ra môi trường.

- Trồng cây xanh xung quanh khu nhà xưởng, dọc theo đường nội bộ và quanh tường rào với tỷ lệ khoảng 20% tổng diện tích khu đất để tạo cảnh quan, hấp phụ một phần chất ô nhiễm, cải thiện vi khí hậu.



Hình 3.8 Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại cơ sở

3.2.8. Giảm thiểu tác động của mùi hôi từ khu chứa rác tập trung

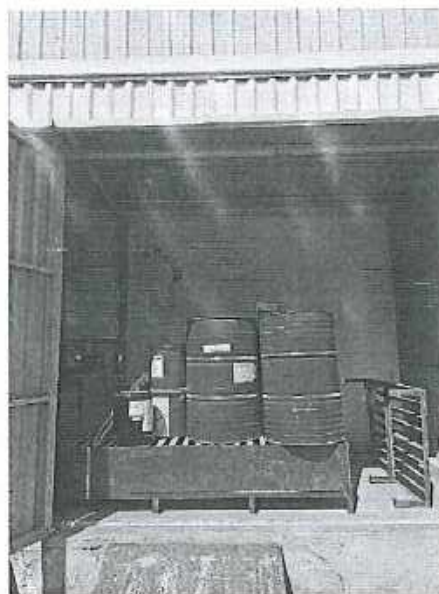
Đối với rác thải sinh hoạt, chủ Cơ sở cần phải thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp quản lý chặt chẽ từ quá trình thu gom, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị vệ sinh để vận chuyển rác ngay trong ngày, tránh tình trạng ứ đọng rác thải lâu ngày. Quá trình lưu chứa rác thải, chủ Cơ sở cần thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí nhà lưu chứa rác riêng.
- Trồng cây xanh quanh khu vực chứa rác để hấp thụ một phần mùi hôi.

3.2.9. Biện pháp quản lý bảo đảm an toàn kho chứa

Bố trí các khu vực lưu chứa hóa chất dạng lỏng, dạng bột phân khu riêng biệt theo đúng quy định của Bộ Công thương, không cần tạo vách ngăn, chỉ cần phân khu theo đúng quy định.

↓ Khu chứa hóa chất dạng lỏng



Hình 3.9. Kho chứa hóa chất dạng lỏng

- Vị trí: Bên ngoài nhà xưởng.
- Diện tích: 10m².
- *Kê xếp hóa chất trong kho*
 - Kho được bố trí, sắp xếp gọn gàng, hợp lý.
 - Hàng trong kho được sắp xếp thuận tiện cho việc áp dụng nguyên tắc hàng vào trước xuất trước.
 - Đảm bảo tách riêng các hóa chất có khả năng gây ra phản ứng hóa học với nhau.
 - Lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5 m, thuận tiện cho các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, kiểm tra, giám sát. Lối đi giữa các lô rộng 1m để dễ dàng kiểm tra, lưu thông không khí, phát hiện và làm sạch nhanh chóng trong trường hợp có rò rỉ hóa chất.
 - Khi xếp hóa chất phải xếp từng lớp từ dưới lên đảm bảo lô hóa chất luôn luôn ổn định. Không được xếp các lô hàng nặng quá tải trọng của nền kho. Lô hàng không được xếp sát trần kho và không cao quá 2 m.
 - Hóa chất thành phẩm được xếp trên kệ cao ít nhất 0,1 m và cách tường ít nhất 0,2 m.
 - Hóa chất ở dạng đóng bao được xếp trên kệ, bục hoặc trên giá đỡ, cách tường ít nhất 0,5 m; hóa chất kỵ ẩm phải xếp trên bục cao tối thiểu 0,3 m.
 - Hóa chất được xếp chồng lên nhau ở độ cao an toàn. Chiều cao an toàn phụ thuộc vào vật liệu chứa hóa chất (Bảng sau).

Bảng 3.4. Giới hạn xếp tối đa hóa chất

Loại bao gói	Số lớp xếp/ kệ	Số bao gói/kệ
Phuy thép 200l	1	3-4
Phuy thép < 200l	2	3-4
Phuy nhựa 200l	1	2
Phuy nhựa < 200l	2	2

➤ Quy định về quản lý hóa chất trong kho

- Kho chứa hóa chất đảm bảo các yêu cầu của TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm
- Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.
 - Kho có lối thoát hiểm, được chỉ dẫn rõ ràng (bảng bảng hiệu, sơ đồ) và dễ mở khi xảy ra sự cố. Cửa thoát hiểm phải dễ mở trong bóng tối hoặc trong lớp khói dày đặc.
 - Kho có bảng nội quy về an toàn hóa chất, hệ thống hình đồ cảnh báo phù hợp mức độ nguy hiểm của hóa chất. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì hình đồ cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó.
 - Kho có nội quy an toàn lao động, có trang bị và sử dụng trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động khi tiếp xúc với hóa chất, có tủ hóa chất và dụng cụ sơ cứu.
 - Kho hóa chất đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

➤ Quy định về quản lý chất lượng hóa chất

- Hóa chất tại Cơ sở là hóa chất có trong danh mục hóa chất được phép sử dụng ở Việt Nam.
 - Tất cả hóa chất nhập kho có phiếu an toàn hóa chất.
 - Hóa chất nhập kho được nhân viên quản lý theo tên sản phẩm, số lượng, hạn sử dụng, ngày sản xuất, tình trạng bao bì, nhãn mác.

3.2.10. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng

Để giảm thiểu khí thải, tạo môi trường làm việc tốt nhất đến sức khỏe của công nhân, chủ Cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Quạt thông gió được lắp một bên tường nhà xưởng.
- Trên mỗi quạt có thiết kế tấm chắn bụi. Định kỳ hàng tuần, công ty cử người vệ sinh các tấm chắn bụi này. Lượng bụi được thu gom và xử lý đúng quy định.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ, công - nhân viên: quần áo lao động, găng tay, khẩu trang,...

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

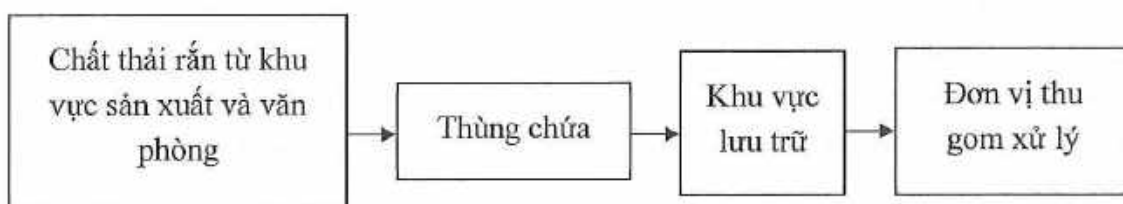
- Chủ Cơ sở sẽ bố trí thêm các chậu cây xanh, cây cảnh xung quanh các nhà xưởng, văn phòng,... để tạo cảm giác mát mẻ cho công nhân, đồng thời điều hoà điều kiện vi khí hậu trong khu vực xưởng.

- Thực hiện phun nước các tuyến đường nội bộ vào thời gian cao điểm nắng nóng để giảm nhiệt độ phân xưởng.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại ngay tại nguồn phát sinh nhằm tái sử dụng chất thải rắn, đơn giản hóa quá trình xử lý, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Sơ đồ thu gom chất thải tại Cơ sở như sau:



Hình 3.10. Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải rắn

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

– *Nguồn phát sinh:* từ văn phòng, nhà vệ sinh và các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân sẽ gây phát sinh chất thải sinh hoạt.

– *Thành phần:* chất thải sinh hoạt chủ yếu là các thực phẩm thừa, vỏ trái cây, bao bì chứa thức ăn, bã trà, bã cà phê,....

– *Khối lượng:* Với lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình của mỗi người là 0,5 kg/người.ngày thì tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt của công nhân và nhân viên ước tính khoảng 350 kg/ngày $\approx$ 105 tấn/năm (tương ứng với 300 ngày làm việc và 1.000 người).

– *Biện pháp lưu giữ:*

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động ước tính 350 kg/ngày, với khối lượng riêng của rác thải sinh hoạt khoảng 300 kg/m³, hệ số đầy của thùng 0,85.

$$\frac{350}{0,85 * 300 \text{ kg/m}^3} = 1,37 \text{ m}^3 = 1.370 \text{ lít}$$

Tổng thể tích các thùng chứa rác sinh hoạt ước tính = (60 x 10) + (240 x 5) = 1.800 lít

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Để thu gom lượng rác này, Chủ Cơ sở bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại nhà xưởng, văn phòng, khuôn viên dự án, nhà vệ sinh ... chức năng của mỗi thùng như sau:

- + 10 thùng 60 lít đặt tại khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn.
- + 5 thùng 240 lít đặt tại khu vực xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn,...

Các loại chất thải rắn này sẽ lưu trữ tại khu vực tập trung chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 12 m² bố trí bên ngoài nhà xưởng – gần khu vực cổng ra vào., nền bê tông và được đơn vị có chức năng thu gom CTR sinh hoạt với tần suất thu gom 1 lần/ngày.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2021 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2019 của UBND Thành phố và bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định pháp luật quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn Thành phố.

Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt) theo Hợp đồng số 210/2024/HĐKT/VX-DT ngày 12/03/2024 giữa Công ty TNHH SX – TM – DV Môi trường Việt Xanh và Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.



Hình 3.11. Khu vực tập trung chất thải sinh hoạt

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

– Nguồn phát sinh:

Trong giai vận hành, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động văn phòng như giấy vụn, thùng carton,...

Trong giai vận hành, chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất các sản phẩm của Nhà máy; từ quá trình đóng gói như nguyên liệu, vật liệu đóng gói dư thừa, bao bì thải....

– Thành phần, khối lượng:

Cân đối giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm và khối lượng chất thải phát sinh thực tế tại cơ sở, lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở từ các hoạt động văn phòng và hoạt động sản xuất như sau:

Bảng 3.5. Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Kính thải	Rắn	12 08 06	TT-R	1.549,19
2	Bao bì các loại không dính các tạp chất chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 06	TT-R	222.967,57
3	Nhãn mác, bao bì giấy thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT	55741,89
4	Bùn từ HTXL nước thải	Bùn	12 06 12	TT	5.250
	Tổng				285.508,65

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

➡ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải 70 m³/ngày tại cơ sở chỉ xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải nấu ăn do đó bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung không có thành phần nguy hại. Khối lượng bùn thải tại cơ sở được ước tính như sau:

Tính toán lượng bùn cặn phát sinh trong quá trình xử lý nước thải Theo Giáo trình tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải – Trịnh Xuân Lai, lượng bùn thải phát sinh trong quá trình xử lý nước thải được tính theo công thức:

$$Q_{bt} = (0,8 \times M_{ss} + 0,3 \times M_{BOD}) \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó:

- M_{ss} : lượng bùn dư tính theo SS (kg/ngày)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

$M_{ss} = Q \times M'_{ss} = 70 \times 20\% = 14$ (kg/ngày) (Q: là lưu lượng nước thải phát sinh tối đa)

- M_{BOD5} : lượng bùn dư tính theo BOD₅ (kg/ngày)

$M_{BOD5} = Q \times M'_{BOD5} = 70 \times 30\% = 21$ (kg/ngày) (Q: là lưu lượng nước thải phát sinh tối đa)

→ $Q_{bt} = [(0,8 \times 14) + (0,3 \times 21)] = 17,5$ (kg/ngày). Lượng bùn thải phát sinh lớn nhất khi hệ thống xử lý đạt công suất xử lý 70 m³/ngày, đêm là khoảng 17,5 kg/ngày.

→ Lượng bùn thải phát sinh lớn nhất khi hệ thống xử lý đạt công suất xử lý 70 m³/ngày, đêm là khoảng 5.250 kg/năm.

✚ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đối với các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường thành phần chủ yếu là các chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng nên ít gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí tại khu vực và vùng lân cận. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào kho chứa riêng biệt. Thùng chứa với dung tích loại 240 lít, 660 lít.

+ 15 thùng loại 240 lít;

+ 15 thùng loại 660 lít;

- Kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho: 30 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho được dán nhãn Khu vực chứa chất thải công nghiệp không thông thường. Tường bao và mái che, nền gia cố bằng bê tông để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty đã ký hợp đồng kinh tế số 0102/2024/HĐKT/RV-DATA ngày 01/02/2024 về việc thu mua phế liệu giữa Công ty TNHH Datalogic Việt Nam và Công ty TNHH Giao nhận hành hóa XNK Rồng Vàng.

Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải thông thường số 210/2024/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 03 năm 2024 giữa Công ty TNHH Datalogic Việt Nam và Công ty TNHH SX – TM – DV Môi trường Việt Xanh.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu sử dụng và số liệu chất thải phát sinh thực tế tại Cơ sở, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động như sau:

Bảng 3.6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay	Rắn	18 02 01	210
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	17 02 03	544
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính khác	Rắn	16 01 06	121
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	7
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	3.215
6	Thiết bị linh kiện điện tử thải có chứa các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	395
7	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi khác	Lỏng	17 08 03	32
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	1.734
9	Chất thải y tế lây nhiễm	Rắn	13 01 01	1
10	Hộp mực in có thành phần nguy hại thải	Rắn	08 02 04	1
	Tổng			6.260

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

Chất thải nguy hại chứa các chất hoặc hợp chất có các đặc tính gây nguy hại trực tiếp (dễ cháy, dễ nổ, làm ngộ độc, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm...) và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người.

CTNH khi thải vào cống rãnh mà chưa được xử lý sẽ làm ô nhiễm nguồn nước, chúng tồn tại lâu trong môi trường và khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn

nước, mô mỡ của động vật gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người, phổ biến nhất là bệnh ung thư.

Khi thải bỏ chung với chất thải sinh hoạt, các chất thải có thể xảy ra các phản ứng hóa học trong xe chở rác hoặc bên trong bãi rác làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân vệ sinh. Do đó, nếu không được thu gom và xử lý đúng theo quy định trước khi thải bỏ sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.

⚡Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa Chất thải rắn nguy hại được chứa trong thùng nhựa với dung tích loại 120 lít, (chứa bao bì dính thành phần nguy hại, giẻ lau dính thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, linh kiện điện tử thải,...) và bao PP chống thấm.

+ 10 thùng loại 120 lít;

- Kho lưu chứa:

Diện tích kho: 18 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.

Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy đựng nước lẫn dầu, thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

Thu gom và lưu trữ tạm thời trong thùng chứa đặc biệt được dán nhãn.

Bóng đèn, giẻ thấm dầu mỡ thải, dầu mỡ thải từ máy móc thiết bị, bao bì, thùng chứa hóa chất thải, sản phẩm quá hạn sử dụng... Chất thải dạng lỏng được lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy. Trên các thùng chứa rác thải đều ghi rõ chủng loại, mã chất thải. Các thùng chứa chất thải được đặt cách xa vị trí sản xuất, không gian thoáng mát và vị trí an toàn.

- Chất thải nguy hại sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/ 2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Quy trình vận hành: CTNH từ các khu vực phát sinh → phân loại riêng biệt từng loại → thu gom về khu vực tập trung → đưa vào các thiết bị chứa riêng biệt, phù hợp → bàn giao cho đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH số 210/2024/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 03 năm 2024 giữa Công ty TNHH Datalogic Việt Nam và Công ty TNHH SX – TM – DV Môi trường Việt Xanh.



Hình 3.12. Nhà rác nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở có phát sinh tiếng ồn, để kiểm soát được tiếng ồn ta có thể áp dụng một số giải pháp sau:

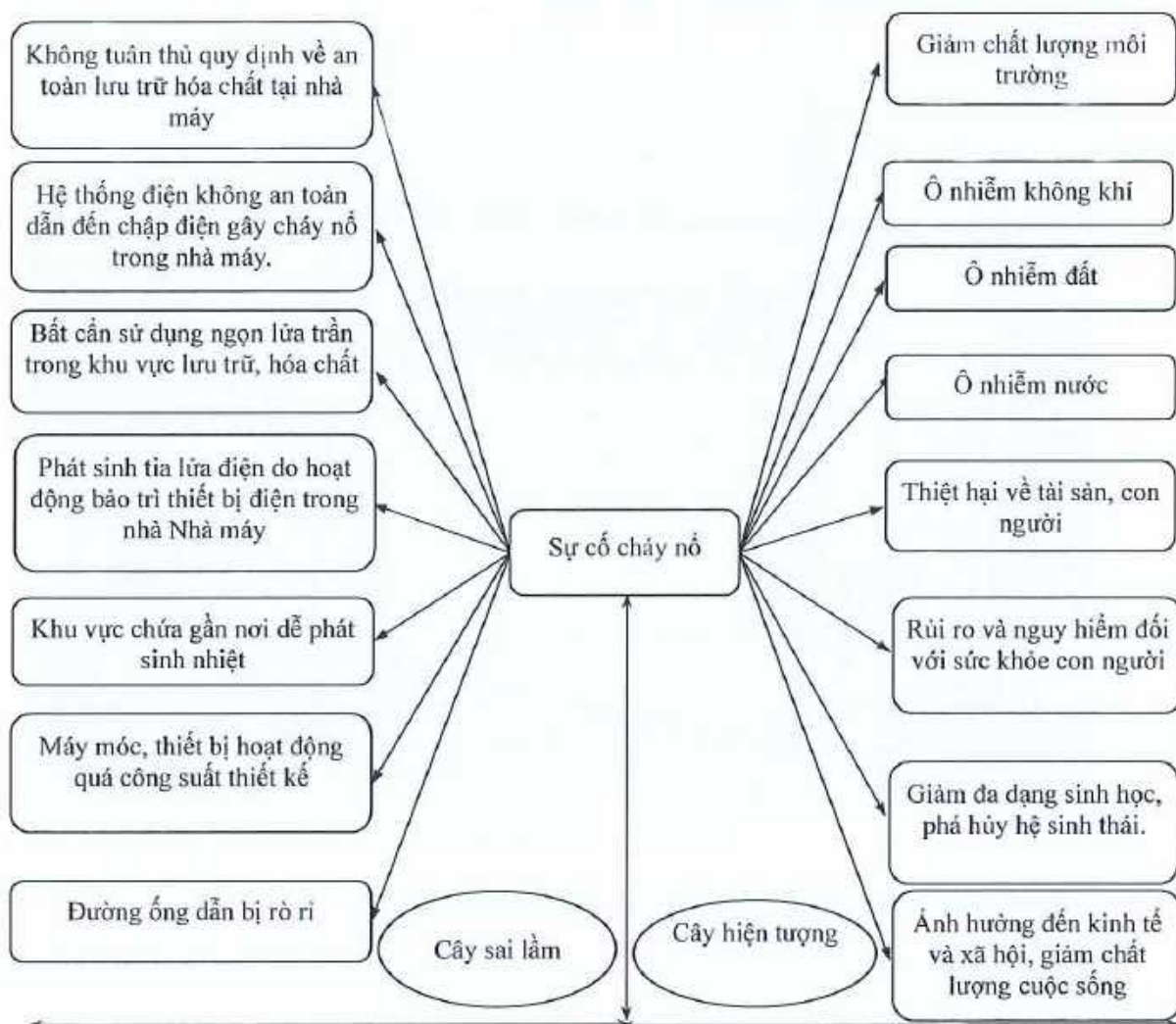
- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai chống ồn.
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng chống cháy nổ

⚠️ **Sự cố cháy nổ**

Một số nguyên nhân dẫn đến cháy nổ và hậu quả của nó có thể mang lại được thể hiện theo sơ đồ sau:



Hình 3.13. Những nguyên nhân và sự cố do cháy nổ gây ra

Nguyên nhân cháy nổ trong hoạt động sản xuất có thể xảy ra:

- Cháy do các sự cố về điện:

+ Dùng điện quá tải: Khi sử dụng nhiều dụng cụ tiêu thụ điện khác nhau, điện phải cung cấp nhiều, cường độ của dây dẫn lên cao có thể gây hiện tượng quá tải.

+ Cháy do chập mạch: Chập mạch là hiện tượng các pha chập vào nhau, dây nóng chạm vào dây nguội, dây nóng chạm đất làm điện trở mạch ngoài rất nhỏ, dòng điện trong mạch tăng rất lớn làm cháy lớp cách điện của dây dẫn và làm cháy thiết bị điện.

+ Cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở): ở mỗi nối lỏng, hở sẽ có hiện tượng phóng điện qua không khí. Hiện tượng tia lửa điện thường xuất hiện ở những vị trí có tiếp giáp không chặt như ở điểm nối dây, cầu chì, cầu dao, công tắc,... Tia lửa điện có nhiệt độ 1.500°C đến 2.000°C, điểm phát quang bị oxy hóa nhanh, thiết bị dễ bị hư hỏng. Các chất

dễ cháy ở gần như xăng, dầu, ... có thể bị cháy.

- Cháy do tia lửa tĩnh điện: Tĩnh điện phát sinh ra do sự ma sát giữa các vật cách điện với nhau hoặc giữa các vật cách điện và vật dẫn điện, do va đập của các chất lỏng cách điện (xăng, dầu) hoặc va đập của chất lỏng cách điện với kim loại.

- Cháy do sét đánh: Sự cố do sét đánh là một trường hợp tự nhiên, nguy cơ sẽ xảy ra vào mùa mưa và cũng là một nguồn hiểm họa vô cùng.

Nhận xét: Như vậy khi sự cố cháy nổ xảy ra sẽ ảnh hưởng, thiệt hại rất nhiều đến tài sản của Công ty, tính mạng con người và gây ô nhiễm môi trường chẳng hạn như bụi, khói thải, nhiệt độ phát tán vào không khí gia tăng nguy cơ gây hiệu ứng nhà kính... Do vậy Công ty sẽ trang bị đầy đủ một số phương tiện PCCC như hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, thiết bị PCCC cầm tay nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra sự cố.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

Để phòng ngừa khả năng gây cháy nổ trong quá trình hoạt động sản xuất, các biện pháp áp dụng bao gồm:

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này sẽ được lắp đặt các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị, ... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật; Các công nhân vận hành máy móc sản xuất được huấn luyện cơ bản về quy trình kỹ thuật vận hành.

- Các loại hóa chất và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện, các bồn chứa dung môi sẽ được lắp đặt các van an toàn, các thiết bị theo dõi nhiệt độ, các thiết bị báo cháy, chữa cháy tự động.

- Trong các khu sản xuất, kho nguyên liệu và thành phẩm sẽ được lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa hàng hoá, nhiên liệu. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động. Bố trí hệ thống chống cháy nổ tại xung quanh khu vực Cơ sở nhằm cứu chữa kịp thời khi sự cố xảy ra.

- Trong khu vực có thể gây cháy, công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện.

- Các loại chất thải có tính dễ bắt cháy giẻ lau dính hóa chất, dính dầu nhớt, ... chủ đầu tư sẽ hợp đồng xử lý nhanh chóng không để tồn lưu số lượng lớn dễ gây cháy nổ tại Công ty.

- Trong các vị trí sản xuất thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn đối với từng công nhân trong suốt thời gian làm việc.

Một vấn đề khác rất quan trọng là sẽ tổ chức ý thức phòng cháy chữa cháy tốt cho toàn

bộ nhân viên trong nhà máy. Việc tổ chức này đặc biệt chú ý đến các nội dung sau:

- Tổ chức học tập nghiệp vụ, tất cả các khu vực dễ cháy đều có tổ nhân viên kiêm nhiệm công tác phòng hỏa. Các nhân viên này được tuyển chọn, được huấn luyện, thường xuyên kiểm tra.

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên. Huấn luyện cho toàn thể cán bộ công nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Lắp đặt các tiêu lệnh PCCC tại những vị trí dễ nhìn.

- Phối hợp với cơ quan PCCC để diễn tập nhằm nâng cao khả năng ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

➤Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Đối với khu vực lưu chứa nhiên liệu, hóa chất:

- + Thường xuyên vệ sinh khu chứa, tránh để bụi tồn đọng trong xường.

- + Che chắn, bảo vệ cẩn thận các thiết bị điện tại khu vực chứa hóa chất, nhiên liệu.

- + Đảm bảo tắt điện ngoài giờ làm việc.

- Đối với xưởng sản xuất:

- + Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện sử dụng.

- + Vệ sinh hàng ngày khu vực sản xuất.

- + Những thiết bị điều khiển và giám sát luôn ở tình trạng tốt nhất.

- + Giảm thiểu các nguồn đánh lửa và nguy cơ phát ra tia lửa.

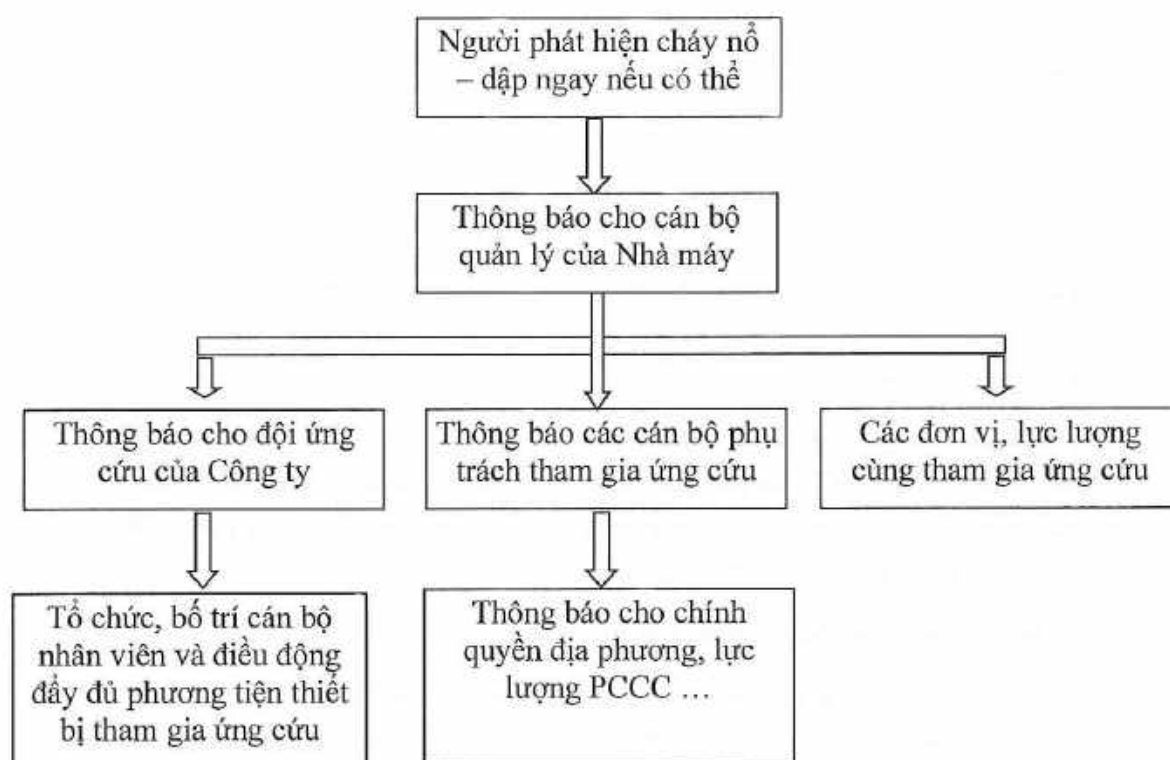
- + Trang bị bảo hộ và bố trí thoát hiểm hợp lý.

- + Ngăn chặn lập tức các đám cháy mới hình thành bằng thiết bị chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy và các hòng cứu hỏa sẵn có.

- + Đảm bảo tắt điện ngoài giờ làm việc.

- Thiết bị an toàn: Trên hệ thống có các loại van an toàn, van đóng ngắt khẩn cấp (shutdown valve), hệ thống đầu dò báo rò rỉ khí. Nếu có rò rỉ khí thì các đầu dò sẽ phát hiện và cảnh báo hệ thống, van đóng ngắt khẩn cấp (shutdown valve) sẽ kích hoạt và đóng ngắt tức thời đảm bảo an toàn hệ thống.

- Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn



Hình 3.14. Sơ đồ ứng cứu sự cố khi cháy nổ của Nhà máy

3.6.2. Biện pháp sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

☛ Sự cố hóa chất

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Cơ sở có sử dụng hóa chất (danh mục hóa chất sử dụng nêu ở chương 1),... nên rất dễ gây ra sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất xảy ra tại Công ty như:

- Hư hỏng các phương tiện vận chuyển, xếp dỡ hóa chất nguy hiểm do bảo quản, bảo dưỡng không phù hợp, không đúng với quy định hoặc do sử dụng lâu ngày mà không được bảo dưỡng; vận hành không đúng quy trình kỹ thuật đã được ban hành. Va chạm giữa các phương tiện hoặc giữa phương tiện với kệ hàng. Hư hỏng các phương tiện vận chuyển, xếp dỡ và sự va chạm có thể làm rơi đổ và làm hư các phuy, can, bao chứa hóa chất gây rò rỉ hóa chất.

- Do thiết bị lưu chứa bị hư hỏng hoặc sắp xếp quá chiều cao quy định, không cẩn thận dễ nghiêng thiết bị, va đập, rơi ngã khi vận chuyển xe nâng gây rò rỉ và chảy tràn hóa chất trên bề mặt sàn kho.

- Va chạm giữa các dụng cụ sắc, nhọn trong thao tác bốc dỡ hóa chất với các bao bì, thùng chứa, gây thủng thùng, bòn chứa, rách bao bì nhựa, giấy.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Bất cẩn của công nhân bốc xếp, gây đổ, vỡ bao bì đựng hóa chất. Do sự bất cẩn của nhân viên điều khiển xe nâng làm rơi ngã các thiết bị lưu chứa hóa chất gây rò rỉ, tràn đổ hóa chất.

- Chất lượng của các loại vật liệu đóng gói không đảm bảo, bao bì, thùng chứa không được kiểm tra, xem xét ngay từ khâu nhập khẩu vào kho.

- Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường khách quan: Nhiệt độ, độ ẩm, nước mưa làm thay đổi tính chất của hóa chất. Nhiệt độ quá cao cũng có thể gây nứt hỏng vật chứa.

- Khi lưu chứa quá nhiều hóa chất trong kho, hóa chất không xếp đúng vị trí, khoảng cách không an toàn, lưu chứa lâu ngày, điều kiện bảo quản không tốt,... có thể phân hủy hoặc tương tác với nhau tạo thành khí độc.

- Hóa chất bị rò rỉ, tràn đổ sẽ chảy tràn trên nền kho và phát tán vào môi trường không khí xung quanh dưới dạng hơi khí độc, nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời sẽ gây nguy hiểm cho công nhân bốc xếp nếu hít thở hoặc dính phải hóa chất nguy hại có thể gây cháy nổ khi, hậu quả sẽ rất nghiêm trọng.

✚ Kế hoạch huấn luyện và diễn tập theo định kỳ:

Hàng năm tổ chức đào tạo, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy cho tất cả các cán bộ công nhân viên tại Công ty tối thiểu 01 lần.

Tổ chức đào tạo, huấn luyện về an toàn hóa chất cho người lao động tiếp xúc trực tiếp với hóa chất tại Công ty 02 năm/lần.

Kế hoạch diễn tập theo định kỳ:

Tối thiểu 1 lần/năm Công ty tổ chức tự diễn tập chữa cháy và ứng phó sự cố hóa chất theo phương án chữa cháy của Công ty theo tình huống giả định dưới đây.

Việc tổ chức diễn tập được thực hiện với sự giám sát của các cơ quan chức năng.

✚ Sự cố do vận chuyển, lưu trữ hóa chất

Quá trình lưu trữ, vận chuyển hóa chất có thể dẫn tới các sự cố đổ, vỡ, gây nguy hại nghiêm trọng đến tuyến đường vận chuyển. Các sự cố bao gồm:

- Tai nạn giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

- Sự cố đổ, tràn, vỡ các bao bì hóa chất.

- Sự cố cháy nổ khu chứa hóa chất.

- Sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu dạng lỏng, nhất là hóa chất khi xảy ra sẽ gây ra những tác hại lớn như gây ngộ độc cho người, động thực vật, gây cháy nổ các kho chứa nguyên liệu hóa chất,...

- Sự cố cháy nổ kho hóa chất làm bắn lửa ra xung quanh, khói độc thoát ra, lan sang các khu vực nhà máy lân cận.

Nguy hiểm hơn là nếu lưu giữ lâu dài các nguyên liệu, hóa chất độc hại trong đám cháy này sẽ bị ngất xỉu do ngưng đường hô hấp.

Các sự cố này có thể dẫn tới thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội cũng như hệ sinh thái trong khu vực và các vùng lân cận và có khả năng gây chết người nếu không được kiểm soát cẩn thận.

⚠ Ô nhiễm từ quá trình lưu chứa hóa chất

- Các thiết bị chứa hóa chất được nhà sản xuất đảm bảo kín không rò rỉ, an toàn. Do vậy hơi hóa chất phát sinh là không đáng kể.

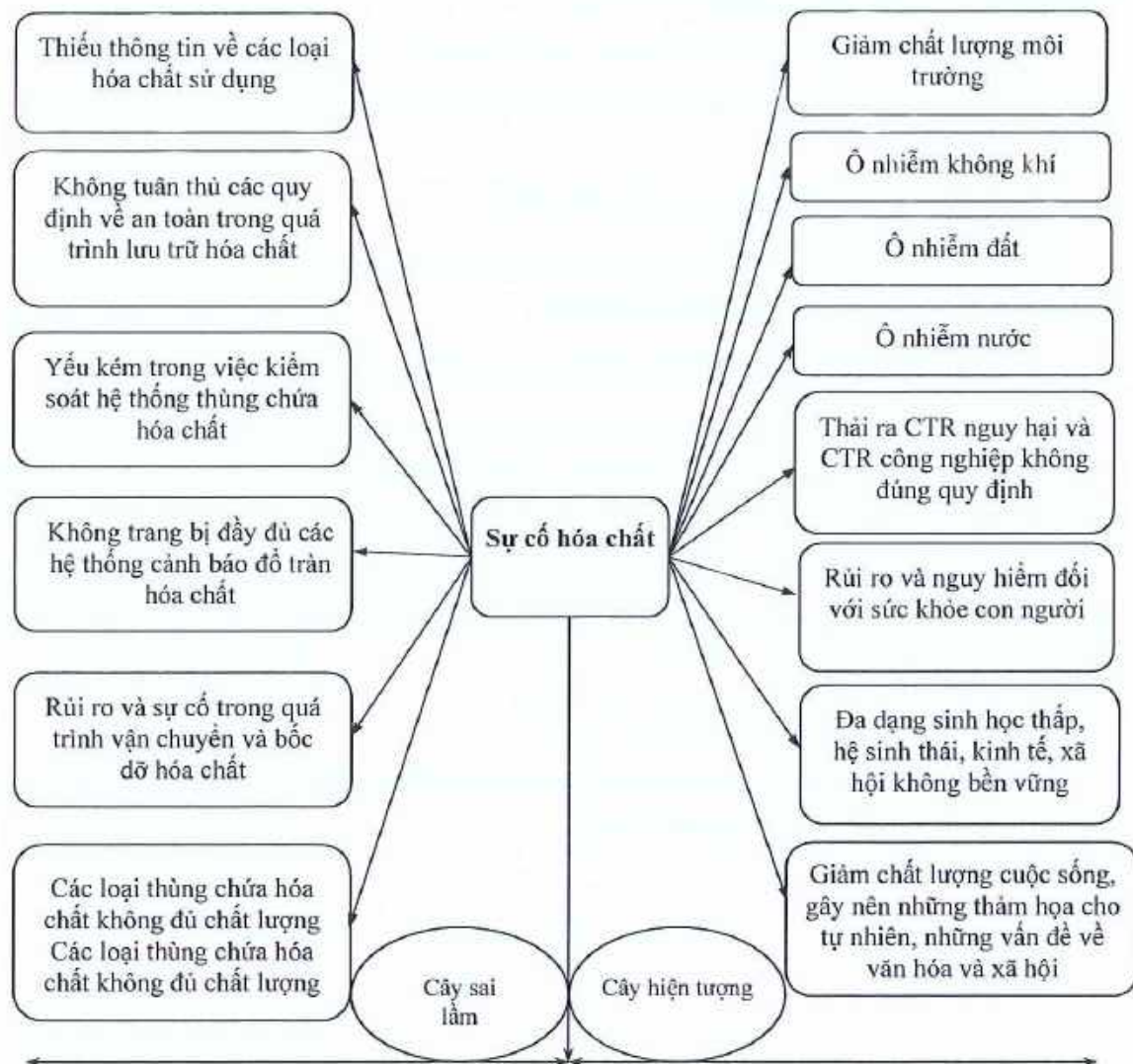
- Việc phát sinh hơi hóa chất nếu có là do sự cố tràn đổ, rò rỉ.

- Việc tràn đổ, rò rỉ có thể xảy ra nếu quá trình bốc dỡ làm rơi đổ hóa chất, gây biến dạng bao bì chứa, hay khi xếp vào kho lưu giữ không cân bằng khiến cho thùng hàng bị đổ. Các trường hợp này xảy ra chủ yếu do sự bất cẩn của công nhân vận hành xe nâng.

- Tùy vào loại hóa chất rò rỉ sẽ gây những tác động khác nhau, trong đó tác động phổ biến nhất là gây chóng mặt, kích ứng da, mắt và hô hấp, ngất cho người tiếp xúc. Nếu nồng độ cao có thể gây cháy nổ.

⚠ Sự cố rò rỉ, tràn đổ nhiên liệu, hóa chất

Những nguyên nhân gây ra sự cố về rò rỉ, tràn đổ hóa chất và những hậu quả do sự cố này gây ra được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 3.15. Những nguyên nhân và hậu quả do sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất gây ra

✦ Các nguyên nhân cụ thể

- *Rò rỉ hóa chất tại khu chiết rót:* Xảy ra trong quá trình sử dụng hóa chất. Các thiết bị tạm trữ phải đảm bảo an toàn, trong trường hợp hở nắp, nghiêng, thùng thùng chứa hóa chất sẽ dẫn đến nguy cơ rò rỉ ra nền nhà xưởng. Sự cố này vừa gây thất thoát nguyên liệu, vừa gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và cũng có thể là nguyên nhân gây ra sự cố cháy nổ.

- *Rò rỉ hóa chất tại khu lưu trữ hóa chất chung:* Khu vực lưu trữ hóa chất... phục vụ cho quá trình sản xuất là một khu vực quan trọng. Việc tràn đổ, rò rỉ hóa chất xảy ra khi thùng chứa hóa chất bị nứt bể do va chạm, do tác động cơ học, do thời gian sử dụng lâu, cũng có thể do nhiệt độ kho bảo quản quá cao gây nứt vật chứa. Tràn đổ cũng có thể xảy ra do sơ hở trong quá trình nhập nhiên liệu, xuất nhiên liệu để sử dụng.

- Cháy nổ nhiên liệu có thể xảy ra khi kho bảo quản nhiên liệu quá nóng (do hỏa hoạn, chập điện...), vượt quá nhiệt độ tự cháy hoặc nhiệt độ bùng cháy của nhiên liệu làm nhiên liệu bốc cháy sinh nhiệt có thể gây nổ.

Đây là những nguyên nhân có thể dẫn đến các sự cố về tràn đổ, rò rỉ hóa chất tại nhà máy. Tuy nhiên chủ đầu tư luôn ý thức vấn đề này nên trang bị hệ thống kho chứa đáp ứng yêu cầu về lưu trữ hóa chất, cử cán bộ có chuyên môn quản lý kho chứa hóa chất và đề ra những nội quy, quy chế nghiêm ngặt trong quá trình lao động cũng như trang bị các dụng cụ để phòng hờ, ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

Dự kiến các tình huống, sự cố, nguyên nhân làm rò rỉ, tràn đổ hóa chất trong hoạt động của Cơ sở như sau:

Bảng 3.7. Danh sách các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất

STT	Vị trí	Nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất	Nguyên nhân	Số người lao động
1	Khu vực chứa hóa chất	Rò rỉ các hóa chất có thể dẫn đến cháy nổ.	- Do bao bì chứa các loại hóa chất trong khu vực lưu chứa bị vỡ do va chạm mạnh trong quá trình vận chuyển của nhân viên kho. - Do công tác kiểm tra tình trạng bao bì chứa các loại hóa chất trong khu vực chứa không thường xuyên nên không phát hiện các bao bì chứa hóa chất bị mục vỡ. - Do trộm cắp hóa chất, hoặc do phá hoại của con người. - Do chập điện dẫn đến phát sinh hỏa hoạn trong khu vực chứa hóa chất dẫn cháy nổ các loại hóa chất có đặc tính dễ cháy. - Do cháy lan từ khu vực nhà xưởng hay khu vực lân cận lan sang khu vực chứa hóa chất dẫn đến cháy nổ các loại hóa chất có đặc tính dễ cháy.	02
2	Bãi chứa hàng tạm	Rò rỉ, tràn đổ	- Do thao tác bất cẩn của công nhân làm rơi vỡ hóa chất tại khu	05

STT	Vị trí	Nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất	Nguyên nhân	Số người lao động
	trước khi xếp vào kho		vực chứa hóa chất tạm trước khi xếp vào kho.	
		Sự cố cháy nổ	- Công việc hàn hay phát sinh tia lửa điện gần khu vực xếp hàng tạm. - Cháy lan từ khu vực khác sang khu vực chất hàng tạm - Do công nhân tự tiện hút thuốc trong khu vực làm việc dễ kết hợp với các dung môi dễ cháy có thể gây ra hiện tượng cháy nổ.	

⚡**Hậu quả của sự cố hóa chất gây ra**

Bảng 3.8. Hậu quả sự cố hóa chất gây ra

STT	Sự cố hóa chất	Phạm vi tác động	Mức độ tác động đến con người và môi trường	Ghi chú
1	Cháy, nổ	Khu vực chứa hóa chất, nhà xưởng	- Cháy nổ gây bỏng. - Ô nhiễm không khí từ nhẹ đến nghiêm trọng. - Gây ô nhiễm nước nghiêm trọng.	Tùy thuộc vào đặc tính nguy hại của các chất lỏng dễ cháy.
2	Rò rỉ, chảy đổ hóa chất	Khu vực nhà kho và môi trường xung quanh	- Gây nhiễm độc cấp tính và mãn tính đến sức khỏe người lao động. - Ăn mòn, cháy da, ảnh hưởng đến phổi và mắt. - Ô nhiễm nước và không khí. - Gây hư hại vật liệu.	Tùy thuộc vào đặc tính nguy hại của hóa chất độc và hóa chất ăn mòn.

⚡**Tác động của sự cố hóa chất**

- Đối với môi trường:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

+ Hóa chất có tính độc hại, khi xâm nhập vào môi trường sẽ hủy hoại sinh vật trong tự nhiên. Quy mô sự cố có thể ảnh hưởng trên diện rộng.

+ Hoá chất có tác động rất lớn đến môi trường, từ biến đổi khí hậu đến hủy hại các loài thú hoang dã và làm ô nhiễm nguồn nước uống. Sự cố hóa chất xảy ra ngày càng nhiều với quy mô tác động và tính chất nguy hiểm cao.

- *Sức khỏe cộng đồng*: Khi xảy ra tràn đổ rò rỉ hóa chất, nếu có người lao động làm việc tại khu vực tràn đổ rò rỉ thì thông qua tiếp xúc, đường hô hấp hóa chất sẽ có những tác động xấu tới sức khỏe của người lao động.

- *Người lao động khi tiếp xúc với hóa chất sẽ gặp phải ra các triệu chứng sau*:

+ Đường mắt: gây kích thích mắt, mẩn đỏ, đau và mờ mắt. Nồng độ cao hơn hoặc văng dính vào mắt có thể gây ra tổn thương mắt vĩnh viễn.

+ Đường thở: gây kích ứng đường hô hấp, các triệu chứng bao gồm ho, khó thở.

+ Đường da: gây kích ứng da. Các triệu chứng bao gồm đỏ, ngứa và đau rát và có thể gây bong.

Các tác động này đều biểu hiện ngay lập tức và có thể gây nguy hiểm cho người lao động.

4. Biện pháp ngừng ngừa, ứng phó sự cố

Để giảm thiểu sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại nhà máy, công ty sẽ thực hiện một số biện pháp như sau:

Đối với hóa chất lưu trữ trong kho

- Các hóa chất trong kho được sắp xếp để tránh phản ứng và dễ quản lý. Sắp xếp các bao bì, thùng chứa ngay ngắn, phân loại từng hóa chất theo từng khu vực riêng. Cấm xếp các loại hóa chất có khả năng phản ứng với nhau, kỵ nhau hoặc các chữa cháy khác nhau cùng khu vực.

- Trước khi nhập kho hóa chất được kiểm tra bao bì, xem Nhãn của hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt, vỡ, rách thùng.

- Hóa chất dạng lỏng chứa trong phuy, can... và hóa chất dạng bột chứa trong các thùng bao bì chuyên dụng và được phân loại, ghi nhãn. Hóa chất nguy hại được đặt trong máng inox có gờ bao 5 cm trước khi xếp lên pallet để chống đổ.

- Hóa chất trong kho được để trên bục hoặc giá đỡ, xếp cách tường 0,5m, lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5 m. Các lô hàng không được xếp sát trần kho và không cao quá 2 m.

- Sàn kho hóa chất, thùng, can chứa hóa chất phải vững chắc, bằng phẳng, không trơn trượt. Không được xếp các lô hàng nặng quá tải trọng của nền kho.

- Không để bao bì, vật liệu dễ cháy: giẻ lau, giấy lau dính dầu mỡ,...trong kho.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Nhà máy sẽ có kế hoạch sử dụng lưu trữ hóa chất đủ phục vụ cho sản xuất trong một thời gian ngắn, không nhập hóa chất quá nhiều lưu trữ tại kho. Đồng thời có sổ theo dõi xuất nhập tồn kho hàng ngày.

- Thông gió kho chứa hóa chất, tránh nhiệt độ bảo quản hóa chất quá nóng. Công ty sẽ lắp đặt thiết bị theo dõi thường xuyên nhiệt độ và độ ẩm.

- Ngắt các thiết bị điện khi không còn sử dụng. Các thiết bị dùng điện được khổng chế chung bằng thiết bị đóng ngắt, đặt bên ngoài nhà trên mặt tường bằng vật liệu không cháy hoặc trụ riêng biệt. Thiết bị điện trong kho hóa chất là loại chống nổ.

- Trang bị các thiết bị PCCC: bình chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hộp nước chữa cháy vách tường, bình cầu chữa cháy tự động.

- Các phương tiện, vật dụng cần thiết như thùng xốp, vải, thùng cát được bố trí sẵn để đảm bảo ứng phó trong trường hợp có xảy ra sự cố.

- Tại kho chứa có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất cho mỗi loại hóa chất được đặt ngay tại khu vực lưu trữ sẵn sàng cho việc sử dụng.

- Trang bị đồ bảo hộ cá nhân đầy đủ cho người lao động làm việc tại kho chứa: khẩu trang, găng tay ủng cao su, bồn rửa mắt.

- Kho được khóa cẩn thận và thủ kho chịu trách nhiệm giữ chìa khóa, chỉ người có trách nhiệm mới được phép ra/vào kho.

Đối với hóa chất sử dụng tại quá trình sản xuất

- Hóa chất được sang chiết sang các chai, lọ nhỏ hơn tùy theo nhu cầu sử dụng và được phân loại, ghi nhãn theo Thông tư số 17/2022/TT-BCT của Bộ Công thương; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Công nhân thao tác với hóa chất được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ.

- Cán bộ quản lý, công nhân tiếp xúc với hóa chất nguy hiểm đều được công ty tổ chức huấn luyện, tuyên truyền về an toàn trong tiếp xúc, sử dụng hóa chất. Hạn chế tối đa rủi ro xảy ra.

- Bên cạnh các biện pháp hạn chế sự cố tại từng khu vực, nhà máy còn áp dụng các biện pháp sau:

- Lắp đặt các hệ thống báo cháy chữa cháy tự động và cung cấp các số điện thoại khẩn cấp niêm yết tại các khu vực có nguy cơ.

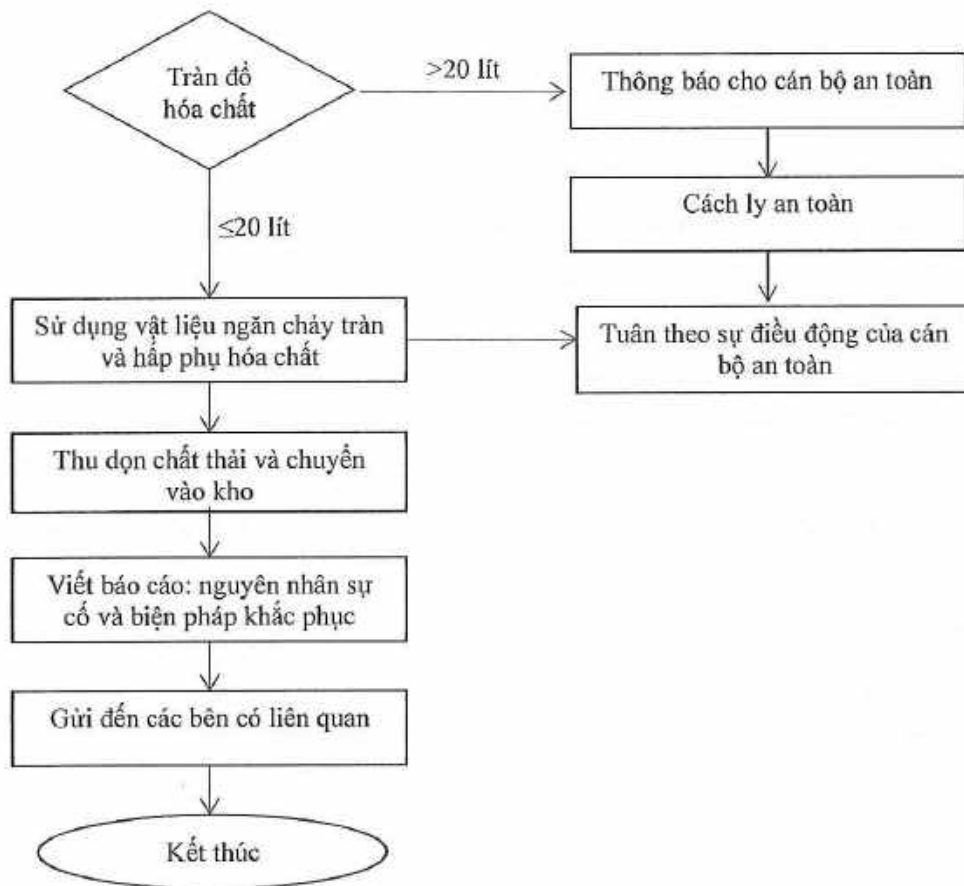
- Quản lý và công nhân viên làm việc tại những khu vực này được đào tạo về xử lý sự cố, tham gia diễn tập ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất 1 năm/lần.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, theo dõi độ nhiễm độc hóa chất, kịp thời phát hiện bệnh nghề nghiệp và tổ chức tốt việc điều trị.
- Bố trí các tủ thuốc cấp cứu, vòi nước tại nhà xưởng để kịp thời cấp cứu khi xảy ra tai nạn.
- Lập danh sách đối ứng phó sự cố về hóa chất dán tại từng đơn vị để kịp thời liên lạc và ứng phó kịp thời. Và danh mục số điện thoại của các cơ quan chức năng để kịp thời phối hợp.
- Bên ngoài kho chứa hóa chất xưởng sản xuất có biển “CẢM LỬA”, “CẢM HÚT THUỐC” chữ to, màu đỏ. Quy định người không có trách nhiệm không được vào.

4. Ứng cứu sự cố rò rỉ, đổ đổ hóa chất

Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất như sau:



Hình 3.16. Quy trình thực hiện khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng nếu gây hậu quả nghiêm trọng.

Công ty cam kết tuân thủ các quy định của Luật Hóa chất, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn về việc khai báo, sử dụng, vận chuyển, bảo quản hóa chất.

3.6.3. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động

⚡ Sự cố tại nạn lao động

Các nguyên nhân có thể dẫn đến tai nạn lao động là do:

- Công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy về an toàn lao động.
- Không trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.
- Không áp dụng thường xuyên các biện pháp tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho công nhân.
- Không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp do cơ sở đề ra.
- Không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định khi vận hành các thiết bị máy móc trong quá trình sản xuất.
- Bất cẩn về điện dẫn đến sự cố điện giật.
- Bất cẩn trong quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm.
- Tình trạng sức khỏe của công nhân không tốt.

Xác suất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành các nội quy và quy tắc an toàn trong lao động. Mức độ tác động có thể gây ra thương tật hay thiệt hại tính mạng cho người lao động.

Xác suất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành các nội quy và quy tắc an toàn trong lao động. Mức độ tác động có thể gây ra thương tật hay thiệt hại tính mạng cho người lao động.

Dự kiến các tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp có thể xảy ra khi nhà máy đi vào hoạt động.

Tai nạn do điện

- Tai nạn điện xảy ra đều do dòng điện trực tiếp chạy qua cơ thể con người làm cho con người bị điện giật hoặc do dòng điện là tác nhân gây nên hiện tượng cháy nổ.
- Tai nạn điện rất nguy hiểm, khó đề phòng vì dòng điện không nhìn thấy, không có mùi vị, không âm thanh, không thể xác định được bằng tay.
- Tỷ lệ tử vong khi bị điện giật là rất cao, số người bị điện giật phần lớn bị chết; nếu cứu được sinh mệnh thì cũng sẽ mang di tật cả đời.

Tai nạn do cơ cấu chuyển động, vật văng bắn, vật rơi

- Người, tay, tóc bị kẹt do bị cuốn áo, quần vào dây xích, băng tải, trục quay của máy.
- Thân thể người va chạm với các bộ phận máy đang chuyển động.
- Rơi, đổ các vật từ trên cao

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Tai nạn do trơn trượt, vấp ngã: Bước hụt, vấp ngã, trượt ngã xuống nền nhà xưởng, ngã vào vật liệu, thiết bị nằm lộn xộn khắp nơi.

Tai nạn do ngã cao

- Leo trèo trên tường, trên các kết cấu lắp ráp...
- Thang bị đổ, sàn thao tác tạm bị đổ, gãy..
- Làm việc trên sàn, trên mái không có lan can an toàn.
- Không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân...

Tai nạn lao động xảy ra sẽ gây thiệt hại về người và tài sản trong nhà máy. Chủ đầu tư sẽ đề ra các biện pháp an toàn lao động bắt buộc công nhân viên thực hiện nhằm hạn chế thấp nhất tai nạn có thể xảy ra.

Biện pháp phòng ngừa sự cố lao động

Trong quá trình lao động, tai nạn lao động có thể xảy ra bất kỳ công đoạn nào, thời điểm nào. Do đó để giảm thiểu tai nạn lao động, Chủ Cơ sở đưa ra nội quy cho Nhà máy như sau:

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dùng dành cho công nhân làm việc, tiếp xúc trực tiếp với hóa chất như quần áo bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang, mắt kính bảo hộ, mặt nạ chống độc. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.

- Lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu cảnh báo cho công nhân viên những nguy cơ có thể xảy ra tại khu vực đặt biển báo.

- Luôn chú ý cải thiện điều kiện làm việc của công nhân, đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt Tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Bố trí nhân viên chuyên trách về vệ sinh, môi trường và an toàn lao động. Nhân viên này có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn cho công nhân thực hiện các biện pháp vệ sinh và an toàn lao động. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện các biện pháp an toàn lao động của công nhân.

- Tổ chức giáo dục tuyên truyền giúp công nhân viên có kiến thức về an toàn lao động, tự bảo vệ chính mình, tránh các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng do thiếu hiểu biết.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân theo quy định.

Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Vòi nước xả rửa khi có sự cố, tủ thuốc, bình cung cấp oxy;
- Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa,...
- Hằng năm tổ chức đo đạc môi trường lao động và tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc tại các vị trí có độ ồn cao.

⚡Biện pháp phòng tránh tai nạn điện

- Không chạm vào chỗ đang có điện trong nhà máy như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy, chỗ tróc vỏ bọc cách điện của dây dẫn điện; chỗ nối dây, dây điện trần,... để không bị điện giật chết người.

- Dây điện trong nhà máy phải được đặt trong ống cách điện và dùng loại dây có vỏ bọc cách điện, có tiết diện dây đủ lớn để có dòng điện cho phép của dây dẫn lớn hơn dòng điện phụ tải để dây điện không bị quá tải gây chập chập, phát hỏa trong nhà.

- Phải lắp cầu dao hay aptomat ở đầu đường dây điện chính trong nhà, ở đầu mỗi nhánh dây phụ và lắp cầu chì ở trước các ổ cắm điện để ngắt dòng điện khi có chập chập, ngăn ngừa phát hỏa do điện.

- Khi sử dụng các công cụ điện cầm tay (máy khoan, máy mài, máy hàn,...) phải mang găng tay cách điện hạ thế để không bị điện giật khi công cụ bị rò điện.

- Khi sửa chữa điện phải cắt cầu dao điện và treo bảng “Cấm đóng điện, có người đang làm việc” tại cầu dao để không bị điện giật.

- Không đóng cầu dao, bật công tắc điện khi tay ướt, chân không mang dép, đứng nơi ẩm ướt để không bị điện giật.

- Không để trang thiết bị điện phát nhiệt ở gần đồ vật dễ cháy nổ để không làm phát hỏa trong nhà máy.

- Các thiết bị điện, đồ dùng điện, cầu dao điện, công tắc, ổ cắm điện,... bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế ngay để người sử dụng không chạm phải các phần dẫn điện gây điện giật chết người.

- Không sử dụng dây điện, thiết bị điện, đồ dùng điện có chất lượng kém vì các thiết bị này có lớp cách điện xấu dễ gây chập chập, rò điện ra vỏ gây điện giật chết người và dễ gây phát hỏa trong nhà máy.

⚡Biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông

Khi cơ sở đi vào vận hành thì mật độ giao thông ra vào khu vực nhà máy tăng lên, nên dễ xảy ra tai nạn giao thông, để giảm thiểu sự cố này chủ Cơ sở áp dụng một số biện pháp như sau:

- Tuyên truyền, giáo dục cho CBCNV ý thức chấp hành luật an toàn giao thông khi tham gia giao thông.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật các phương tiện vận tải để đảm bảo an toàn giao thông.

3.6.4. Biện pháp phòng chống sự cố môi trường

➤ Đối với hệ thống xử lý nước thải

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Ngừng ngay hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, tiến hành kiểm tra các thiết bị nhanh chóng và có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Ngừng thao tác không đúng, tiến hành điều tra nguyên nhân và điều chỉnh thao tác theo đúng hướng dẫn vận hành của đơn vị thiết kế lắp đặt hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Ngừng ngay hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định hiện hành trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như: tắt nghẽn bồn cầu hoặc tắt đường ống dẫn, tắt đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

+ Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn. Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Kiểm tra, giám sát đường thông thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải.

+ Phối hợp với các cơ quan chuyên môn về môi trường nhằm theo dõi và khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường và BQL KCNC các sự cố xảy ra để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp hướng dẫn phương án khắc phục kịp thời.

➤ Biện pháp kiểm soát nước thải đạt giới hạn đầu nối

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị tại hệ thống xử lý khí thải như bơm, máy thổi khí,...

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Kiểm tra chỉ số lắng SVI30.
- Thường xuyên kiểm tra pH; DO.
- Theo dõi nhật ký vận hành để kiểm soát lưu lượng đầu vào và đầu ra.
- Test nhanh các chỉ tiêu như pH, DO bằng máy test nhanh.

Nếu phát hiện sự cố → ngưng hoàn toàn hệ thống và liên hệ với đơn vị tư vấn để khắc phục sự cố.

Một số biện pháp khắc phục sự cố cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3.9. Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với HTXL nước thải

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Tủ điện	Cháy thiết bị	Do chập mạch Bơm bị kẹt rác, mất pha	Tắt khẩn cấp khi xảy ra chập pha. Tắt thiết bị, đo điện, nếu bình thường, bật thiết bị trở lại và đo dòng hoạt động, điều chỉnh role nhiệt thích hợp. Nếu chỉnh role nhiệt gần đúng giá trị thực tế vận hành để bảo vệ thiết bị
Máy bơm nước thải	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra khắc phục
	Bơm làm việc nhưng không lên nước	Van đang mở bị nghẹt hoặc hư	Kiểm tra, phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng thì thay
		Đường ống bị tắc nghẽn	Kiểm tra và khắc phục
		Buồng bơm không có nước	Mỗi nước
	Lưu lượng bơm giảm	Bị nghẹt ở cánh bơm, van, đường ống, lupbe	Kiểm tra khắc phục
		Nguồn điện cung cấp không đúng	Kiểm tra khắc phục

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Máy bơm định lượng	Máy phát ra tiếng kêu lớn	Khô dầu	Tra dầu máy
	Máy làm việc bình thường nhưng lưu lượng bơm giảm	Màng bơm bị bẩn	Vệ sinh màng bơm
Máy thổi khí	Phát tiếng ồn lớn	Chạy ngược chiều Khô dầu mỡ Hỏng bạc đạn	Đổi pha Bổ sung dầu mỡ Thay bạc đạn
	Sục khí yếu	Ngược chiều Hỏng van	Đổi pha Kiểm tra van và thay thế
	Không hoạt động	Máy hỏng	Thay thế hoặc sửa chữa Kiểm tra toàn bộ máy và điều chỉnh role nhiệt nếu cần thiết

➡ Đối với hệ thống xử lý khí thải

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Cán bộ vận hành phải nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp thụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

Một số biện pháp khắc phục sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải như sau:

Bảng 3.10. Phương hướng khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống xử lý khí thải

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Quạt hút	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra khắc phục

Chủ Cơ sở cam kết sẽ ngưng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh ô nhiễm, bụi, khí thải khi hệ thống xử lý gặp sự cố đến khi khắc phục xong, đảm bảo hệ thống hoạt động tốt, hiệu quả xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

3.6.5. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

3.6.6. Biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường xã hội

Chủ đầu tư cam kết tuân thủ đúng theo luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng thời phối hợp chặt chẽ cùng các cơ quan chức năng để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong khu vực Cơ sở. Nhà máy cũng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng Việt Nam.

Đồng thời, Nhà máy cam kết thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, trả lương đầy đủ, phụ cấp, thành lập tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp cho cán bộ công nhân viên làm việc tại Nhà máy theo đúng luật lao động quy định.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí mảng xanh tại Cơ sở.
- Bê tông hoá diện tích sân bãi và đường nội bộ trong khuôn viên Cơ sở.
- Định kỳ vệ sinh hệ thống thoát nước, hút hầm bể tự hoại và các bể chứa bùn của hệ thống XLNT.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3.11. Nội dung theo ĐTM đã phê duyệt và các điều chỉnh

STT	Hạng mục	Nội dung điều chỉnh	
		Theo ĐTM đã được phê duyệt	Xin đề nghị cấp GPMT
1	Quy mô, công suất sản xuất	- Giai đoạn 1: Công suất 840.000 sản phẩm/năm - Giai đoạn 2: Công suất 1.740.000 sản phẩm/năm	Công suất 1.300.000 sản phẩm/năm
2	Vị trí thực hiện dự án	F04, Lô I-4a và I-4b, Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
3	Diện tích dự án	Tổng diện tích: 4 ha, gồm 2 khu riêng biệt, trong đó: - Khu A có tổng diện tích 2 ha - Khu B có tổng diện tích 2 ha	Tổng diện tích: 21.429 m ²
4	Hệ thống xử lý nước thải	Không có	- Công suất: 70 m ³ /ngày.đêm - Quy trình xử lý: Nước thải → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí Biofor MBBR → Bể lắng II → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Nội dung điều chỉnh	
		Theo ĐTM đã được phê duyệt	Xin đề nghị cấp GPMT
5	Hệ thống xử lý khí thải	- Quy trình xử lý: Hơi khói hàn → Hệ thống chụp hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống khói	- Công suất: 4.000 m³/ giờ - Quy trình xử lý: Hơi khói hàn → Hệ thống chụp hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống khói

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCNC, không xả ra môi trường).

Công ty TNHH Datalogic Việt Nam cũng đã ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 07/HĐ-BQLCDA-XLNT ngày 01/06/2017 với Ban Quản lý Các Dự án đầu tư – Xây dựng Khu công nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh.

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt.

Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn.

4.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa

Nguồn số 01: Lưu lượng xả thải tối đa 31,5 m³/ngày.

Nguồn số 02: Lưu lượng xả thải tối đa 17,5 m³/ngày.

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép cho cơ sở là 70 m³/ngày.

4.1.3. Dòng nước thải

01 (một) dòng nước thải (nguồn số 01 và nguồn số 02) sau xử lý đạt Tiêu chuẩn đầu nối với Khu Công Nghệ Cao TP.HCM được thải vào hệ thống cống thu gom nước thải chung của KCNC và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải vào môi trường tiếp nhận là rạch Gò Công theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 544/GP-BTNMT ngày 08/3/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các chất ô nhiễm và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghệ cao, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất giám sát định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều
2	COD	mg/L	600		
3	BOD ₅	mg/L	250		
4	TSS	mg/L	300		
5	Nitơ tổng	mg/L	60		
6	Amoni	mg/L	29		
7	Phospho tổng	mg/L	14		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất giám sát định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
8	Dầu động thực vật	mg/L	5	08/2022/NĐ-CP).	97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
9	Coliform	MPN/100mL	37×10^7		

4.1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

Vị trí xả nước thải: Tại 01 hố ga NB'01 đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCNC.

Tọa độ điểm đầu nối nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục thành phố Hồ Chí Minh $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X (m) = 1.199.588; Y(m) = 615.428.

Phương thức xả thải: tự chảy, xả liên tục.

Chế độ xả: xả liên tục 24/24 giờ.

Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thu gom nước thải chung của KCNC.

4.1.5. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí Biofor MBBR → Bể lắng II → Bể khử trùng → Đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCNC TP. Hồ Chí Minh, nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCNC TP. Hồ Chí Minh.

Công suất thiết kế: $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Số lượng: 01 hệ thống.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước mưa

Nước mưa chảy trên mái và nước mưa chảy tràn trong đường nội bộ nhà xưởng.

4.2.1. Mạng lưới thu gom

Thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng: Nước mưa trên mái được thu gom vào các ống xối nhựa PVC D114mm. Các ống xối này thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng, dẫn thẳng xuống các hố ga trên mặt đất. Các hố ga này được nối với nhau bằng các ống dẫn nước mưa BTCT dưới mặt đất, hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất.

Thu gom nước mưa chảy tràn: Nước mưa trên bề mặt được thoát vào cống BTCT D200mm – D300mm – D400mm chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ, tổng chiều dài tuyến ống thu gom nước mưa khoảng 800m.

Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tổng thể của cơ sở: Nước mưa chảy tràn → Mương thu gom → Hố ga → Cống thu gom của KCNC.

4.2.2. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận

Vị trí xả nước thải: Tại 02 điểm (01 điểm đầu nối trên đường N3 và 01 điểm đầu nối vào hố ga thu gom trước khi đổ ra cửa xả Suối Cái) và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCNC bằng cống bê tông cốt thép D400mm.

Tọa độ điểm đầu nối nước mưa (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục thành phố Hồ Chí Minh $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

+ Tọa độ điểm xả 1: X: 1.161.746; Y: 580.015.

+ Tọa độ điểm xả 2: X: 1.161.769; Y: 580.004.

Phương thức xả thải: tự chảy khi có nước mưa.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.3.1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn.

4.3.2. Lưu lượng xả thải tối đa

- Dòng số 01: (Nguồn số 01) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 02: (Nguồn số 01) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

4.3.3. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Dòng khí thải và vị trí xả khí thải của Cơ sở:

Bảng 4.2. Dòng khí thải và vị trí xả thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ
1	Dòng thải số 01	Tại ống thoát khí thải của HTXL khí thải phát sinh từ công đoạn hàn	X = 1.199.692; Y = 615.476.
2	Dòng thải số 02	Tại ống thoát khí thải của HTXL khí thải phát sinh từ công đoạn hàn	X = 1.199.694; Y = 615.450.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục thành phố Hồ Chí Minh $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

4.3.4. Phương thức xả thải

- Dòng khí thải số 01, 02: xả liên tục 24/24 giờ.

4.3.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B; $K_p=1,0$; $K_v=1$) cụ thể như sau:

Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

STT	Chỉ số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01, 02			Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-		
2	NO _x	mg/Nm ³	850		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	CO	mg/Nm ³	01.000		
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
6	CO ₂	mg/Nm ³	-		
7	O ₂	mg/Nm ³	-		
8	Pb	mg/Nm ³	5		
9	Cu	mg/Nm ³	10		

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.4.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung 70 m³/ngày.

Nguồn số 02: Hoạt động của thiết bị, máy móc sản xuất tại khu xưởng.

Nguồn số 03: Hoạt động của bơm PCCC (chỉ hoạt động khi có sự cố).

4.4.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.161.735; Y = 580.005.

Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.161.758; Y = 580.015.

Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.161.780; Y = 580.037.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực thành phố Hồ Chí Minh 105⁰45', múi chiều 3⁰)

4.4.3. Giá trị, giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.5. Nội dung quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

Bảng 4.4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)	
1	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay	Rắn	18 02 01	144	210
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	17 02 03	373	544
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính khác	Rắn	16 01 06	83	121
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	5	7
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	2.206	3.215
6	Thiết bị linh kiện điện tử thải có chứa các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	271	395
7	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi khác	Lỏng	17 08 03	22	32
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	1.190	1.734
9	Chất thải y tế lây nhiễm	Rắn	13 01 01	0,00	1

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)	
10	Hộp mực in có thành phần nguy hại thải	Rắn	08 02 04	0,00	1
	Tổng			4.294	6.260

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bảng 4.5. Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Kính thải	Rắn	12 08 06	TT-R	1.549,19
2	Bao bì các loại không dính các tạp chất chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 06	TT-R	222.967,57
3	Nhãn mác, bao bì giấy thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT	55741,89
4	Bùn từ HTXL nước thải	Bùn	12 06 12	TT	5.250
	Tổng				285.508,65

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Bảng 4.6. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	105
	Tổng	105

4.5.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.5.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng phuy có nắp đậy (10 thùng loại 120 lít), bên ngoài được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Diện tích kho: 18 m².

Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại được bố trí có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang

lưu chứa trong kho chứa, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo; trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.5.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng phuy có nắp đậy (15 thùng 240 lít, 15 thùng 660 lít), bên ngoài được dán tên, mã chất thải công nghiệp thông thường và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Diện tích kho: 30 m².

Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường được bố trí có nền bê tông chống thấm, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.5.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng lưu chứa có nắp đậy (10 thùng 60 lít, 5 thùng loại 240 lít)

Khu vực lưu chứa: 12m².

Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông.

CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

5.1.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022

5.1.1.1. Thời gian quan trắc

- + Đợt 1: ngày 25/03/2022;
- + Đợt 2: ngày 28/06/2022;
- + Đợt 3: ngày 20/09/2022;
- + Đợt 4: ngày 16/11/2022.

5.1.1.2. Tần suất quan trắc

- + Tần suất quan trắc nước thải: 03 tháng/lần.

5.1.1.3. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc

- + Tại vị trí sau cùng trước khi đầu nối vào KCNC

5.1.1.4. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải

Bảng 5.1. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt lấy mẫu/Kí hiệu mẫu				Giới hạn tiếp nhận KCNC
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
			NT-03	NT-06	NT-09	NT-11	
1	pH*	-	7,52	7,61	6,82	7,58	5 - 9
2	TSS**	mg/l	60	42	37	33	300
3	COD**	mg/l	92	88	77	65	600
4	BOD ₅ **	mg/l	47	36	31	28	250
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺)**	mg/l	8,01	6,9	5,23	6,14	29
6	Tổng Nito**	mg/l	43	36,5	19,8	17,3	60
7	Tổng Phospho**	mg/l	4,54	3,25	2,2	1,99	14
8	Dầu mỡ động, thực vật*	mg/l	4,2	4,6	3,5	3,2	100
9	Coliforms*	mg/l	6,4×10 ³	5,4×10 ³	2,5×10 ³	3,1×10 ³	37×10 ⁷

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

Ghi chú:

- NT-03: Nước thải tại vị trí sau cùng trước khi đầu nối KCNC (đợt 1).
- NT-06: Nước thải tại vị trí sau cùng trước khi đầu nối KCNC (đợt 2).
- NT-09: Nước thải tại vị trí sau cùng trước khi đầu nối KCNC (đợt 3).
- NT-11: Nước thải tại vị trí sau cùng trước khi đầu nối KCNC (đợt 4).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- (*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận.
- (**): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường & Vilas công nhận.

Nhận xét: Kết quả phân tích qua 04 đợt cho thấy chất lượng nước thải của Công ty có các chỉ tiêu đều đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghệ cao.

5.1.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023

5.1.2.1. Thời gian quan trắc

- + Đợt 1: ngày 07/03/2023.
- + Đợt 2: ngày 20/05/2023.
- + Đợt 3: ngày 25/09/2023.
- + Đợt 4: ngày 19/12/2023.

5.1.2.2. Tần suất quan trắc

- + Tần suất quan trắc nước thải: 03 tháng/lần

5.1.2.3. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc

- + Tại vị trí sau cùng trước khi đầu nối vào KCNC

5.1.2.4. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải

Bảng 5.2. Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt lấy mẫu/Kí hiệu mẫu				Giới hạn tiếp nhận KCNC
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
			NT-03	NT-06	NT-09	NT-12	
1	pH*	-	7,72	7,93	7,02	7,56	5 - 9
2	TSS**	mg/l	29	26	7	62	300
3	COD**	mg/l	26	32	8	75	600
4	BOD ₅ **	mg/l	11	14	4	32	250
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺)**	mg/l		25,7	0,73	16,8	29
6	Tổng Nito**	mg/l	58	55	5,27	31,9	60
7	Tổng Phospho**	mg/l	2,05	1,85	0,68	3,38	14
8	Dầu mỡ động, thực vật*	mg/l	3,1	3,6	KPH	<1	100
9	Coliforms*	mg/l	3,3×10 ³	3,1×10 ³	1,7×10 ³	2,4×10 ³	37×10 ⁷

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

Ghi chú:

- NT-03: Nước thải tại vị trí sau cùng trước khi đầu nối KCNC (đợt 1).
- NT-06: Nước thải tại vị trí sau cùng trước khi đầu nối KCNC (đợt 2).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- NT-09: Nước thải tại vị trí sau cùng trước khi đầu nổi KCNC (đợt 3).
- NT-12: Nước thải tại vị trí sau cùng trước khi đầu nổi KCNC (đợt 4).
- (*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận.
- (**): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường & Vilas công nhận.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)

Nhận xét:

Kết quả phân tích qua 04 đợt cho thấy chất lượng nước thải của Công ty có các chỉ tiêu đều đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu Công nghệ cao.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

5.2.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2022

5.2.1.1. Thời gian quan trắc

- + Đợt 1: ngày 25/03/2022.
- + Đợt 2: ngày 28/06/2022.
- + Đợt 3: ngày 20/09/2022.
- + Đợt 4: ngày 16/11/2022.

5.2.1.2. Tần suất quan trắc

- + Tần suất quan trắc khí thải: 03 tháng/lần

5.2.1.3. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc

- + Tại vị trí ống thoát khí thải máy hút hơi hàn.

5.2.1.4. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải

Bảng 5.3. Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2022

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM				QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B; Kp=1,0; Kv=1
			KT-03	KT-06	KT-09	KT-11	
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.200	1.517	1.186	846	-
2	NO _x	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	850
3	SO ₂	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	500
4	CO	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	1.000
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	6,35	7,16	7,65	8,06	200
6	CO ₂	mg/Nm ³	0,02	0,04	0,04	0,06	-
7	O ₂	mg/Nm ³	21,1	21,1	21	21,1	-
8	Pb	mg/Nm ³	0,31	0,39	0,37	0,24	5
9	Cu	mg/Nm ³	0,79	0,6	0,67	0,46	10

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

Ghi chú:

- KT-03: Khí thải sau ống thoát khí thải máy hút hơi hàn (đợt 1).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- KT-06: Khí thải sau ống thoát khí thải máy hút hơi hàn (đợt 2).
- KT-09: Khí thải sau ống thoát khí thải máy hút hơi hàn (đợt 3).
- KT-12: Khí thải sau ống thoát khí thải máy hút hơi hàn (đợt 4).

Nhận xét: Kết quả phân tích qua 04 đợt cho thấy chất lượng khí thải của Công ty có các chỉ tiêu đều đạt QCVN 19:2009/BTMT, cột B (Kp=1,0; Kv=1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

5.2.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2023

5.2.2.1. Thời gian quan trắc

- + Đợt 1: ngày 07/03/2023.
- + Đợt 2: ngày 20/05/2023.
- + Đợt 3: ngày 25/09/2023.
- + Đợt 4: ngày 19/12/2023.

5.2.2.2. Tần suất quan trắc

- + Tần suất quan trắc khí thải: 03 tháng/lần

5.2.2.3. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc

- + Tần suất quan trắc khí thải: 03 tháng/lần

5.2.2.4. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải

Bảng 5.4. Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2023

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM				QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B; Kp=1,0; Kv=1
			KT-03	KT-06	KT-09	KT-11	
1	Lưu lượng	m ³ /h	1.200	1.517	1.186	846	-
2	NO _x	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	850
3	SO ₂	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	500
4	CO	mg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	1.000
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	6,35	7,16	7,65	8,06	200
6	CO ₂	mg/Nm ³	0,02	0,04	0,04	0,06	-
7	O ₂	mg/Nm ³	21,1	21,1	21	21,1	-
8	Pb	mg/Nm ³	0,31	0,39	0,37	0,24	5
9	Cu	mg/Nm ³	0,79	0,6	0,67	0,46	10

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

Ghi chú:

- KT-03: Khí thải sau ống thoát khí thải máy hút hơi hàn (đợt 1).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- KT-06: Khí thải sau ống thoát khí thải máy hút hơi hàn (đợt 2).
- KT-09: Khí thải sau ống thoát khí thải máy hút hơi hàn (đợt 3).
- KT-12: Khí thải sau ống thoát khí thải máy hút hơi hàn (đợt 4).

Nhận xét:

Kết quả phân tích qua 04 đợt cho thấy chất lượng khí thải của Công ty có các chỉ tiêu đều đạt QCVN 19:2009/BTMT, cột B ($K_p=1,0$, $K_v=1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

CHƯƠNG 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ Cơ sở đầu tư tự rà soát và đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở và được Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp văn bản số 9205/STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc thông báo kết quả kiểm tra vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” và đã cho thấy Cơ sở đủ điều kiện hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Do đó, dự án không tiến hành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình giám sát nước thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

6.2.2. Chương trình giám sát khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải giám sát khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

6.2.3. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- + Tần suất giám sát: thường xuyên.
- + Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.
- + Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải, hợp đồng thu gom.
- + Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hằng năm của Cơ sở như sau:

Bảng 6.1. Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm

TT	Hạng mục	Số lượng	Chi phí giám sát môi trường (VNĐ)
1	Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại	Toàn bộ	10.000.000
2	Nhân công	Toàn bộ	10.000.000
3	Vận chuyển	Toàn bộ	4.000.000
4	Thu thập số liệu và viết báo cáo	Toàn bộ	20.000.000
Tổng cộng			44.000.000

(Nguồn: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam)

CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty cam kết đảm bảo xử lý các chất thải đạt tiêu chuẩn sau:

- Cam kết xây dựng các công trình xử lý môi trường trước khi cơ sở đi vào hoạt động và chịu trách nhiệm hoàn thành các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải trước khi đi vào hoạt động, vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN theo quy định, trực tiếp tổ chức quản lý và vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

- Cam kết hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường được cấp phép trước khi cơ sở đi vào vận hành.

- Cam kết thực hiện các công trình xử lý môi trường theo đúng tiến độ đề ra.

- Đối với nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghệ cao.

- Chất lượng môi trường không khí xung quanh đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam:

- + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- + QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn, độ rung khu vực công cộng và dân cư.

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- + QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất, Chủ đầu tư cam kết thực hiện các biện pháp xử lý như đề xuất đã nêu trong báo cáo, xử lý đúng quy định về bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn sẽ được quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng đến thời điểm trước khi dự án đi vào vận hành chính thức như:

- + Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải.

- + Giảm thiểu tác động của nước thải.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

+ Giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

+ Giảm thiểu tác động do chất thải sinh hoạt.

+ Giảm thiểu tác động của chất thải nguy hại.

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro, sự cố.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc Dự án như:

+ Tiếp tục vận hành các công trình xử lý môi trường (như hệ thống xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn) đã được đề xuất cụ thể trong chương 4 của báo cáo.

+ Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu sự cố môi trường

+ Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ.

+ Thực hiện các biện pháp phòng chống sét.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

+ Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.

+ Thực hiện các biện pháp kiểm soát khác như trong báo cáo đã trình bày.

- Cam kết khác:

+ Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra đi vào hoạt động. Cam kết xử lý các sự cố về môi trường, sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung khi cơ sở đi vào hoạt động.

+ Trong quá trình đi vào hoạt động, Chủ cơ sở cam kết chấp hành nghiêm chỉnh công tác bảo vệ môi trường và có phương án bảo vệ môi trường theo quy định, nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường thì Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về Môi trường.

Chủ cơ sở cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kiến nghị Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan chức năng liên quan thẩm định, cấp giấy phép môi trường để cơ sở sớm đi vào hoạt động và đảm bảo tiến độ đầu tư cơ sở, góp phần mang lại những lợi ích thiết thực về phát triển kinh tế - xã hội./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0306686509

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 01 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 13 tháng 04 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DATALOGIC VIETNAM LIMITED
LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: DATALOGIC VIETNAM LLC

2. Địa chỉ trụ sở chính

*F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ,
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: +84-8 3730 8481

Fax: +84-8 3730 8482

Email:

Website: www.datalogic.com

3. Vốn điều lệ

51.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm mươi một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: - DATALOGIC S.R.L

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 03217801202 – REA: BO-501477

Ngày cấp: 25/11/2016 Nơi cấp: Bologna Companies Register

Địa chỉ trụ sở chính: Via San Vitalino 13, Lippo di Calderara di Reno (BO) 40012,
Italy

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐẶNG VĂN CHUNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *08/09/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *C7302977*

Ngày cấp: *09/05/2019*

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *130, Lô C, Chung cư Nguyễn Thiện Thuật, Phường 01, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*



Hồ Hoàng Sơn

BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8711760427

Chứng nhận lần đầu: Ngày 08 tháng 01 năm 2009

Chứng nhận thay đổi lần thứ 7: Ngày 06 tháng 4 năm 2021

- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Quản lý Ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Quốc hội;
Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật thương mại số 17/VBHN-VPQH ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
Căn cứ Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí doanh nghiệp Công nghệ cao;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
Căn cứ Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý Ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
Căn cứ Văn bản số 5652/BCT-KH ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương và Văn bản số 1792/BTTTT-KHTC ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông trả lời kết quả thẩm tra hồ sơ bổ sung chức năng của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam;



Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 324/BKHĐT-PC ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai thi hành Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427, do Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 01 năm 2009 điều chỉnh lần thứ 6 ngày 14 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Datalogic Việt Nam nộp vào ngày 24 tháng 3 năm 2021,

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư **CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM**; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427, do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP.HCM cấp ngày 08/01/2009 (điều chỉnh lần 6 ngày 14/12/2020); đăng ký điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án (điều chỉnh từ Quận 9 sang thành phố Thủ Đức).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: CÔNG TY DATALOGIC S.R.L

1. Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp: 03217801202-B0-501.477

2. Ngày cấp: 25/11/2016

3. Nơi cấp: Ý



4. Địa chỉ trụ sở: Via San Vitalino 13, Lippo di Calderara di Reno (BO) 40012, Italy;

5. Điện thoại: 39 051 3147011

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

- Họ tên: VALENTINA VOLTA
- Chức danh: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
- Sinh ngày: 13/6/1978 Quốc tịch: Ý
- Hộ chiếu số: YA7225256
- Ngày cấp: 12/01/2015
- Nơi cấp: Bologna - Ý.
- Giới tính: Nữ
- Địa chỉ liên lạc: Viale Del Risorgimento nr. 28 – 40135, Bologna Ý

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM, mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: 0306686509 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp lần đầu ngày 08/01/2009 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 22/3/2021.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: **DATALOGIC VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY**

2. Mục tiêu và quy mô dự án:

- Thiết kế và sản xuất các thiết bị thu thập dữ liệu tự động ngoại vi và phần mềm do doanh nghiệp sản xuất (sản phẩm, phụ kiện, linh kiện và các linh kiện được lắp ráp) bao gồm thiết bị đọc mã vạch cầm tay, thiết bị đọc mã vạch gắn cố định và máy tính di động.

- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa có bảo hành và không bảo hành đối với các sản phẩm của Datalogic được sản xuất trong Việt Nam và ngoài Việt Nam bởi một trong những công ty thuộc tập đoàn Datalogic (các công ty thành viên với Datalogic Việt Nam); Cung cấp dịch vụ nghiên cứu & phát triển (liên quan đến thiết bị thu thập dữ liệu tự động, thiết bị đọc mã vạch cầm tay, thiết bị đọc mã vạch kiểu trình diện, thiết bị đọc mã vạch một mặt, máy quét quang học, máy quét/đọc quang học, thiết bị dữ liệu đầu cuối cầm tay, máy tính di động, máy scan RFID, cảm biến đo lường, cảm biến tầm nhìn, cảm biến quang điện, máy đánh dấu sản phẩm bằng tia laser, hệ thống nhận diện vật thể, hệ thống phụ theo dõi vật thể, và hệ thống phụ thực hiện xử lý và loại trừ vật thể cung cấp cho các công ty thành viên với Datalogic Việt Nam); Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho các công ty thành viên với Datalogic Việt Nam bao gồm dịch vụ tư vấn liên quan đến việc cài

Việc xây dựng các công trình của dự án phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về quy hoạch và xây dựng;

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng làm việc tại dự án phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam;

Dự án nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài phải thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam về chuyển giao công nghệ;

Sản phẩm của dự án nếu tiêu thụ tại Việt Nam phải đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, hợp chuẩn và phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

Đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, dự án phải đáp ứng điều kiện quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành. Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu - nhập khẩu sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp phép hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương;

Nhà đầu tư có trách nhiệm tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án và thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, và Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công tác theo dõi, kiểm tra và đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Dự án có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm về Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

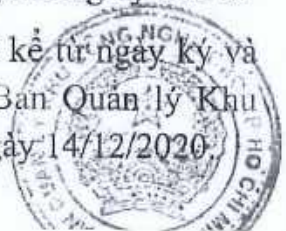
Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định của Cơ quan Quản lý nhà nước khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh hoặc địa điểm hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá;

Trong quá trình hoạt động, Nhà đầu tư phải chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực hoạt động và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng nội dung dự án hoặc chậm triển khai dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao), Ban quản lý Khu Công nghệ cao có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP.HCM cấp ngày 08/01/2009 điều chỉnh lần 6 ngày 14/12/2020.



8711760427

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, tổ chức kinh tế thực hiện dự án được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Anh Thi





GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC Gắn liền với đất



1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

CÔNG TY TNHH DATALOGIC SCANNING VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đầu tư số 413 043 000028 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao
thành phố Hồ Chí Minh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1-4b, Khu công nghệ cao, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

BD 866422

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



III- Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 304
 b) Địa chỉ: phường Long Thành Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.
 c) Diện tích: 21.429 m², (bằng chữ: Hai mươi một ngàn bốn trăm hai mươi chín mét vuông).
 d) Hình thức sử dụng: ruộng: 20.599,7 m², chung: 829,3 m².
 đ) Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp.
 e) Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 11/12/2053.
 g) Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao (Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. HCM).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: NHÀ XƯỞNG.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Kết cấu chủ yếu	Cấp CT	Số tầng	Năm HT xây dựng
1) Nhà xưởng	8640	8640	Tường gạch + tôn có lớp cách nhiệt, vì kèo thép, mái tôn	-/-	1	-/-
2) Nhà Văn phòng	1632	3228	Tường gạch, khung sàn mái BICI	-/-	2	-/-

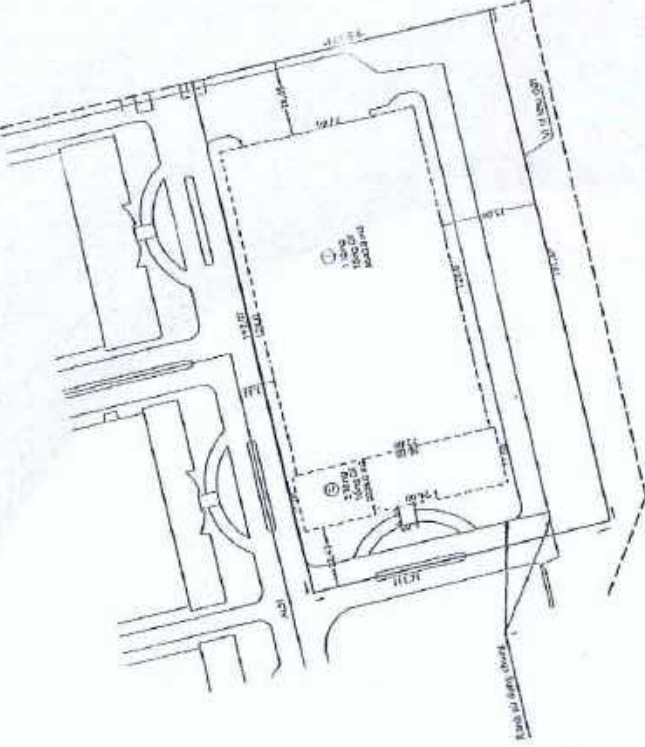
Thời hạn sở hữu: Đến ngày 11/12/2053.

4. Ràng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Giấy chứng nhận này được cấp do nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số 007524, để thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT00041 ngày 08/02/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
 - Khi hết hạn thuê đất, việc xử lý về sở hữu công trình xây dựng trên đất thuê được giải quyết theo quy định pháp luật.



Phần chi tiết xem bản đồ hiện trạng - bản đồ vị trí số 7696/ĐĐ-QĐ-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 20/7/2009.

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2014
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH

TU. CH. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam.

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/7/2003 về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam tại F04, lô I-4a và lô I-4b Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, họp ngày 28/05/2009 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo văn bản giải trình số DLSVN - 2009020 ngày 26/06/2009 của Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam;
- Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Môi trường

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam của Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án):

- 1.1 Dự án được triển khai trên khu đất có tổng diện tích 4ha bao gồm hai khu riêng biệt nhau, mỗi khu rộng 2ha tại F04, lô I-4a và lô I-4b Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, quận 9 thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.2 Quy mô dự án bao gồm:
 - Giai đoạn 1 - Khu A: Sửa chữa, đầu tư trang thiết bị sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay và thiết bị đọc mã vạch cố định với tổng công suất 840.000 sản phẩm/năm. Quy trình sản xuất: Bản mạch in điện tử → thoa keo hàn → lắp linh kiện → lò hàn → kiểm tra ngoại quan → hàn các thiết bị đầu nối và

thiết bị xuyên lỗ → tải phần mềm → giá lưu trữ → lắp ráp để thiết bị → ráp phần mềm DLS, kiểm tra → đóng gói, lưu kho.

- Giai đoạn 2 – Khu B: Xây dựng nhà xưởng, lắp đặt trang thiết bị sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay và thiết bị đọc mã vạch cố định. Nâng tổng công suất sản phẩm lên 1.740.000 sản phẩm/năm.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau, bao gồm:

- 2.1 Giảm thiểu và xử lý ô nhiễm trong từng giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị; đảm bảo các tiêu chuẩn, qui định về bảo vệ môi trường đối với bụi, tiếng ồn, rung, khí thải, nước thải, chất thải rắn;
- 2.2 Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải; toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn quy định xả vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao;
- 2.3 Giảm thiểu và xử lý bụi, mùi, tiếng ồn, rung, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường;
- 2.4 Phân loại, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành trước khi dự án đi vào hoạt động;
- 2.5 Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ và an toàn trong sản xuất;
- 2.6 Thực hiện chương trình quản lý môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, báo cáo định kỳ 6 tháng/lần kết quả giám sát môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại Dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Datalogic Scanning VN;
- UBND thành phố;
- UBND quận 9, P.TNMT quận 9;
- Ban QL KCN cao TPHCM;
- GD Sở (để báo cáo);
- Lưu VT, QLMT (TaP.8).



Số: **3683**/GXN-TNMT-CCBVM T_p. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2015

GIẤY XÁC NHẬN

Việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ
giai đoạn vận hành của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic
Việt Nam” tại Khu công nghệ cao, quận 9

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy
định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá
tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban
nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Ủy ban
nhân dân thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường
thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ
môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty
TNHH Datalogic Việt Nam” tại lô I-4 a&b Khu công nghệ cao, quận 9 của
Công ty TNHH Datalogic Việt Nam thực hiện ngày 28/4/2014; Kết quả phân
tích mẫu nước thải và khí thải ngày 21/01/2015 do Viện Nhiệt đới môi trường –
Viện Khoa học – Công nghệ quân sự thực hiện.

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,



XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” tại lô I-4 a&b Khu công nghệ cao, quận 9, cụ thể:

1. Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao, quận 9.

Theo kết quả phân tích mẫu nước thải do Viện Nhiệt đới môi trường – Viện Khoa học – Công nghệ quân sự thực hiện ngày 21/01/2015, chất lượng nước thải của Công ty đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghệ cao, quận 9.

2. Đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống hút khói hàn ở các xưởng sản xuất, sau đó dẫn qua hệ thống lọc bằng than hoạt tính rồi thải ra môi trường.

Theo kết quả phân tích mẫu khí thải do Viện Nhiệt đới môi trường – Viện Khoa học – Công nghệ quân sự thực hiện ngày 21/01/2015 thực hiện, chất lượng khí thải tại các chụp hút khói hàn đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT - cột B.

3. Thực hiện phân loại, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định, cụ thể:

- Bố trí riêng biệt khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp với Công ty TNHH SX-TM-DV Môi trường Việt Xanh.

- Đã thực hiện đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.001337.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15/6/2012.

Điều 2. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã được nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” tại Khu công nghệ cao, quận 9 và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký. Giấy xác nhận này gồm 03 trang có đóng dấu giáp lai./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Datalogic VN;
- BQL Khu công nghệ cao, quận 9;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, P.KSON, P.TĐMT, CCBVMT (Ngân.08).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *7L*

Nguyễn Văn Phước



trong khuôn viên Công ty để phục vụ cho 1.000 công nhân của Công ty và xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày để xử lý nước thải đạt quy chuẩn tiếp nhận của Khu Công nghệ cao; riêng về quy mô sản xuất và các nội dung khác không thay đổi.

3. Về mặt bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận đề nghị của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam về việc xây dựng 02 công trình phụ trợ trên; đồng thời, đề nghị Công ty thực hiện những nội dung sau:

- Việc xây dựng 02 hạng mục công trình phụ trợ phụ thuộc vào năng lực đầu tư Công ty và Công ty có trách nhiệm phải tuân thủ đúng quy định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp và thiết kế xây dựng đã được Khu Công nghệ cao thẩm định, phê duyệt đối với nội dung đầu tư xây dựng như trên.

- Nghiêm túc tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường, các nội dung khác của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30/7/2009 và Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 05/6/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam, nếu có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Công ty phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến Công ty TNHH Datalogic Việt Nam được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Quản lý Khu Công nghệ Cao;
- Lưu: VT, CCBVMT (2b). Quyển.04.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: **2085** /STNMT-CCBVM
Về việc phúc đáp Công văn số DLVN-
2020026 ngày 02/11/2020 và Công văn số
DLVM-2020028 ngày 24/11/2020 của
Công ty TNHH Datalogic Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2021



Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được các Công văn: số DLVN-2020026 ngày 02 tháng 11 năm 2020 và số DLVM-2020028 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam (gọi tắt là Công ty) liên quan đến việc bổ sung, làm rõ các nội dung xin điều chỉnh tại Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam”; Qua rà soát các hồ sơ pháp lý có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam” (gọi tắt là Dự án) được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 593/QĐ-STNMT-QLMT ngày 30 tháng 7 năm 2009 với quy mô dự án, bao gồm:

- *Giai đoạn 1:* Dự án sẽ tiến hành xây dựng nhà xưởng A – tại vị trí F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, Quận 9; Lĩnh vực hoạt động: Sửa chữa, đầu tư trang thiết bị sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay và thiết bị đọc mã vạch cố định với tổng công suất 840.000 sản phẩm/năm;

- *Giai đoạn 2:* Dự án sẽ tiến hành xây dựng nhà xưởng B – tại vị trí Lô I-4b, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Quận 9; Lĩnh vực hoạt động: lắp ráp trang thiết bị sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay và thiết bị đọc mã vạch cố định, nâng tổng công suất sản phẩm lên 1.740.000 sản phẩm/năm.

Ngày 05 tháng 6 năm 2015, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVM về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án và Công văn số 8282/STNMT-CCBVM ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

2. Ngày 12 tháng 3 năm 2020, Công ty TNHH Datalogic Việt Nam có Công văn số DLVN 2020001 thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án và ngày 30 tháng 3 năm 2020 Sở Tài nguyên và

Môi trường ban hành Quyết định số 281/QĐ-STNMT-CCBVMT thành lập Đoàn kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm.

Theo Biên bản kiểm tra công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm vào ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Dự án, ngày 03 tháng 6 năm 2020 Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 4355/STNMT-CCBVMT thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm.

3. Xét nội dung đề nghị tại Công văn số DLVN-2020026 và Công văn số DLVM-2020028, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty TNHH Datalogic Việt Nam thực hiện các nội dung như sau:

- Sớm hoàn chỉnh việc chỉnh sửa, bổ sung các nội dung trong Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án theo đề nghị tại Công văn số 4355/STNMT-CCBVMT.

- Căn cứ tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, Dự án thuộc đối tượng lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do đó, đề nghị Công ty khẩn trương lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và khẩn trương nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường phúc đáp đến Công ty TNHH Datalogic Việt Nam để biết và thực hiện./ ve

Nơi nhận: Đi

- Như trên;
- BQL Khu công nghệ cao;
- UBND Thành phố Thủ Đức;
- Lưu: VT, KSON (02). V.06.

mm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: **9205**/STNMT-CCBVM

V/v thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành
thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của
dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH
Datalogic Việt Nam”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **18** tháng **12** năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường đối với dự án “Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam” (gọi tắt là Dự án) của Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 281/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án như sau:

- *Về pháp lý môi trường*, Dự án được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30 tháng 7 năm 2016, Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVM ngày 05 tháng 6 năm 2015 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án và điều chỉnh nâng công suất giai đoạn 1 – khu A lên 1.300.000 sản phẩm/năm; Công văn số 8282/STNMT-CCBVM ngày 28 tháng 8 năm 2018 về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày.

- *Về hiện trạng của dự án*: Đối với các công trình hiện hữu tại giai đoạn 1 – khu A đang hoạt động sản xuất với quy mô công suất 1.300.000 sản phẩm/năm và dự kiến giai đoạn 2 – khu B sẽ được triển khai thực hiện tại tầng 1, giai đoạn 1 – khu A đã được Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2085/STNMT-CCBVM ngày 26 tháng 3 năm 2021 hướng dẫn thực hiện. Công ty đã đầu tư, xây dựng mới khu nhà ăn, hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m³/ngày và các công trình xử lý chất thải khác có liên quan, cụ thể:

1. **Đối với hệ thống xử lý nước thải**: Công ty đã tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải, cụ thể:

- *Đối với nước mưa*: Nước mưa được thu gom về hệ thống thoát nước trong khuôn viên và được dẫn vào hệ thống thu gom, thoát nước của Khu công nghệ cao.

- **Đối với nước thải:** phát sinh từ hoạt động của nhân viên, quá trình vệ sinh nhà xưởng, khu nhà ăn (căn tin). Công ty đã đầu tư và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m³/ngày với quy trình, cụ thể: Nước thải → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí Biofor MBBR → Bể lắng II → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao.

Theo Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án, cho thấy:

- Các loại hoá chất được sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải, cụ thể: hoá chất khử trùng là Chlorin (0,69 kg/ngày) được sử dụng tại bể khử trùng

- Công ty đã vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (công suất 70m³/ngày.đêm) và theo kết quả thử nghiệm nước thải (từ ngày 28/7 đến ngày 03/8/2021) do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Môi trường Tân Huy Hoàng tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải tại đầu ra hệ thống trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu công nghệ cao, cho thấy: các thông số, chỉ tiêu đạt giới hạn tiếp nhận Khu Công nghệ cao.

Theo kết quả phân tích chất lượng nước thải (mẫu đối chứng), số 809-11/21-6.2/KQPT ngày 30 tháng 11 năm 2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động thực hiện lấy mẫu ngày 23 tháng 11 năm 2021, chất lượng nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh).

2. **Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:** Trong quá trình hoạt động sản xuất, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn (khói hàn). Công ty đã xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với quy trình xử lý, như sau: Hơi khói hàn → Hệ thống chụp hút → Thiết bị hấp thụ bằng than hoạt tính → Ống khói.

3. **Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:** Công ty có bố trí khu lưu chất thải với diện tích là 30m² và ký hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Môi trường Việt Xanh thu gom và xử lý (theo Hợp đồng kinh tế số 166/2021/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 3 năm 2021).

4. **Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại:** Được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp số đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.001337.T cấp ngày 15 tháng 6 năm 2012 (cấp lần 3). Công ty có bố trí khu lưu chất thải nguy hại với diện tích là 18m² và ký hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Môi trường Việt Xanh thu gom, vận

chuyên và xử lý (theo Hợp đồng kinh tế số 166/2021/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 3 năm 2021).

5. Đối với công trình quản lý chất thải khác (rác thải sinh hoạt,...): Công ty có bố trí khu lưu chất thải với diện tích là 12m² và ký hợp đồng với Công ty TNHH Xử lý Môi trường Việt Xanh thu gom và xử lý (theo Hợp đồng kinh tế số 166/2021/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 3 năm 2021).

6. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Công ty đã nêu rõ các biện pháp phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải và nước thải, phòng ngừa sự cố tràn đổ, rò rỉ hoá chất và biện pháp an toàn lao động.

Căn cứ kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của Dự án như nêu trên, cho thấy Dự án đã đủ điều kiện để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH Datalogic biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- BQL Khu Công nghệ cao;
- Phòng TNMT thành phố Thủ Đức;
- Lưu: VT, CCBVMT, KSON. V(06).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Mỹ



BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

Số: 04 /GPXD/QHXD-KCNC

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG



Xây dựng mới	x
Cải tạo, sửa chữa	

- Cấp cho : Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies.
- Trụ sở : Lô I4 F04 - Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9 – thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 94-8-7330890 Số fax: 84-8-7330889
- Được phép xây dựng công trình: NHÀ XƯỞNG.
- Theo thiết kế có ký hiệu: F-04 – WARE HOUSE, gồm 07 bản vẽ:
AL-A-F04-PL-01(02,03)-R1; AL-A-F04-EL-01(02)-R1; AL-A-F04-SE-01-R1
- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH TVXD Sài Gòn (SCC)
 - Gồm các hạng mục sau đây:
 - + Kết cấu công trình:
 - Nhà xưởng F01 (01 tầng) có kết cấu chính bằng bê tông cốt thép (BTCT), tường gạch kết hợp tole có lớp cách nhiệt, mái lợp tole có lớp cách nhiệt, vì kèo thép, sàn nền BTCT trên hệ móng cọc BTCT.
 - Khu văn phòng (02 tầng) có kết cấu chính bằng BTCT, tường gạch, mái bằng BTCT.
 - + Chiều cao từng tầng: so với nền nhà là:
 - Khu nhà xưởng (01 tầng) : cao từ 11~ 17,5m.
 - Khu văn phòng (02 tầng) : tầng 1: cao 6m; tầng 2: cao 5m.
 - + Chiều cao toàn công trình : so với nền nhà là: 17,5m.
 - + Diện tích xây dựng: $(21 \times 76) + (8 \times 15 \times 72) + (6 \times 6) = 10.272m^2$.
 - + Diện tích sàn xây dựng: $11.868m^2$.
 - Trên lô đất: I4 giai đoạn I là $10.000m^2$, đường Lê Văn Việt - Phường Long Thạnh Mỹ- Q.9 - TP.HCM.
 - Cao độ nền: cao độ chuẩn là cao độ mặt đường trong Khu I4 (cổng: +2.65 (tim đường))
 - Chỉ giới xây dựng: cách tường rào đường Lê Văn Việt 35m, và theo định vị của quy hoạch chi tiết 1/500.
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất số 03/HĐTD/KCNC-2003 ngày 11/12/2003.
- Thời gian hoàn thành công trình dự kiến là 12 tháng, kể từ ngày khởi công xây dựng.
- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp giấy phép xây dựng, quá thời hạn trên thì Chủ đầu tư phải xin gia hạn.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu



Trần Văn Long

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2004



Phạm Chánh Trực

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC
Số : 502/PCCC/NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 1 năm 2005

GIẤY CHỨNG NHẬN
NGHIỆM THU HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

- Căn cứ Điều 3 Pháp lệnh Quy định việc quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy do Chủ tịch nước ký Lệnh ban hành ngày 4/10/1961.
- Căn cứ thông tư số 03-TT/LB ngày 3-11-1989 của liên Bộ Công an – Xây dựng “Quy định chế độ an toàn phòng cháy chữa cháy, phòng nổ trong xây dựng công trình”

Sau khi xem xét các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật hệ thống phòng cháy chống cháy của Chủ đầu tư công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu của Phòng cảnh sát PCCC lập ngày 31 tháng 1 năm 2005.

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC – CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH CHỨNG NHẬN

Công trình : Nhà xưởng F-01; F-02; F-03 và F-04- Sài Gòn ALLIED TECHNOLOGIES (giai đoạn I).

Chủ đầu tư là : Công ty TNHH Sài Gòn ALLIED TECHNOLOGIES.

Xây dựng tại : Khu công nghiệp cao đường Lê Văn Duyệt, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

ĐÃ ĐƯỢC NGHIỆM THU HỆ THỐNG KỸ THUẬT PHÒNG CHỐNG CHÁY GỒM:

- Bậc chịu lửa công trình.
- Khoảng cách an toàn PCCC.
- Hệ thống thoát nạn.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy bên trong nhà và ngoài nhà.
- Hệ thống chống sét.
- Hệ thống báo cháy tự động.

Kèm theo các yêu cầu sau :

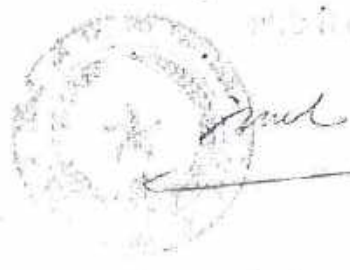
1- Chủ đầu tư và đơn vị tiếp nhận sử dụng phải duy trì sự hoạt động liên tục của các hệ thống PCCC và các điều kiện an toàn về PCCC như thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

2- Thành lập lực lượng PCCC cơ sở tại Công ty và phải được huấn luyện về nghiệp vụ PCCC.

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮA
Số chứng thực 2460 quyển số 01/TP/CC-SCT/SGT
Nơi nhận : Ngày 13 tháng 3 năm 2005 **TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**
- Như trên. **CHỦ TỊCH UBND-P. LONG THÀNH MỸ**
- Lưu PCCC (KT)



Trần Văn Hoàng



Trần Văn Hoàng

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC & CC TP.HCM
Số: 604/TĐ-PCCC (HDPQ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số đơn ngày 26/03/2009
của: Công ty TNHH Data Logic Scanning Việt Nam.
Người đại diện là ông/ bà: John Burns. Chức danh Tổng Giám đốc.

(SỞ CẢNH SÁT PC & CC TP.HCM)

CHỨNG NHẬN:

Cải tạo một phần nhà xưởng F04.

(2) Địa điểm: Lô I-4 Khu công nghệ cao, quận 9, TP.HCM.
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Data Logic Scanning Việt Nam.
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TM DV XD Lập Thành.
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, lối thoát nạn, giải pháp ngăn cháy.
- Hệ thống báo cháy tự động.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)
Chủ đầu tư phải thông báo tiến độ thi công công trình để được Sở Cảnh sát PC&CC
TP.HCM kiểm tra thi công và nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- C23-BCA;
- Phòng CS PC&CC Q.9;
- Lưu: VT, HDPC.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2009.

(4) **GIÁM ĐỐC**



THIỀU TƯỚNG Trần Triều Dương

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số.....đơn.....ngày..26../.03../2009.

của:Công ty TNHH Data Logic Scanning Việt Nam.....

Người đại diện là ông/ bà: John Burns..... Chức danh Tổng Giám đốc.....

(SỞ CẢNH SÁT PC & CC TP.HCM)

CHỨNG NHẬN:

Cải tạo một phần nhà xưởng F04.

(2).....

Địa điểm:Lô I-4 Khu công nghệ cao, quận 9, TP.HCM.....

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện:Công ty TNHH Data Logic Scanning Việt Nam.....

Đơn vị lập dự án/ thiết kế:Công ty TNHH TM.DV.XD.Lập.Thành.....

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, lối thoát nạn, giải pháp ngăn cháy.
- Hệ thống báo cháy tự động.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3).....

Chủ đầu tư phải thông báo tiến độ thi công công trình để được Sở Cảnh sát PC&CC TP.HCM kiểm tra thi công và nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2009...

Nơi nhận:

- Như trên;
- C23-BCA;
- Phòng CS PC&CC Q.9;
- Lưu: VT, HDPC.

(4).....

GIÁM ĐỐC



THIẾU TƯỜNG Tuấn Tuấn Dương

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới;
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC & CC TP.HCM
Số: 8.50/ITD-PCCC (P2...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004
In năm 2010

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01 ngày 20 / 4 / 2011

của: Công ty TNHH Datalogic Scanning VIET NAM

Người đại diện là ông/ bà: Trần Tiên Phát Chức danh Giám đốc điều hành

(1) SỞ CẢNH SÁT PC & CC TP.HCM

CHỨNG NHẬN:

(2) **Nâng tầng (đoạn trục 4 - 12); Cải tạo hệ thống PCCC tại Nhà xưởng F-04**

Địa điểm: Lô I - 4a, Khu Công Nghệ Cao quận 9, TP.Hồ Chí Minh.

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Datalogic Scanning VIET NAM

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Quân và Cộng Sự.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, lối thoát nạn, giải pháp ngăn cháy;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và tự động Sprinkler;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) 1/ Cột thép chịu lực của khu vực xưởng nâng tầng (đoạn trục 4-5) phải được ốp bảo vệ bằng vật liệu chống cháy đảm bảo giới hạn chịu lửa tối thiểu R90. 2/ Tường công trình trục 4 phải là tường ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu là REI 150, cửa trên tường ngăn cháy phải có giới hạn chịu lửa tối thiểu là EI 70 (tường ngăn cháy phải được xây cao đến mái, diện tích cửa ngăn cháy không vượt quá 25% diện tích tường ngăn cháy). 3/ Lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố và trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ theo quy định của TCVN 3890:2009. (xem tiếp trang 2)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2011
KT. GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CS PCCC&CNCH-TC VII;
- Phòng CS PC&CC quận 9;
- Lưu: VT, P2.

(4)



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện; giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

Số: 04 /GPXD-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2013

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam

- Địa chỉ: Lô I-4a, F04, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9

- Số điện thoại: (84 8) 37308481

2. Được phép xây dựng công trình: Cổng, Hàng rào và Nhà bảo vệ

- Theo thiết kế có ký hiệu: Từ KT-01/05 đến KT-05/05; KC-01/05 đến KC-05/05

- Do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế KTS lập.

- Gồm các nội dung sau đây:

+ Vị trí xây dựng: Lô I-4a, F04, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9. Diện tích khu đất: 21.429 m².

+ Cốt nền xây dựng công trình: Lấy cốt nền hoàn thiện tầng 1 Nhà bảo vệ làm chuẩn, cao hơn cốt vỉa hè đường N3 nổi dài 0,55m.

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo ranh được xác định trên bản vẽ mặt bằng Cổng, Hàng rào.

+ Màu sắc công trình: Màu sáng phù hợp hài hòa với cảnh quan kiến trúc chung

+ Tổng diện tích xây dựng tầng một: 13,85m².

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 13,85m²

+ Chiều cao công trình so với cốt hoàn thiện tầng 1: 3,1m

+ Các hạng mục công trình:

a) Nhà bảo vệ: Diện tích tầng 1: 13,85m²; diện tích sàn xây dựng: 13,85m²; số tầng: 01; chiều cao: 3,1m.

b) Hàng rào và Cổng: Dài 85,5m

c) Bể tự hoại: 1,2m x 2,0m x 1,3m = 3,12 m³

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Hợp đồng thuê đất số 39/HĐTD/KCNC-2010 ngày 31/8/2010; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866422 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/01/2011.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 413 043 000028 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp cho Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam ngày 08/01/2009.



4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như Mục 1.;
- Sở XD (bản sao);
- UBND Quận 9 (bản sao);
- Lưu: VT, P. QHXDMT.



**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Lê Thành Đại

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kết.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo ngày khởi công công trình đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao trước khi thi công công trình.
4. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...). Nước thải từ bể tự hoại phải đầu nối với cống thoát nước thải đổ vào hệ thống chung của Khu Công nghệ cao.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

+ Chiều cao công trình Nhà ăn công nhân (so với cốt nền vỉa hè Đường N3 nổi dài): 17.35m.

+ Diện tích khu đất: 21.492,00m².

- Các hạng mục công trình:

2.1 Nhà ăn công nhân:

Diện tích xây dựng tầng 1: 400,0m²; chiều cao công trình 16,75m, số tầng: 04; diện tích sàn xây dựng: 1.212,0m²; diện tích chiếm đất: 400,0m².

2.2 Trạm bơm:

Diện tích xây dựng tầng 1: 16,0m²; chiều cao công trình 3,25m, số tầng: 01; diện tích sàn xây dựng: 16,0m²; diện tích chiếm đất: 16,0m².

2.3 Nhà vận hành xử lý nước thải:

Diện tích xây dựng tầng 1: 12,0m²; chiều cao công trình 3,6m, số tầng: 01; diện tích sàn xây dựng: 12,0m²; diện tích chiếm đất: 12,0m².

2.4 Nhà bảo vệ:

Diện tích xây dựng tầng 1: 12,0m²; chiều cao công trình 3,6m, số tầng: 01; diện tích sàn xây dựng: 12,0m²; diện tích chiếm đất: 12,0m².

2.5 Các công trình phụ khác:

- Bể nước ngầm: Diện tích 140,08m²; thể tích 300m³.

- Bể xử lý nước thải: Diện tích 48m²; thể tích 96m³.

3. Giấy tờ về pháp lý có liên quan:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CT05038 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/01/2011 cho Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam. Mục đích sử dụng là đất khu công nghiệp;

- Công văn số 864/KCNC-QHXDMT ngày 05/7/2018 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) về việc chấp thuận Bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình và giải pháp hạ tầng kỹ thuật dự án "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam", Công văn số 1211/KCNC-QHXDMT ngày 13/9/2018 của Ban Quản lý về việc đính chính số liệu quy mô xây dựng công trình trong công văn chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình và giải pháp hạ tầng kỹ thuật dự án "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại Lô F04-Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố;

- Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30/7/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam. Công văn số 8282/STNMT-CCBVM ngày 28/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 718/TĐ-PCCC ngày 23/5/2018 của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng số 01/BCKT-KT ngày 13/8/2018 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

- Công văn số 1349/KCNC-QHXDMT ngày 05/10/2018 của Ban Quản lý về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình Nhà ăn công nhân tại F04-Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Ghi chú: Chủ đầu tư phải thực hiện các yêu cầu sau:

- Chủ đầu tư phải thực hiện các yêu cầu tại Giấy chứng nhận số 718/TD-PCCC ngày 23/5/2018 của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh; Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh môi trường tại Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30/7/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam. Công văn số 8282/STNMT-CCBVMT ngày 28/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

- Chủ đầu tư nghiên cứu sử dụng vật liệu không nung theo quy định tại Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ, Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng về Quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng.

- Nếu có tranh chấp khiếu nại về ranh đất Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trường hợp ranh khuôn viên đất hoặc khoảng cách đến các công trình lân cận có thay đổi, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép xây dựng cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Như Mục I;
- Sở Xây dựng (bản sao);
- Thanh tra Sở Xây dựng (bản sao);
- UBND Phường Long Thạnh Mỹ (bản sao);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Th.06.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Lê Thành Đại

Số: 1293 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 11.11.2020 của Công ty TNHH Năng lượng AURORA.....

Người đại diện là Ông/Bà: Bestiani Federico..... Chức danh: Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy Datalogic Việt Nam

Địa điểm xây dựng: Lô I-4b, Khu công nghệ cao Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Năng lượng AURORA.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật và Xây dựng Phúc Long.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bắc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;
- Giải pháp nối đất chống tĩnh điện.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư, C07-BCA;
- Công an Quận 9;
- Lưu: VT, Đ2.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Huỳnh Quang Tâm

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

[illegible]

Số: 66 /PC07-Đ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 1 năm 2021

Về việc nghiệm thu về PCCC

Kính gửi: Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam.



Theo đề nghị tại Văn bản ngày 31/12/2020 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) lập ngày 16/12/2020 và ngày 12/01/2021, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đồng ý xác nhận việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam đối với công trình Nhà ăn công nhân xây dựng tại Lô I-4a, đường N3, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn, khoảng cách an toàn PCCC;

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, bình chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống cung cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Nhà ăn công nhân trong suốt quá trình hoạt động, đề nghị Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

2. Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;

3. Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

4. Công trình chỉ được phép đưa vào khai thác, sử dụng sau khi được nghiệm thu công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng. / *gửi*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an Quận 9;
- Lưu: VT, Đ2.



Đại tá Huỳnh Quang Tâm

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

h phuc

006686509

CÔNG TY
TNHH
PATALOGIC
VIỆT NAM

Y VÀ CHỮA CH

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nhà ăn công nhân

- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

ngày 23 tháng 5 năm

-Luru: VT, P2,

ĐAN CHỨNG NGUYỄN THANG S. H. KI. GIAM ĐOC PHO GIAM ĐOC

Thượng tá Nguyễn Thanh Hưởng

[illegible]

CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 335.../TD-PCCC&CNCH

V/v thẩm duyệt về PCCC
đối với hồ sơ thiết kế cải tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 1 năm 2021



Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 850/TD-PCCC ngày 15/6/2011, nghiệm thu theo văn bản số 138/NT-PCCC-P2 ngày 13/01/2012 của Sở Cảnh sát PC&CC Thành Phố Hồ Chí Minh;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/04.21/ĐNTD ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam;

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. Thông tin về nội dung điều chỉnh thiết kế/cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của dự án, công trình

- Tên công trình: Cải tạo nhà xưởng F-04
- Địa chỉ: F04, Lô 1-4a, KCN Cao, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.
- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH TM DV PCCC Thanh Long Hải; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Lập Thành.

II. Nội dung thẩm duyệt

- Lối thoát nạn;
- Mặt bằng bố trí chữa cháy tự động Sprinkler.
- Mặt bằng bố trí báo cháy tự động; đèn chiếu sáng sự cố, đèn thoát nạn.

Quy mô dự án/công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư; C07-BCA;
- Đ/c Đại tá Nguyễn Thanh Hương – PGD CATP;
- Công an TP. Thủ Đức;
- Lưu: VT, Đ2. (Đ.Huy).



Đại tá Huỳnh Quang Tâm

(Kèm theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 331/TĐ-
PCCC ngày 15/11/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH
– Công an TP Hồ Chí Minh)

Lưu ý: Thông tin tại Văn bản này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

Số: 1293/PC07-Đ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 4 năm 2021

V/v điều chỉnh địa chỉ công trình trên giấy chứng nhận thẩm duyệt và công văn nghiệm thu về PCCC đối với công trình Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy Datalogic Việt Nam.

Kính gửi: Công ty TNHH Năng lượng Aurora.

Ngày 12/3/2021, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh tiếp nhận văn bản của Công ty TNHH Năng lượng Aurora về việc điều chỉnh địa chỉ công trình trên giấy chứng nhận thẩm duyệt và công văn nghiệm thu về PCCC đối với công trình Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy Datalogic Việt Nam tại địa chỉ Lô I-4b, khu công nghệ cao, Quận 9, TP Hồ Chí Minh.

Qua nghiên cứu nội dung đề nghị và hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư đối chiếu theo các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

1. Công trình tại địa điểm nêu trên đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 1293/TD-PCCC ngày 19/11/2020 và nghiệm thu về PCCC số 169/PC07-Đ2 ngày 08/2/2021. Theo hồ sơ thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC, địa chỉ công trình là “Lô I-4b, khu công nghệ cao, Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), TP Hồ Chí Minh”.

2. Việc chủ đầu tư điều chỉnh địa chỉ công trình trên giấy chứng nhận thẩm duyệt và công văn nghiệm thu về PCCC đối với công trình Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy Datalogic Việt Nam từ “Lô I-4b, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP Hồ Chí Minh” thành “Lô I-4a, Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh” là phù hợp theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8711760427 ngày 14/12/2020 của Ban quản lý Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh và Hợp đồng mua bán điện năng lượng mặt trời ngày 14/8/2020 giữa Công ty TNHH Năng lượng Aurora và Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ - Công an TP Hồ Chí Minh trả lời để chủ đầu tư biết. /ly

“Ghi chú: Văn bản này không có giá trị khác ngoài lĩnh vực quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy”.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Đại tá Nguyễn Thanh Hương – PGĐ CA TP;
- Công an TP Thủ Đức;
- Lưu: VT, Đ2.



Số: 336 /PC07-Đ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Về việc nghiệm thu về PCCC

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 102/TD-PCCC ngày 03/3/2022 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 09/6/2022 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là Ông (bà) Đặng Văn Chung. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 16/6/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Cải tạo một phần tầng 2 nhà xưởng F-04 với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tân Công Thịnh.

Quy mô công trình gồm: Cải tạo các phòng tại đoạn trục H-L/1-3 tầng 2, lắp đặt hệ thống chữa cháy bằng khí FM-200 tại phòng máy chủ tầng 2.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Mặt bằng bố trí công năng liên quan đến PCCC;
- Giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;
- Bố trí thiết bị hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-227ea (FM-200).

Các yêu cầu kèm theo:

1. Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

2. Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

3. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH-BCA;
- Công an Thành phố Thủ Đức;
- Lưu: VT, Đ2.



Số: 102 /TD-PCCC

V/v thẩm duyệt về PCCC
đối với hồ sơ thiết kế cải tạo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 850/TD-PCCC(P2) ngày 15/6/2011 và văn bản nghiệm thu về PCCC số 138/NT-PCCC-P2 ngày 13/01/2012 của Sở Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt cải tạo về phòng cháy và chữa cháy ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. Thông tin về nội dung điều chỉnh thiết kế/cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của dự án, công trình/hoàn cải phương tiện

- Tên công trình: Cải tạo một phần tầng 2 nhà xưởng F-04
- Địa chỉ: Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.
- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH PCCC Hiệp Phát.

II. Nội dung thẩm duyệt

- Mặt bằng bố trí công năng liên quan đến PCCC;
- Giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;
- Bố trí thiết bị hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-227ea (FM-200).

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt cải tạo phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này. /

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư; C07-BCA;
- Đ/c Đại tá Nguyễn Thanh Hoàng – PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Lưu: VT, Đ2. (Phước)

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Đỗ Văn Kháng

(Kèm theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số/TD-PCCC ngày tháng năm 2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hồ Chí Minh)

Lưu ý: Thông tin tại văn bản này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 07 /HD-BQLCDA-XLNT

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 21/6/2012;

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia môi trường;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh- giai đoạn 1”;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-KCNC ngày 31/5/2017 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý các công trình, cơ sở hạ tầng ngân sách đầu tư trong Khu Công nghệ cao và tổ chức vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật; thực hiện bảo trì công trình; thực hiện các hoạt động dịch vụ công cộng, các hoạt động dịch vụ có thu phí trong Khu Công nghệ cao và hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của nhà đầu tư;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 1 tháng 6 năm 2017, tại Văn phòng Ban quản lý các dự án Đầu tư-Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên gồm có:

BÊN A. BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Đại diện: Ông Phạm Hữu Minh

Chức vụ: Phó Giám đốc.

Theo Ủy quyền tại Quyết định số 17/QĐ-BQLCDA ngày 16/6/2017

Địa chỉ: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 37 360462, 37 307390 - Fax: (08) 3736 0470

Tài khoản: 31410002531451 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Mã số thuế : 0306678152

BÊN B: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Đại diện : Ông Trần Tiến Phát Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ : F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh,
Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP.HCM, Việt Nam.

Điện thoại : 373 08 481 Fax : 373 08 482

Mã số thuế : 0306686509

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các điều khoản như sau:

Điều 1. Điểm đầu nối.

Vị trí đầu nối tại Hố ga: ...NB.01...X...615.427.976, Y = 1199558.703

Quy cách điểm đầu nối: ...đầu...nối...thực...tiếp... từ ống nước thải nhà máy
(Theo văn bản đề nghị đầu nối nước thải của Cty Ø 200mm)

Điều 2. Khối lượng nước thải.

Khối lượng nước thải đăng ký: ...7.0... m³/ ngày.

Điều 3. Chất lượng nước thải.

1. Quy định nước thải tiếp nhận đưa vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao TP.HCM: Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp).

2. Chất lượng nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đảm bảo trong tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao theo tiêu chuẩn "Chất lượng nước thải đầu vào nhà máy xử lý tập trung – Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 1" ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 (Phụ lục 2);

3. Cơ sở xác định chất lượng nước thải của Bên B được căn cứ vào kết quả quan trắc chất lượng nước thải hàng quý của bên B hoặc kết quả kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan chức năng, kết quả lấy mẫu nước thải đột xuất của Bên A.

4. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý của Bên A trước khi xả ra môi trường đạt loại A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ.

Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định dịch vụ xử lý nước thải trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

1. Tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải (trong tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao) theo đăng ký của Bên B.

2. Thông báo đến Bên B các thay đổi liên quan đến nội dung Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải (nếu có).

3. Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến thu gom, xử lý nước thải.

4. Khi thực hiện công việc bảo dưỡng và sửa chữa tuyến ống thu gom cũng như hệ thống xử lý nước thải, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 7 ngày và khôi phục hoạt động trong thời gian sớm nhất để hạn chế gián đoạn việc xử lý nước thải của Bên B.

5. Bên A có quyền lấy mẫu đột xuất để kiểm tra chất lượng nước thải của Bên B nếu thấy cần thiết.

6. Qua phân tích mẫu nước thải lấy đột xuất, nếu kết quả phân tích mẫu phát hiện có các chỉ tiêu ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép, thì Bên A và Bên B sẽ lập Biên bản ghi nhận sự việc trình cấp thẩm quyền xử lý.

7. Đối với các đơn vị có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải (đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh nghiệm thu): các chỉ tiêu được quan trắc sẽ là cơ sở để Bên A đánh giá chất lượng nước thải của bên B.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

1. Đầu nối hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo đúng các quy định của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

2. Báo cáo đúng tính chất và thành phần các chất ô nhiễm có trong nước thải, nếu phát hiện có sự thay đổi thành phần hoặc gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm hay các hiện tượng bất thường thì Bên B phải kịp thời thông báo trước cho Bên A bằng các hình thức: fax, email và văn bản trong ngày.

3. Thực hiện việc báo cáo, kiểm tra mẫu nước thải:

- Trước khi Bên B đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao: Bên B gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A.

- Sau đó định kỳ 03 tháng/lần, bên B tiếp tục gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A trong tuần lễ đầu tiên của mỗi quý để giám sát.

4. Thanh toán đầy đủ, đúng kỳ hạn toàn bộ chi phí dịch vụ xử lý nước thải.

5. Bồi thường và buộc thực hiện các biện pháp khắc phục khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán.

1. Mức phí:

a) Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp: Thực hiện theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh Quyết định về một số cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về phí xử lý nước thải.

- Thời điểm tính phí xử lý nước thải: từ ngày ... tháng ... năm 2017

- Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.

- Lượng nước thải xử lý được xác định bằng:

086509

ÔNG TY

TNHH

TALOG

VIỆT NAM

T.P. HỒ CHÍ MINH

086509

ÔNG TY

TNHH

TALOG

VIỆT NAM

T.P. HỒ CHÍ MINH

086509

ÔNG TY

TNHH

TALOG

VIỆT NAM

T.P. HỒ CHÍ MINH

Đối với đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải: lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

Đối với đơn vị có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao nghiệm thu: lưu lượng nước thải được tính theo chỉ số của đồng hồ. Trong trường hợp đồng hồ hư hỏng, lưu lượng nước thải được áp dụng như đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

Trường hợp phí xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng và Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Phương thức thanh toán:

a) Bên B thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp hàng tháng bằng tiền đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được phiếu thông báo thanh toán. Giá trị thanh toán được tính theo tỷ giá ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn tại thời điểm xuất hóa đơn.

Tên tài khoản: Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố

Số tài khoản: 31410002531451

Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

b) Quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được giấy thông báo (căn cứ theo ngày Bên B ký nhận thông báo thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải) mà vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải thanh toán thêm tiền lãi quá hạn trên số nợ theo mức lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.

Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, nếu một bên muốn thay đổi, hoặc bổ sung nội dung hợp đồng đã ký, thì bên đó phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày. Bất kỳ thay đổi nào sẽ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản và ký bởi hai bên (phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng). Nếu phụ lục sửa đổi, bổ sung có những điều khoản trái với điều khoản của hợp đồng thì xem như điều khoản đó trong hợp đồng đã được sửa đổi.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây :

1. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới hoặc gia hạn hợp đồng thì tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Khi một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng hoặc vi phạm những qui định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động xả thải thì hợp đồng

sẽ được chấm dứt nếu như vi phạm đó đã được một trong hai Bên nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn không khắc phục.

3. Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản chung.

1. Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm là thỏa thuận toàn bộ giữa hai bên (Bên A & Bên B) về các vấn đề được nêu trong Hợp đồng.

2. Hai bên cam kết hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Hợp đồng.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu thương lượng không thành, thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành. Phán quyết của Trọng tài là phán quyết cuối cùng và bắt buộc thực hiện.

4. Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký. Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn hàng năm trừ khi Bên A hoặc Bên B có ý kiến khác.

5. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

6. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được lập thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ ba (03) bản và có giá trị pháp lý như nhau.



TRẦN TIẾN PHÁT
TỔNG GIÁM ĐỐC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐẦU NÓI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

Xây dựng mới	
Cải tạo, sửa chữa	✓

Kính gửi: Ban quản lý Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh

1. Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH DATA LOGIC SCANNING (VN)
 - Địa chỉ liên hệ: Lô I-4a Khu Công nghệ cao TP. HCM
 - Số điện thoại: 57308481
2. Địa điểm xây dựng:
 - Tại lô đất: I-4a, Khu Công nghệ cao TP. HCM
3. Nội dung đề nghị: đầu nối hệ thống thoát nước thải từ công trình
 Công ty TNHH DATA LOGIC SCANNING (VN)
 sang hệ thống thoát nước thải chung của Khu Công nghệ cao.
- Vị trí điểm đầu nối: Lô I-4a NB'01, X=615.427.976; Y=119.9558.703
 - Số lượng điểm đầu nối: 01
 - Kích thước ống đầu nối: $\phi 200\text{mm}$
 - Lưu lượng nước thải theo hiện tại / theo quy hoạch: $28.5\text{ m}^3/\text{ngày}$
 - Thời gian thực hiện: một tháng
4. Các yêu cầu khác:

Tôi xin cam kết thực hiện theo đúng Quy trình đấu nối hạ tầng kỹ thuật từ các dự án thành phần vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu Công nghệ cao được ban hành tại Quyết định số/QĐ-KCNC ngàytháng.....năm.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2012

Người đề nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)



TRẦN TIẾN PHÁT
General Manager

Số: 210/2024/HĐKT/VX-DT

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Về việc: thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và hủy hàng

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ký ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ vào Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (CTNH) mã số 1-2-3-4-5-6.033.VX của Công ty TNHH SX TM DV Môi trường Việt Xanh do Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp ngày 18/11/2020;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô I-4a, Khu Công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.3730 8481

Fax: 028.3730 8482

Mã số thuế : 0306 686 509

Đại diện : (Ông) **ĐẶNG VĂN CHUNG** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH SX – TM – DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, Tp. Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3653 076 (~77)

Fax: 0274.3653 075

Mã số thuế : 3700 671 231

Tài khoản : 0281 001 385 284 tại Ngân hàng Vietcombank - CN Bình Dương

Đại diện : (Ông) **TRẦN THANH HÀ** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- 1.1 Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ("Chất thải") phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của bên A

và dịch vụ hủy hàng là nguyên vật liệu không còn sử dụng của Bên A theo đúng quy định của pháp luật.

- 1.2 Địa điểm giao nhận chất thải, hủy hình dạng nguyên vật liệu: Lô I-4a, Khu Công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- 1.3 Danh mục chất thải được ghi rõ tại Mục 3.2 của Hợp đồng.
- 1.4 Phương án hủy nguyên vật liệu: đập/ phá hủy hình dạng nguyên vật liệu bằng các thiết bị chuyên dụng.
- 1.5 Bên A đồng ý chọn Bên B làm đối tác trong việc thu gom rác thải công nghiệp thông thường, rác sinh hoạt phát sinh tại nhà máy bên A bao gồm: Sắt, Thép phế liệu, Đồng phế liệu, Nhôm phế liệu, Giấy carton, Nhựa phế liệu các loại.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:

2.1 Trách nhiệm của bên A:

- Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của bên A phải được tập trung thu gom, đóng gói trong bao bì thích hợp, phân loại, dán nhãn cảnh báo CTNH và lưu giữ an toàn trong kho chứa, chờ tiến hành bàn giao cho bên B thu gom xử lý.
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc và đảm bảo tính pháp lý của lô hàng cần hủy.
- Khi có nhu cầu thu gom xử lý chất thải/ hủy hàng, bên A chủ động thông báo cho bên B bằng fax hoặc điện thoại về thông tin chất thải/ hàng hủy cần thu gom trước 48 tiếng đồng hồ.
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục hợp đồng thu gom, chất thải dễ cháy nổ, hóa chất có tính nguy hại cao, bên A phải báo cho bên B trước khi thu gom để phòng ngừa và xử lý kịp thời.
- Bên A bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Cùng với Bên B ký xác nhận số lượng trên biên bản giao nhận.
- Bên A cử đại diện và thông báo cơ quan về việc giám sát hủy lô hàng (nếu có).
- Bên A sử dụng chứng từ CTNH theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và chuyển giao cho nhân viên bên B ngay sau khi giao nhận chất thải.
- Bên A cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí xử lý chất thải và chi phí dịch vụ hủy hàng nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của bên B:

- Cung cấp nhân lực, phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải/ hàng hủy tại nhà máy bên A.
- Tuân thủ quy định về quản lý chất thải nguy hại, đảm bảo các yêu cầu pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý CTNH.
- Sau khi chất thải của Bên A giao cho bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Hoàn trả liên 4 chứng từ CTNH cho bên A sau khi hoàn tất xử lý chất thải.

- Cung cấp hóa đơn tài chính và biên bản hủy hàng cho Bên A.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Số lượng chất thải/ hàng hủy được xác định bằng phương pháp cân tại kho bên A. Sau khi xác định số lượng, hai bên cùng lập biên bản hoặc chứng từ chất thải có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên. Biên bản này là cơ sở để hai bên kiểm tra và thanh toán theo nội dung hợp đồng.
- 3.2 Đơn giá xử lý (bao gồm: vận chuyển, lưu giữ và xử lý):

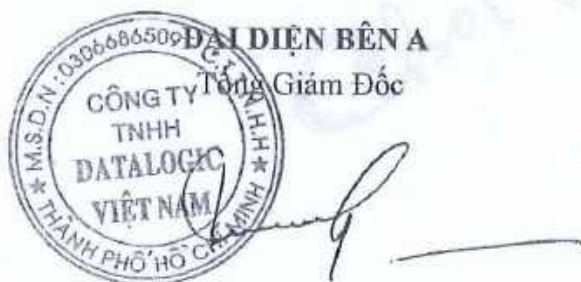
STT	Tên chất thải	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (đồng/đvt)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	16 01 06	10.000
2	Bao bì cứng bằng nhựa thải dính hóa chất	Kg	18 01 03	2.000
3	Bao bì mềm dính keo, hóa chất thải	Kg	18 01 01	4.800
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	5.500
5	Dầu bôi trơn, hộp số và bôi trơn thải	Kg	17 02 03	2.000
6	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	4.000
7	Pin, ắc quy chì thải	Kg	19 06 01	6.000
8	Linh kiện, thiết bị điện tử thải	Kg	16 01 13	2.000
9	Xi hàn thải từ quá trình sản xuất kim loại nặng	Kg	07 04 01	4.000
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Kg	17 08 03	4.000
11	Chất thải y tế	Kg	13 01 01	10.000
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Kg	18 01 02	4.800
13	Kính thủy tinh thải	Kg	-	2.500
14	Rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp thông thường	Tháng	-	2.000.000
15	Dịch vụ hủy hàng là nguyên vật liệu nhập sản xuất xuất khẩu nhưng không đưa vào sản xuất	Kg		2.000
Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT				

3.3 Phương thức thanh toán:

- Căn cứ vào khối lượng chất thải/ hàng hủy thu gom thực tế hàng tháng có xác nhận của đại diện hai bên dựa trên biên bản giao nhận hoặc chứng từ CTNH. Hai bên tiến hành kiểm tra đối chiếu công nợ, Bên B xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản tiền Việt Nam đồng.
- Thời hạn thanh toán: trong vòng hai mươi một (21) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong nội dung hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng, bên nào sai sẽ chịu mọi chi phí.
- 4.2 Mọi điều khoản khác có liên quan không được qui định cụ thể tại hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo qui định của Luật pháp Việt Nam.
- 4.3 Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thỏa thuận giữa hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời hợp đồng chính và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.
- 4.4 Hợp đồng có thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày ký. Trước khi hết hạn hợp đồng 15 ngày, hai bên sẽ thông báo cho nhau về vấn đề gia hạn hợp đồng.
- 4.5 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẶNG VĂN CHUNG



TRẦN THANH HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 0102/2024/HĐKT/RV- DATA

- Căn cứ Luật Thương Mại số : 36/2005/QH 11 ký ngày ; 14/04/2005
- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015QH 13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/04/2017.
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 23/06/2014.
- Căn cứ vào Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 Của Thủ tướng Chính Phủ.
- Căn cứ vào nhu cầu Công ty TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Hôm nay , ngày **01** tháng **02** năm **2024** , Chúng tôi đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Địa chỉ: F04, Lô I-4a Khu Công Nghệ Cao Tp.HCM, P. Long Thạnh Mỹ, Thủ Đức, Tp.HCM

Mã số thuế: 0306686509

Điện thoại: 028.37308481

Fax: 028.37308482

Đại diện: **ĐẶNG VĂN CHUNG** Chức Vụ: Tổng giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA XNK RỒNG VÀNG

Địa chỉ: Số 17 Đường Lê Quý Đôn, Kp Thắng Lợi, P.Dĩ An, Tp.Dĩ An,T.Bình Dương

MST : 3700593336

Điện thoại: 0274.3782.116

Fax: 0274.3737.393

Đại diện Ông : **HOÀNG VĂN TIÊU** Chức Vụ: Giám đốc làm đại diện.

Tài khoản số: 5590238168828 tại Ngân hàng Agribank – CN KCN Sóng Thần, Bình Dương

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý thu mua toàn bộ các loại phế liệu sắt, nhôm, giấy carton,....vv sản xuất tại nhà máy Bên A địa chỉ : F04, Lô I-4a Khu Công Nghệ Cao Tp.HCM, P. Long Thạnh Mỹ,Tp.Thủ Đức, Tp.HCM với đơn giá thu mua được thể hiện ở điều 2 của hợp đồng .

- Tuần xuất : 02 lần/tuần vào thứ 4 và thứ 6

- Phương tiện : Xe ô tô



ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ

- Đơn giá thu mua (bao gồm thu gom, vận chuyển)(nêu Điều 01) như sau:

STT	TÊN MẶT HÀNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
1	Giấy carton	Kg	2.300
2	Nylon trắng	Kg	10.000
3	Nhựa phế liệu	Kg	4.700
4	Nhựa cứng	Kg	2.700
5	Nylon màu	Kg	3.500
6	Pallet gỗ	Cái	5.700
7	Sắt vụn	Kg	5.500
8	Nhôm phế liệu	Kg	25.000
Đơn giá trên đã bao gồm thuế V.A.T			

Ghi chú:

- Đơn giá thu mua trên sẽ được điều chỉnh tùy theo biến động giá cả của thị trường sẽ được áp dụng ngay sau khi bên A thông báo cho bên B và được bên B đồng ý sẽ được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng có ký kết giữa hai bên.
- Nếu hàng hóa có bao bì chứa Bên A phải khấu trừ cho Bên B.
- Số lượng phế liệu được tính theo số lượng giao nhận thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua phiếu xuất kho hoặc phiếu cân điện tử có chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền của đại diện hai bên.
- Khi tiến hành thu mua, hai bên sẽ lập Biên bản giao nhận phế liệu thu mua, căn cứ vào số lượng thực tế giao nhận với đơn giá nêu trên có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên. Bên B sẽ thanh toán 100% giá trị phế liệu sau khi đối chiếu công nợ với Bên A và Bên B nhận được hóa đơn tài chính do Bên A xuất.
- Phương thức thanh toán : Tiền mặt hoặc chuyển khoản

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm của bên A :

- Toàn bộ phế liệu phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A phải được tập trung thu gom, phân loại trong kho chứa , chờ tiến hành bán giao cho Bên B thu gom vận chuyển.
- Khi có nhu cầu thu gom phế liệu đột xuất , bên A thông báo cho Bên B bằng fax hoặc điện thoại trước 02 ngày để bên B sắp xếp công nhân và phương tiện đến thu gom.

- Bên A sẽ bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom phế liệu (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy.
- Bên A không phải thanh toán cho Bên B trong trường hợp không có phát sinh việc chuyển giao rác thải hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B thực hiện không đúng theo nội dung hợp đồng.
- Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính đối với việc thu mua phế liệu.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

- Cung cấp phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị , dụng cụ an toàn cần thiết khi đến làm việc tại nhà máy bên A.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy của Bên A.
- Sau khi rác thải của Bên A giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ đi xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bàn giao mặt bằng gọn gàng , sạch sẽ cho Bên A sau mỗi đợt thu gom.
- Tuân thủ đúng theo quy định nội bộ của Bên A.Nếu vi phạm bất kỳ quy định nào, Bên B sẽ bị phạt theo mức độ vi phạm dưới sự thương lượng của hai bên và thông báo của Bên A.
- Bên B cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này có hiệu lực 04 (bốn) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2028. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký , nếu có khó khăn hai bên sẽ bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác vui vẻ. Nếu xảy ra tranh chấp hai bên không cùng nhau giải quyết được thì sẽ đưa ra tòa án kinh tế Bình Dương giải quyết, quyết định của Tòa Án là quyết định cuối cùng .
- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ (01) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



DẶNG VĂN CHUNG



HOÀNG VĂN TIÊU

Số: 210/2024/HĐKT/VX-DT

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Về việc: thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và hủy hàng

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ký ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ vào Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (CTNH) mã số 1-2-3-4-5-6.033.VX của Công ty TNHH SX TM DV Môi trường Việt Xanh do Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp ngày 18/11/2020;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô I-4a, Khu Công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.3730 8481 Fax: 028.3730 8482

Mã số thuế : 0306 686 509

Đại diện : (Ông) **ĐẶNG VĂN CHUNG** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH SX – TM – DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, Tp. Tân Uyên, Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3653 076 (~77) Fax: 0274.3653 075

Mã số thuế : 3700 671 231

Tài khoản : 0281 001 385 284 tại Ngân hàng Vietcombank - CN Bình Dương

Đại diện : (Ông) **TRẦN THANH HÀ** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- 1.1 Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (“**Chất thải**”) phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của bên A

và dịch vụ hủy hàng là nguyên vật liệu không còn sử dụng của Bên A theo đúng quy định của pháp luật.

- 1.2 Địa điểm giao nhận chất thải, hủy hình dạng nguyên vật liệu: Lô I-4a, Khu Công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- 1.3 Danh mục chất thải được ghi rõ tại Mục 3.2 của Hợp đồng.
- 1.4 Phương án hủy nguyên vật liệu: đập/ phá hủy hình dạng nguyên vật liệu bằng các thiết bị chuyên dụng.
- 1.5 Bên A đồng ý chọn Bên B làm đối tác trong việc thu gom rác thải công nghiệp thông thường, rác sinh hoạt phát sinh tại nhà máy bên A bao gồm: Sắt, Thép phế liệu, Đồng phế liệu, Nhôm phế liệu, Giấy carton, Nhựa phế liệu các loại.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:

2.1 Trách nhiệm của bên A:

- Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của bên A phải được tập trung thu gom, đóng gói trong bao bì thích hợp, phân loại, dán nhãn cảnh báo CTNH và lưu giữ an toàn trong kho chứa, chờ tiến hành bàn giao cho bên B thu gom xử lý.
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc và đảm bảo tính pháp lý của lô hàng cần hủy.
- Khi có nhu cầu thu gom xử lý chất thải/ hủy hàng, bên A chủ động thông báo cho bên B bằng fax hoặc điện thoại về thông tin chất thải/ hàng hủy cần thu gom trước 48 tiếng đồng hồ.
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục hợp đồng thu gom, chất thải dễ cháy nổ, hóa chất có tính nguy hại cao, bên A phải báo cho bên B trước khi thu gom để phòng ngừa và xử lý kịp thời.
- Bên A bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Cùng với Bên B ký xác nhận số lượng trên biên bản giao nhận.
- Bên A cử đại diện và thông báo cơ quan về việc giám sát hủy lô hàng (nếu có).
- Bên A sử dụng chứng từ CTNH theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và chuyển giao cho nhân viên bên B ngay sau khi giao nhận chất thải.
- Bên A cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí xử lý chất thải và chi phí dịch vụ hủy hàng nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của bên B:

- Cung cấp nhân lực, phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải/ hàng hủy tại nhà máy bên A.
- Tuân thủ quy định về quản lý chất thải nguy hại, đảm bảo các yêu cầu pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý CTNH.
- Sau khi chất thải của Bên A giao cho bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Hoàn trả liên 4 chứng từ CTNH cho bên A sau khi hoàn tất xử lý chất thải.

- Cung cấp hóa đơn tài chính và biên bản hủy hàng cho Bên A.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Số lượng chất thải/ hàng hủy được xác định bằng phương pháp cân tại kho bên A. Sau khi xác định số lượng, hai bên cùng lập biên bản hoặc chứng từ chất thải có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên. Biên bản này là cơ sở để hai bên kiểm tra và thanh toán theo nội dung hợp đồng.

3.2 Đơn giá xử lý (bao gồm: vận chuyển, lưu giữ và xử lý):

STT	Tên chất thải	DVT	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (đồng/đvt)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	16 01 06	10.000
2	Bao bì cứng bằng nhựa thải dính hóa chất	Kg	18 01 03	2.000
3	Bao bì mềm dính keo, hóa chất thải	Kg	18 01 01	4.800
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	5.500
5	Dầu bôi trơn, hộp số và bôi trơn thải	Kg	17 02 03	2.000
6	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	4.000
7	Pin, ắc quy chì thải	Kg	19 06 01	6.000
8	Linh kiện, thiết bị điện tử thải	Kg	16 01 13	2.000
9	Xi hàn thải từ quá trình sản xuất kim loại nặng	Kg	07 04 01	4.000
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Kg	17 08 03	4.000
11	Chất thải y tế	Kg	13 01 01	10.000
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Kg	18 01 02	4.800
13	Kính thủy tinh thải	Kg	-	2.500
14	Rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp thông thường	Tháng	-	2.000.000
15	Dịch vụ hủy hàng là nguyên vật liệu nhập sản xuất xuất khẩu nhưng không đưa vào sản xuất	Kg		2.000
Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT				

3.3 Phương thức thanh toán:

- Căn cứ vào khối lượng chất thải/ hàng hủy thu gom thực tế hàng tháng có xác nhận của đại diện hai bên dựa trên biên bản giao nhận hoặc chứng từ CTNH. Hai bên tiến hành kiểm tra đối chiếu công nợ, Bên B xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản tiền Việt Nam đồng.
- Thời hạn thanh toán: trong vòng hai mươi một (21) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong nội dung hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng, bên nào sai sẽ chịu mọi chi phí.
- 4.2 Mọi điều khoản khác có liên quan không được qui định cụ thể tại hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo qui định của Luật pháp Việt Nam.
- 4.3 Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thỏa thuận giữa hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời hợp đồng chính và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.
- 4.4 Hợp đồng có thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày ký. Trước khi hết hạn hợp đồng 15 ngày, hai bên sẽ thông báo cho nhau về vấn đề gia hạn hợp đồng.
- 4.5 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám Đốc

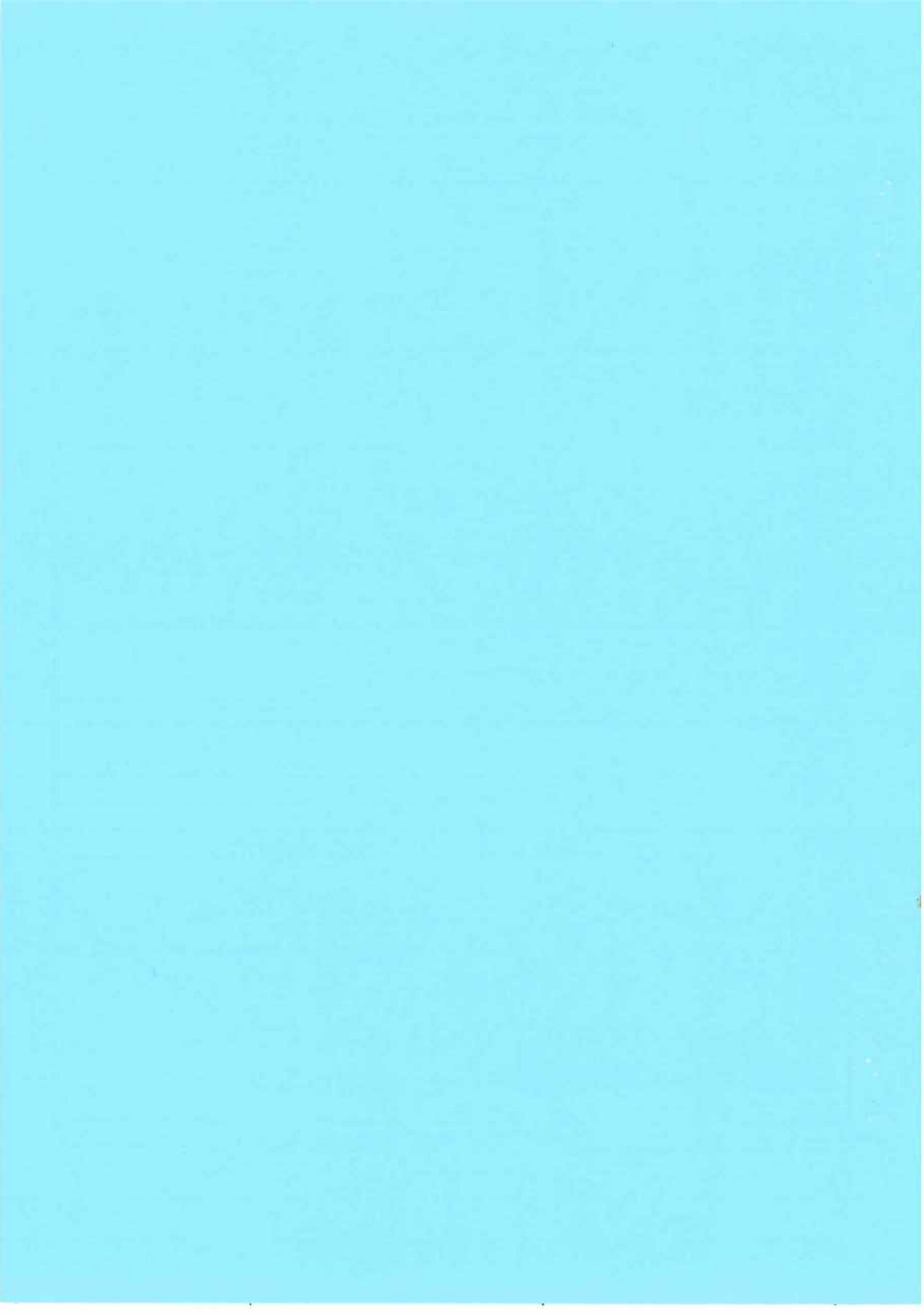
ĐẶNG VĂN CHUNG



ĐẠI DIỆN BÊN B
Tổng Giám Đốc

TRẦN THANH HÀ





KAY: 202-462-4470... 800-633-6947
 1001 Maryland Drive, Suite 200
 Silver Spring, MD 20910
 Office: 202-462-4470
 Fax: 202-462-4471
 My fax: 202-462-4471

7/16/11

Số hóa đơn	Tên địa		Cộng
	Thị trấn	Thị trấn	
4	1100000.12	6044288	118.87
5	1100013.30	604476.76	83.04
6	1100018.18	604464.18	118.21
21	1100027.18	604432.22	81.04
8	1100035.72	6044288	

Tổng DT: 18500.0 m² 793.6
DTSD riêng: 15377.3 m²
DTSD chung: 3122.7 m² (B4,C2,D1)
FO 1 được sử dụng phần diện tích đường:
A1,A2,B1,B2,B3,B4,B5,C1,C2,D1 và F1

Tổng DT: 18500,0 m²
DTSD riêng: 13176,9 m²
DTSD chung: 5323,1 m² (A2,B2,C1,F1)
FO 2 được sử dụng phần diện tích đường:
A1,A2,B1,B2,B3,C1 và C2.

Bảng 1. Các chỉ số đánh giá chất lượng			
Chỉ số	Đơn vị	Giá trị	Đơn vị
1	100000000	100000000	100000000
2	100000000	100000000	100000000
3	100000000	100000000	100000000
4	100000000	100000000	100000000
5	100000000	100000000	100000000
6	100000000	100000000	100000000
7	100000000	100000000	100000000
8	100000000	100000000	100000000
9	100000000	100000000	100000000
10	100000000	100000000	100000000
11	100000000	100000000	100000000
12	100000000	100000000	100000000
13	100000000	100000000	100000000
14	100000000	100000000	100000000
15	100000000	100000000	100000000
16	100000000	100000000	100000000
17	100000000	100000000	100000000
18	100000000	100000000	100000000
19	100000000	100000000	100000000
20	100000000	100000000	100000000

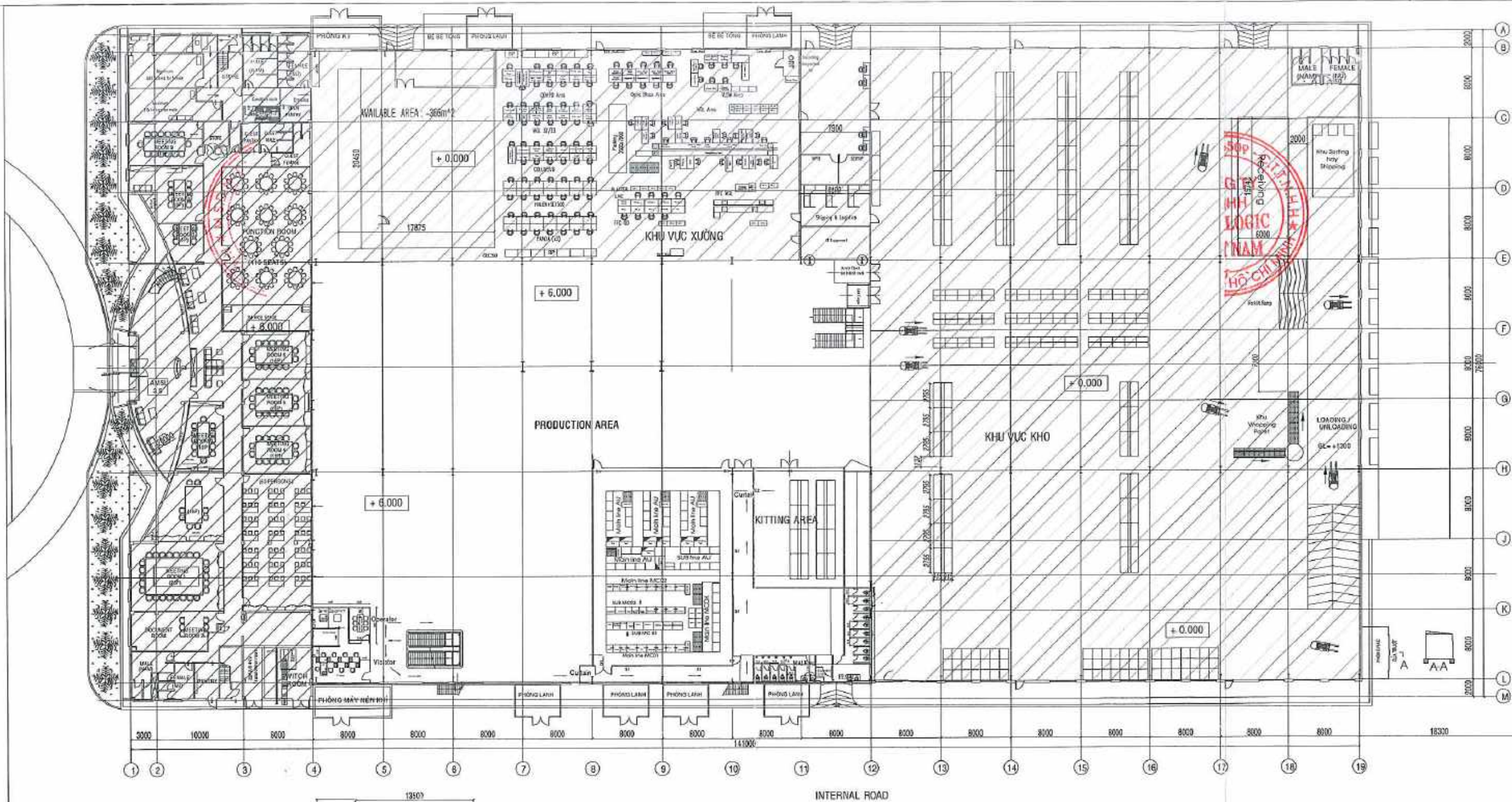
Tổng DT: 21429,0 m²
 DTSD riêng: 20599,7 m²
 DTSD chung: 829,3 m² (E1)
 FO 4 được sử dụng phần diện tích đường:
 A1,A2,B1,B2,B3,E1 và E2

Số máy	Tọa độ		Cấp
	Đông	Tây	
17	10901500	08160322	III
18	10911734	01511712	III
20	11000819	01330506	III
22	10911042	01510618	III
1	10900100	08160322	

Tổng DT: 41571.0 m²
DTSD riêng: 35353.6 m²
DTSD chung: 6217.4 m² (A1,B1,B3,B5,E2)
FO 3 được sử dụng phần diện tích đường:
A1,A2,B1,B2,B3,B4,B5,D1,E1 và E2

[illegible]

[Handwritten signature]



FACTORY LAYOUT

DATALOGIC VIETNAM
Long Thanh My Ward, District 9, Thu Duc City

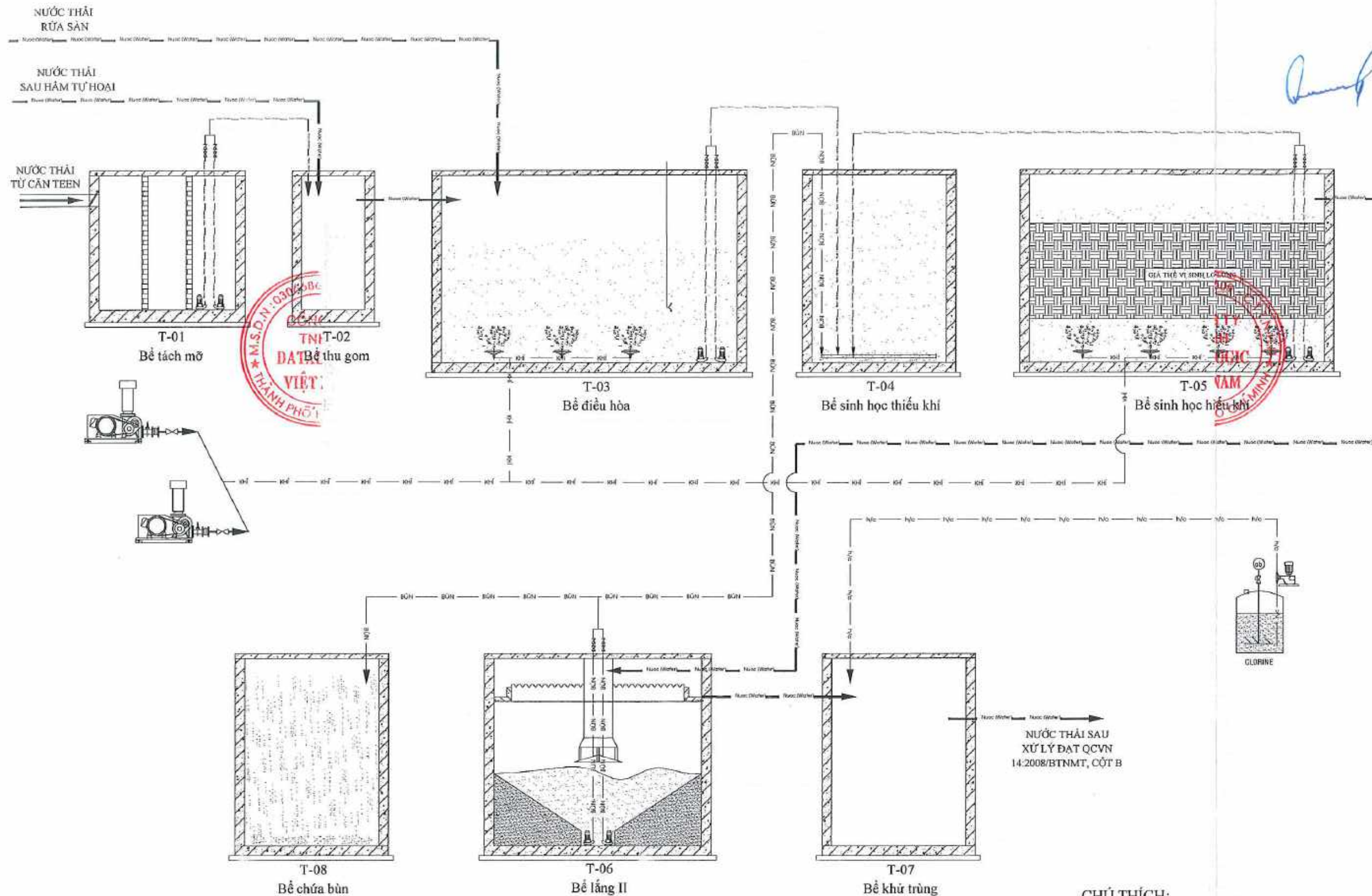
GENERAL LAY OUT (First floor)

DATE
Aug. 2022

DRAWING NO.

02

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT: 70M³/NGÀY.ĐÊM NƯỚC THẢI ĐẦU RA ĐẠT TIÊU CHUẨN KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM



GHI CHÚ:

T01. BỂ TÁCH MỠ
T02. BỂ THU GOM
T03. BỂ ĐIỀU HÒA

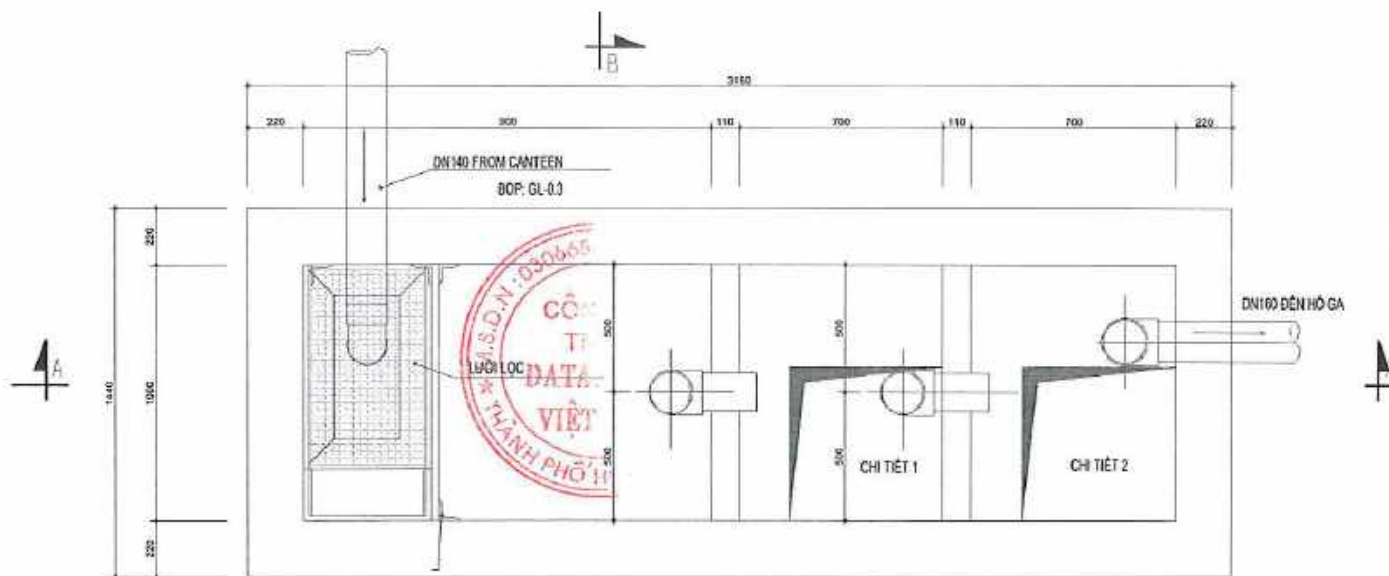
T04. BỂ SINH HỌC THIẾU KHÍ
T05. BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ
T06. BỂ LẮNG II

T07. BỂ KHỬ TRÙNG
T08. BỂ CHỨA BÙN

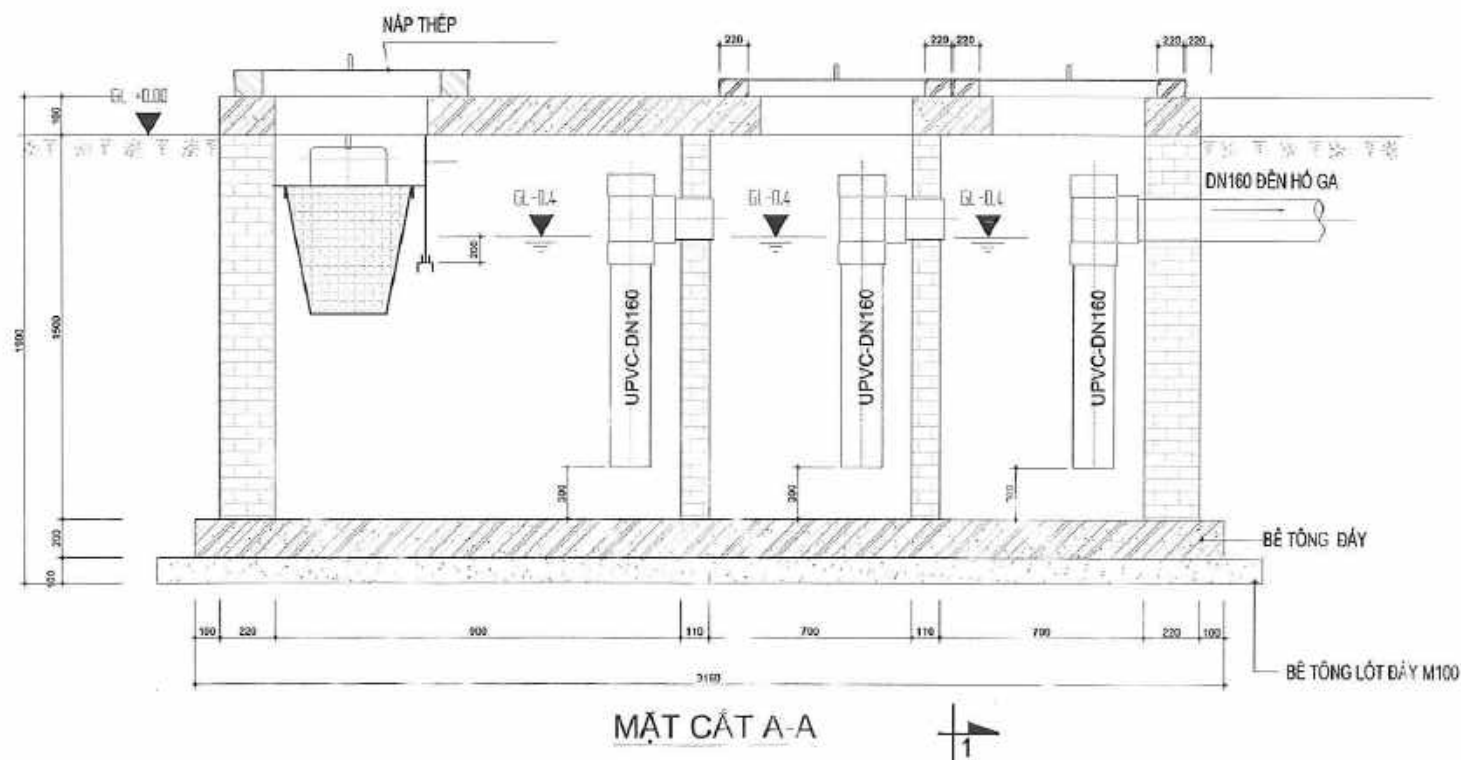
CHÚ THÍCH:

— Đường bơm nước thải
— Đường nước thải tự chảy
— Hóa chất
— Bùn thải
— Khí

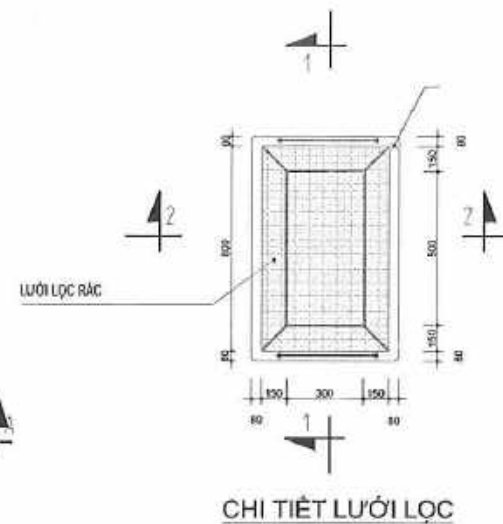
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN	☐
HOÀN CÔNG	☒
ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY
CẬP NHẬT / INVESTOR	
ĐỊA CHỈ - ĐIỆN THOẠI / FAX	
KIỂM TRA / DIRECTOR	
CÔNG TRÌNH / PROJECT	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT : 70M ³ /NGÀY.ĐÊM	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR	
CÔNG TY TNHH SƠN ĐÌNH VIN Địa chỉ: Số 113/48/1, Đường Bảo Vinh, Ấp Thọ An, Xã Bảo Quang, Thị Xã Long Khánh	
Email: holong1107@gmail.com	
KIỂM TRA / DIRECTOR	
DƯƠNG HIỂN PHÁT	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECHNICAL MANAGER	HỒ NGỌC LONG
THIẾT KẾ / DESIGNER BY	Ks. ĐỖ K. TÁNH ĐÌNH
KIỂM TRA / CHECKED BY	HỒ NGỌC LONG
SỐ BẢN VẼ / NO.	1/1
THANG / SCALE	1:100
NGÀY / DATE	01-2019
SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO.	BVHC-01/06



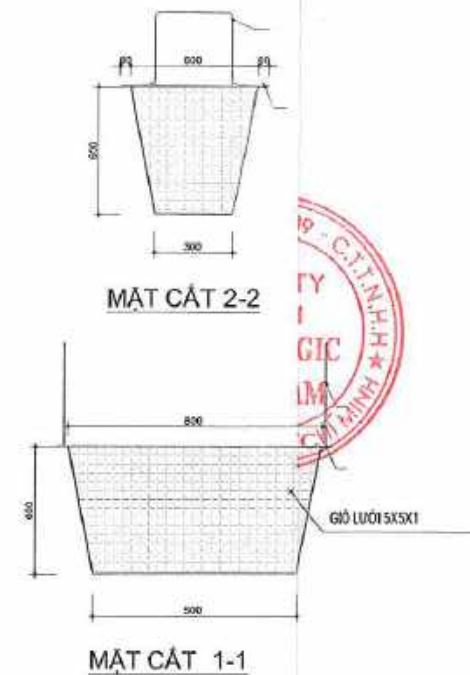
CHI TIẾT BỂ TÁCH MỠ



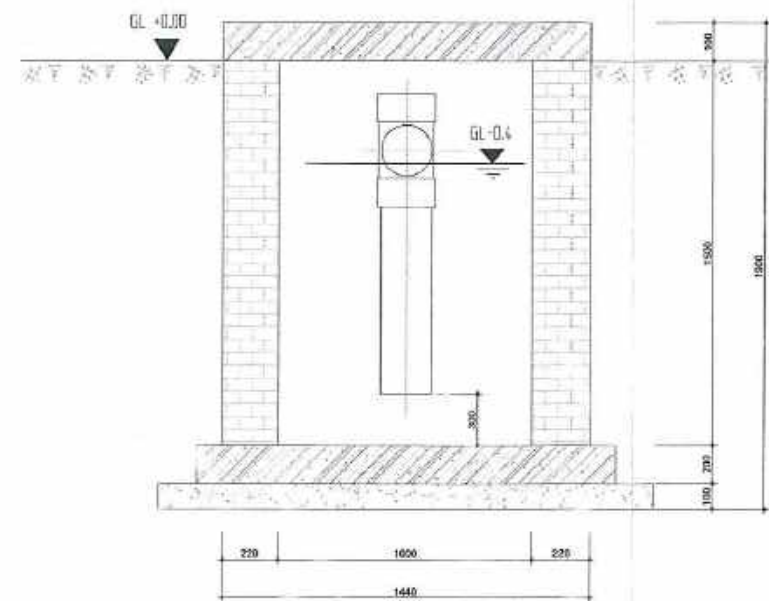
MẶT CẮT A-A



CHI TIẾT LƯỚI LỌC



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT B-B

GH CHÚ / GENERAL NOTES:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ / CONCEPT DESIGN

THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTIONS DESIGN

HOÀN CÔNG

BIỂU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION

NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

ĐẠCH CHẾ: F04, L0 1/4, K0NC Tp. HCM, P. Long Thành Mỹ, Q. 9, Tp. H.

ĐIỆN THOẠI: +84 - 28 3720481 FAX: +84 - 28 3720482

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

ĐANG VĂN CHUNG

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

NHÀ ĂN CÔNG NHÂN

THUỘC CÔNG TY DATALOGIC VI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

BẢN VẼ BỂ TÁCH MỠ

BỘN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

NGUYỄN ANH TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECHNICAL MANAGER:

NGUYỄN HỮU HỒNG

THIẾT KẾ / DESIGNER BY:

Ks. ĐO KHÁNH ĐỊNH

KIỂM TRA / CHECKED BY:

HỒ NGỌC LONG

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:

NT - SH

NGÀY / DATE:

01-2019

TỈ LỆ / SCALE:

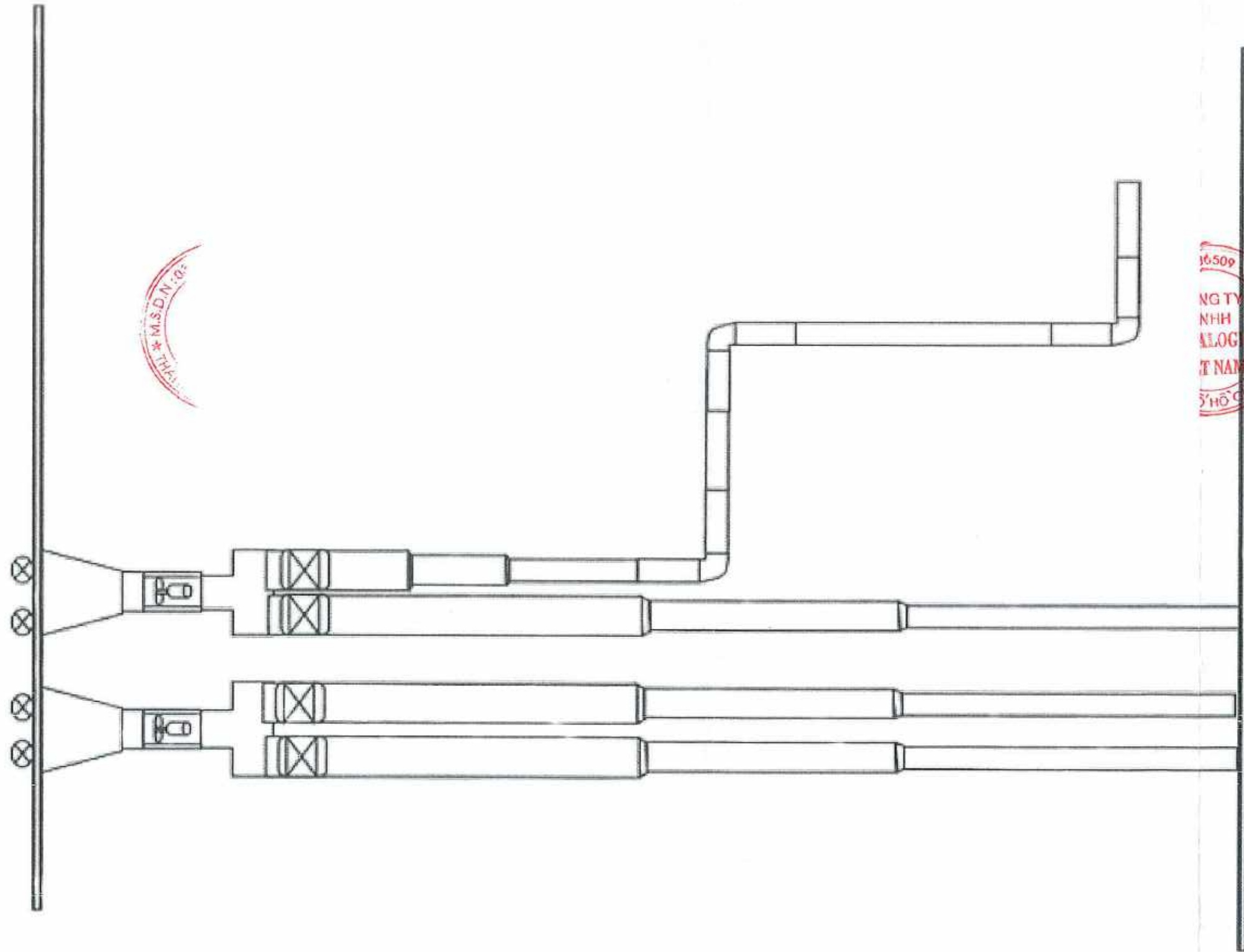
1: 100

SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.:

BVHC: 0108

CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ HÀN (TL: 1/50)



Handwritten signature

GH CHÚ / GENERAL NOTES:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐

THIẾT KẾ THI CÔNG ☒

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG ☐

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION: NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

TỔNG GIÁM ĐỐC / G. DIRECTOR:

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:

THIẾT KẾ XÂY DỰNG:

THIẾT KẾ CN:

KIỂM TRA:

SỐ HIỆU DỰ ÁN / KH NO: T. / SCAL: H. / REV:

NGÀY / DATE: 10 - 2018 SỐ HIỆU BẢN VẼ / D. G. NO:

